

Anh em nhà Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh): Ánh sáng và bóng tối

Khúc Hà Linh



Nhà văn Nhất Linh

Lời mở sách

Đầu những năm 60 của thế kỷ trước, tôi còn là cậu học sinh trường trung học. Tôi không nhớ từ đâu một lần có trong tay cuốn truyện *Nắng Thu* của Nhất Linh. Giữa cái tuổi đang mộng mơ, được đọc một cuốn truyện tả về mối tình lãng mạn giữa một anh sinh viên trường thuốc với một cô gái quê dịu dàng xinh đẹp bị câm... xúc động vô cùng. Hình ảnh chàng Phong và cô Trâm với cái tên tác giả Nhất Linh cứ bám riết lấy tôi đến tận bây giờ. Mãi sau này đọc những truyện của Nhất Linh và tìm hiểu mới biết rằng đây là nhà văn trụ cột của Tự lực văn đoàn từ khi tôi còn trong cát bụi.

TLVĐ, với tôi còn là một kỷ niệm thời học trò mãi mãi không quên.

Năm ấy tôi được cử đi thi học sinh giỏi văn khối 10(hệ 10 năm) toàn tỉnh.

Kết quả chấm thi thật bất ngờ: là hai bài được điểm 9 trên 10.

Ban giám khảo bàn nhau phải tìm ra một trong hai bài có điều gì đó tốt hơn, thưởng thêm nửa điểm để phân loại. Đầu tiên có ý kiến so chữ viết, nhưng cả hai bài chữ viết đẹp ngang nhau. Lần thứ hai xét về ngữ pháp, nhưng chẳng ai bị lỗi chính tả, lại vẫn hoà! Cuối cùng có ý kiến, tìm bài nào có kiến thức phong phú, ngoài chương trình sách giáo khoa mà nhà trường đã dạy để chọn làm thủ khoa. Năm ấy tôi bình giảng bài thơ *Cô gái sông Hương* của Tố Hữu. Cũng như mọi học trò lúc bấy giờ, tôi đã say sưa bình về tấm lòng nhân hậu của Tố Hữu trước cảnh đời lầm lạc, khổ đau của cô gái

sông Hương từng dần thân vào vũng bùn ô ứ. Cô đắng cay làm thú vui cho những kẻ có quyền có tiền... Nhưng Tố Hữu, nhà thơ cách mạng có đôi mắt nhìn bao dung, chẳng những không khinh rẻ mà còn cho rằng đời cô kỹ nữ sau này sẽ thơm như hoa lái, trong như nước suối.... Cái mà ban giám khảo thích bài văn của tôi, là bởi giữa giọng điệu của một lối văn khuôn phép, thì lại có hình ảnh cô Tuyết trong tiểu thuyết Đời mưa gió của Nhất Linh và Khái Hưng, để chứng minh so sánh. Cũng bởi những dòng viết ấy, ban giám khảo có cảm tình, khen bài văn ý tứ dồi dào, kiến thức tỏ ra rộng rãi hơn...

Điểm 9,5 in đậm trên bài viết đã cho tôi giải nhất, rồi trở thành trưởng đoàn học sinh tỉnh Hải Dương đi thi văn miền Bắc, từ năm đầu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngót nửa thế kỷ, hôm nay nhớ lại vẫn băng khuâng...

Thật là thú vị khi những năm gần đây được bạn bè khích lệ, tôi dành thời gian tìm hiểu và nghiên cứu về nhóm văn chương TLVĐ.

Tôi đã về quê hương thị trấn Cẩm Giàng, nơi có Trại văn chương, có ngôi nhà của gia đình Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh sống qua bao thế hệ. Ở đây còn mộ phần cụ Nguyễn Tường Nhu, là thân phụ các nhà văn. Ở đây còn nhiều kỷ vật, của một gia đình gốc quan lại nhưng cuộc đời thanh bạch, sống gần gũi dân quê, trải nhiều gian nan, cả những tháng ngày nghèo túng.. Tôi đã đi, về nơi đây dễ đến chục lần, đã trở thành quen thuộc với nhiều người dân chân thật và mến khách.

Một lần từ toa xe lửa bước xuống ga Cẩm Giàng, trời bỗng nhiên đổ mưa to. Tôi đang dò dẫm đi về phía trụ sở uỷ ban nhân dân thị trấn, thì một bác bán hàng ở giữa phố cứ nhìn tôi tươi cười mời vào nghỉ tạm.

Tôi ngần ngại thì bác vồn vã nói như người quen đã lâu:

- Bác cứ vào đây ngồi đỡ mưa đã. Có phải bác về Uỷ ban thị trấn không? Cháu nhận ra bác rồi. Bác đã về đây nhiều lần, còn nói chuyện về Tự lực văn đoàn, văn chương Thạch Lam, đúng không? Nhờ bác mà dân quê cháu mới hiểu thêm thị trấn này từ ngày xưa đã có những dòng họ nổi tiếng văn chương như thế. Thì ra bà con thị trấn Cẩm Giàng đã nghe tôi nói chuyện, bình văn và đã nhớ đến tôi, chứ mình làm sao có thể biết được. Vợ chồng người bán hàng còn nhiệt tình pha cho tôi tách cà phê uống cho ấm bụng.

Quả thật, tôi đã có dịp chuyện trò cùng nhiều nhân chứng của một thời đầy biến động lịch sử ở nơi đây; về làng Trữ La viếng thăm mộ cụ Nguyễn Tường Nhu, trang trại gia đình các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam... trong đó còn chiếc ao bốn

xung quanh xanh mát những cây ăn quả, và từng trò chuyện với người chủ mới đang trông nom khu vườn của người xưa.

Nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam từng biết rằng những năm Ba mươi thế kỷ XX, ở nước ta xuất hiện một nhóm văn học Tự Lực văn đoàn (TLVD). Văn chương của họ đó thể hiện tư tưởng tiến bộ trong đấu tranh chống phong kiến, thực dân, phổ biến quan niệm nhân quyền, dân quyền, quan điểm tiến bộ về cá nhân, về gia đình, xã hội.

Thành viên chính của TLVD gồm có tám người được gọi là “bát tú”- tám ngôi sao: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ, Trần Tiêu và Xuân Diệu. Và trong số ấy, có ba anh em ruột họ Nguyễn Tường với các bút danh: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, được sinh ra và lớn lên từ thị trấn Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Hơn bảy chục năm qua đã có biết bao công trình nghiên cứu về cuộc đời và văn chương của họ. Viết cuốn sách này, tôi xem mình chỉ là người vác rìu qua cửa nhà Lỗ Ban. Nhưng ai dám bảo rằng tôi không có niềm vui, lòng kính trọng gia đình Nguyễn Tường đã sinh ra con người những nhân vật mà tôi tâm phục, khẩu phục qua cuộc đời và sự học tập phấn đấu đầy gian khổ của họ?

Cuốn sách không có ý nhận định đánh giá về văn chương TLVD mà chỉ là chấp nối lại những quãng thời gian của những con người từng bị bụi thời gian che phủ. Đất Cẩm Giàng là nơi sinh thành, dung dưỡng và ghi nhiều ký ức tuổi thơ của những thế hệ họ Nguyễn Tường. Cuộc đời họ, qua nhiều biến cố thăng trầm, có ánh hào quang và bóng tối. Đầy nước mắt và nụ cười. Nhưng văn chương của họ thì vẫn tỏa sáng mãi.

Tôi thành thật cảm ơn những ai đã nhiệt tình cổ vũ, khích lệ tôi, đặc biệt các đồng chí lãnh đạo địa phương và bà con ở thị trấn Cẩm Giàng đã đóng góp nhiều ý kiến... Cảm ơn các ông : Hà Huy Chương, Trần Quang Thông, Nguyễn Phúc Lai... những người đã khích lệ và có những việc làm thiết thực giúp đỡ để cuốn sách ra đời.

Tác giả

Phần 1. Cẩm Giàng - sông gấm

Lai lịch vùng đất

Mảnh đất này có cách đây gần bốn trăm năm, trong thư tịch cổ gọi là Cẩm Giang(sông Gấm), rồi sau vì tránh tên húy của chúa Trịnh Giang mà đổi, gọi chệch thành Cẩm Giàng. Phía bắc thị trấn là ngã ba sông, mềm mại như dải lụa. Đây là chỗ giao thoa

hai vùng văn hoá quan họ Kinh Bắc và vùng văn hoá hào hiệp, khoa cử xứ Đông. Từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 đất này thuộc xã Kim Quan, tổng Kim Quan, huyện Cẩm Giàng.

Đến năm Minh Mạng thứ 19 (1838) ly sở huyện Cẩm Giàng từ thôn Trữ La chuyển về khu đất phía đông bắc thôn Kim Quan cùng xã. Thế là Kim Quan thành danh giá, thành thủ phủ Cẩm Giàng, có huyện đường đông vui sầm uất. Vì thế, chẳng bao lâu ở cái đất đồng bằng, có ngã ba sông, hình thành phố lẻ, chợ nhỏ, thu hút dân các vùng về đây lập nghiệp. Từ khi có cầu Cẩm Giàng, ga xe lửa thì đất ly sở ngày càng có giá, việc đi lại buôn bán càng tấp nập. Khoảng năm 1925 xảy ra mâu thuẫn về đất cát, quyền lợi của nhân dân và hương lý sở tại, và để giải quyết mâu thuẫn đó, ở đây đã lập ra khu vực hành chính riêng, tách làng thành phố (tức phố thuộc làng). Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng phải đến tháng 4 năm 1946 xã Kim Giang mới được thành lập. Khu phố có huyện lỵ đóng nằm trên địa bàn xã Kim Giang. Hơn chục năm sau, ngày 19 tháng 9 năm 1958 Ủy ban hành chính liên khu 3 quyết định thành lập thị trấn Cẩm Giàng trên cơ sở phố huyện cũ. Vậy là thị trấn Cẩm Giàng trở thành một trong 19 đơn vị cơ sở hành chính của huyện Cẩm Giàng- một huyện nổi tiếng về hiếu học và khoa bảng.

Thị trấn Cẩm Giàng có chiều dài gần một nghìn mét, nằm dọc tuyến đường sắt Hà Nội- Hải Phòng. Dấu hiệu nhận ra cái phố huyện bé nhỏ này là cây cầu sắt dài 35 mét, bắc trên sông Cẩm Giàng từ năm 1901.

Không chỉ là vựa lúa, là trung tâm kinh tế của huyện, miền đất ấy còn là nơi giao thông thuận lợi, trên bến d--uới thuyền, có mối giao thương với các huyện Bình Giang, Mỹ Hào(Hưng Yên), Lang Tài, Gia Bình (Kinh Bắc). Ga Cẩm Giàng là cái gạch nối giữa Hải Phòng và Hà Nội. Đ--ường bộ, đ--ường sắt, đường thủy đi các tỉnh bạn dễ dàng, bán buôn trao đổi với các vùng tiện lợi, nên dân tứ chiếng về đây lập c--u, coi là đất lành cò đậu. Từ đời này qua đời khác, họ sinh sôi nảy nở, làm ăn buôn bán rồi thành người Cẩm Giàng, chứ chẳng mấy ai quê gốc, trừ rất ít người từ xó lân cận dịch chuyển về. Đất chật, như--ng thị trấn hội đủ yếu tố thiên nhiên, con ng--ười và không gian văn hoá, nó tiêu biểu cho cả một vừng quê có truyền thống khoa bảng từ đời xưa.

Sử sách nước ta còn ghi, năm 1075 dưới triều Lý Nhân Tông có ông Lê Văn Thịnh, người Kinh Bắc đã khai khoa cho sĩ tử nước nhà. Lại đến năm 1086, ông Mạc Hiến Tích, quê Nam Sách là người mở khoa cho cóc nho sĩ xứ Đông. Phải gần 100 năm sau (năm 1185), ông Bùi Quốc Khái, quê Ngọc Liên là người mở đầu cho khoa cử trên đất Cẩm Giàng . Ông Khái học tài, như--ng không chịu đi thi. Khi 44 tuổi mới ra ứng thí, đỗ hội nguyên, làm quan đến chức Đô ngự sử d--ưới thời vua Lý Cao Tông. Khi triều đình đổ nát, gian thần lộng hành, ông treo ấn từ quan, xuất gia đầu Phật, thọ 93

tuổi. Dân chúng thờ ông ở chùa Thiên Niên gần hồ Tây, và đặt bài vị thờ ở đình làng Trinh Sài – Hà Nội.

Khoa thi 1246- Thiên ứng Chính Bình 15, triều Trần có lệ lấy Tam khôi, thì ông Phạm Văn Tuấn, xã Cẩm Vũ đỗ Bảng nhãn. Đây là vị tam khôi đầu tiên ở Xứ Đông -a. Cẩm Giàng có nhiều ngư-ời cùng đỗ trong một khoa thi. Đó là khoa năm 1484 triều vua Lê Thánh Tông có tới 5 ngư-ời đỗ Hoàng giáp và Tiến sĩ. Ngoài ra chư--a kể cú khoa thi tới ba, bốn ngư-ời cùng đỗ. Xã Cẩm Sơn có 11 vị tiến sĩ, hoặc xã Ngọc Liên có 8 tiến sĩ đều là niềm tự hào của quê hương. Theo Văn chỉ Cẩm Giàng, thì từ khoa năm 1185, khi có vị tiến sĩ đầu tiên, cho đến khoa 1754, trải dài 569 năm, qua 44 khoa thi dưới các triều đại, có 59 vị đại khoa, chiếm 1, 97% tiến sĩ cả nước. Khoa thi 1754, niên hiệu Cảnh H-ung 15 - Lê Hiến Tông, ông Nguyễn Diệu Huyền, xã Ngọc Liên là ngư-ời đỗ tiến sĩ cuối cùng trên đất Cẩm Giàng.

Từ năm 1655 ở đây có Văn chỉ, ghi tên các nhà khoa bảng trong huyện. Năm 1920, trường Kiêm bị là trường học đầu tiên duy nhất thành lập, cho học sinh cả huyện đến học tập.

Có phải phong thổ Cẩm Giàng đã tạo ra gần sáu chục đại khoa thời trước, trong đó thôn Kim Quan (sau này tách ra thành một phần thuộc đất thị trấn) có 6 tiến sĩ, để đời sau đã sinh ra tài năng văn học trong một gia đình có ba anh em ruột là các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam? Cả ba người đều là người sáng lập, trụ cột của TLVĐ, một tổ chức văn chương nổi tiếng trên văn đàn nước nhà từ những năm ba mươi thế kỷ trước.

Phố huyện Cẩm Giàng.

Sau khi hoàn thành công cuộc xâm lược nước ta, thực dân Pháp bỏ cấp phủ. Tri phủ đóng ở huyện nào thì trực tiếp cai trị huyện ấy.

Cẩm Giang ngày xưa, bây giờ gọi Cẩm Giàng, có một phố huyện nhỏ, lại nghèo cách tỉnh lỵ Hải Dương chừng hơn chục cây số theo đường chim bay, còn về Hà Nội lại tròn bốn mươi cây số. Ở đây có đường đá về tỉnh lỵ Hải Dương, đường về thị trấn Sắt, đường liên tỉnh sang tận Lang Tài, Bắc Ninh lân cận. Vì thế phố huyện tuy nhỏ hẹp nhưng cũng là nơi thông thoáng với ngoài. Đó là chưa kể đầu phố còn có dòng sông, một thời thuyền mắm muối từ xứ Nghệ, Hà Tĩnh lặn ra tận đây trao đổi hàng hoá rồi ra đi.. Phố huyện thời ấy lều tều mấy căn nhà gạch, còn lại mấy chục căn nhà tranh tre nứa lá nằm sát con đường sắt Hà Nội - Hải Dương. Bốn chung quanh là cánh đồng quê, và xa tí là những lũy tre xanh ngắt bao bọc lấy làng xóm ngàn đời lam lũ nắng mưa.

Ga Cẩm Giàng là món quà vô giá đối với cái phố huyện nửa cổ nửa kim này. Tuy chỉ là chiếc ga xếp, lại bị ép chặt bởi đoạn đường sắt chạy qua, không thể phình ra được...nhưng phố huyện tự hãnh diện vượt lên trước các làng xã xung quanh. Không chỉ tự hào là đất huyện lỵ, là nơi giao lưu buôn bán khu vực, còn là chỗ tụ tập tinh hoa của vùng. Những tin tức, chuyện lạ gần xa khắp nước được ùa vào cái phố nhỏ này thường qua mồm khách đi tàu. Chuyện chính trị, quốc gia, quốc tế theo con tàu mỗi ngày lên xuống Hải Phòng, Hà Nội rồi gửi lại chỉ cần một ít lâu dần cũng thành nhiều. Thành ra có người bảo con gái phố huyện khôn ngoan và thạo giỏi hơn, đẹp hơn con gái làng khác. Vậy mà ga Cẩm Giàng chỉ lèo tèo vài chiếc quán dựng tạm bợ, hai bên trồng rào găng. Đến mùa, găng chín đỏ hấp dẫn bọn trẻ con nhà nghèo, nhưng chẳng mấy đứa dám ăn, bởi nó có mùi vị hắc đáng sợ. Đêm đêm, những khi có chuyến tàu ngược xuôi, thì hình như có một bàn tay vô hình đánh thức, phố ga choàng tỉnh dậy rộn rã ào ạt lên chốc lát. Tiếng bánh xe sắt nghiêng đường ray xa dần, thì đêm đen lại lọt thỏm vào cảnh vắng vẻ, buồn thiu.

Tiếng là huyện lỵ giữa một vùng đồng bằng, nhưng bây giờ nó chỉ sang hơn làng quê khác nhờ cái chợ và mấy hiệu bán hàng của Hoa kiều, ông hai Phóng, tư Vây, bà năm Tàu. Cuối phố có lối rẽ xuống bến đò sông Sen, hai bên xanh biếc những dặng tre. Người đi qua lối này đều ngó vào cổng huyện màu xám, có hai người lính lệ đứng gác như hai con tốt đỏ trong bộ quân tam cúc, nhưng vẫn phảng phất của chút uy quyền của một chính phủ bù nhìn cho Pháp. Những ngày nắng còn đỡ, chỉ cần mưa một ngày đêm, cả phố huyện sưng nước và nhầy nhụa bùn như thể ruộng bừa chuẩn bị cấy. Và cái phố ga càng âm đạm, buồn thiu, thấp thoáng vài con người lấm lũi, tan vào các con đường nhỏ, rồi mất hút trong các luỹ tre xanh.

Bài thơ của Nguyễn Duy Huệ, ông giáo về hưu, từng sống những năm trên đất này, tuy mới chấm phá nhưng vẫn gợi lên nét sinh hoạt khá sinh động nơi phố huyện Cẩm Giàng:

Bạn cũ giờ này sống nơi đâu?

Có còn nhớ buổi tắm chân cầu

Vườn chùa hái ôi ai trèo nữa

Lũn đảo sân ga bỏ đã lâu.

Nhà thương ông ký ngời xem truyện

Ngõ cụt thẳng tây huyết sáo mồm

Im bật sân trường ông đốc nói
Buồn thiu mẹ ốm đã mười hôm...

Chuồn chuồn bay thấp cơn mưa tới
Cá nổi ao ghè lá rụng thêm
Hành khát quần quanh quày thuốc bắc
Cụ già dắt cháu bước qua thềm.

Cổng chợ cò cửa ông xẩm hát
Cửa quan cậ âm đứng tồng ngồng
Trong nhà cụ chánh lau khăn áo
Tới dự phiên châu buổi nghị đông.

Chính cái phố huyện bé nhỏ, buồn thiu ấy là nơi chôn rau cắt rốn của một dòng họ mà sau này sinh ra những nhà văn nổi tiếng trên văn đàn nước nhà: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, từng làm trụ cột Tự Lực văn đoàn những năm 1930 –1945 ở nước ta.

Nhưng cũng ít người biết những nhà văn ấy nguồn gốc họ Nguyễn Tường.

Phần 2. Từ Cẩm Phố đến Cẩm Giàng, cuộc thiên di họ Nguyễn Tường

Gần đây một cuộc thống kê ngẫu nhiên về danh tính qua 3654 người dân ở 19 xã, thị trấn của huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, nhưng chỉ có 87 người mang họ Nguyễn. Trong số 2,3% người họ Nguyễn ấy, chủ yếu là Nguyễn Văn, Nguyễn Xuân, Nguyễn Hữu, Nguyễn Đình, Nguyễn Đức, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Trọng, Nguyễn Phú, Nguyễn Huy ... tuyệt nhiên không có ai họ Nguyễn Tường.

Vậy mà từ những năm nửa đầu thế kỷ 19, cách đây khoảng một thế kỷ rưỡi ở Cẩm Giàng có một dòng họ Nguyễn Tường từng sinh sống .

Sử sách còn ghi rằng:

Cụ Nguyễn Văn Vân (1774-1822) là hậu duệ của một dòng họ Nguyễn sinh sống ở xã Phước Điền, phủ Hà Trung, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá . Đến cụ Vân là đời thứ 5 mới di cư vào Gia Định thời chúa Nguyễn, và sau này lại dời ra Cẩm Phố, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, (nay thuộc thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam). Năm Bính Thìn(1796) lúc Tây Sơn và Nguyễn Ánh đánh nhau ở Gia Định, cụ thi đỗ nhị trường rồi được bổ chức Lễ sinh, vào làm việc bên cạnh Nguyễn Ánh. Năm 1797 cụ theo Nguyễn Ánh ra đánh Quảng Nam lập được công to, rồi đóng quân ở cửa biển Đại Chiêm- Hội An.

“Gia phả họ Nguyễn Tường” hiện đang lưu giữ ở Hội An , trong phần nói về cụ Vân có ghi rằng : một lần khi hành quân ở Quảng Nam, Nguyễn Ánh chỉ ngọn núi hỏi:

- Ngọn núi này tên là gì?

- Bầm, tên là núi Phước Tường.

- Nguyễn Phước là họ của ta. Vậy ban cho người họ Nguyễn Tường.

Sau đó cụ Vân đã đổi chữ đệm từ Văn thành chữ Tường .

Năm Kỷ Mùi 1799, Nguyễn Tường Vân theo Nguyễn Ánh đánh vào Quy Nhơn, thắng trận được phong làm Tham luận vệ túc trực, rồi chuyển vào giữ chức Tri bạ chánh doanh, cai quản nội gia Nguyễn Ánh.

Năm Tân Dậu(1801) cụ theo Nguyễn Ánh đánh chiếm Phú Xuân. Khi Nguyễn Ánh lên ngôi, cụ được cử làm phó sứ cùng chánh sứ Trịnh Hoài Đức sang đề nghị nhà Thanh phong vương cho Nguyễn Ánh, lúc trở về được giữ chức Cai bạ Quảng Nam (1803). Cụ Vân có lần bị giáng chức rồi lại thăng kí lục tỉnh Bình Thuận, rồi Hiệp trấn Nghệ An. Năm 1813 được thăng Hữu Tham tri bộ Hộ, kiêm Hiệp trấn Nghệ An,. Năm Kỷ Mão –1819 sung làm Đề điệu trường thi Sơn Nam hạ, rồi lãnh chức Hộ tào Bắc thành(Hà Nội). Khi Gia Long mất , cụ được triệu về kinh, nhưng Tổng trấn khi ấy là Lê Chất tâu xin ở lại giữ chức Phó tổng trấn trông coi việc ở Bắc Thành. Năm Minh mệnh thứ ba(1822) được triệu hồi về Huế thăng chức Bộ binh thượng thư (tương đương bộ trưởng quốc phòng ngày nay), tước Nhuận Trạch hầu . Nhưng giữ chức chưa được bao lâu, cụ mất ngày 8 tháng 10 năm 1822, hưởng dương 49 tuổi. Mộ phần quốc táng tại xã Phú Xuân, Đại Lộc, Quảng Nam.

Cụ thượng thư bộ binh, Nhuận Trạch hầu Nguyễn Tường Vân có hai vợ. Chính thất phu nhân Phan Thị Thục sinh ra phó bảng Nguyễn Tường Vĩnh, từng làm Tuần vũ Định Tường. Thứ phu nhân Nguyễn Khoa Thị Nhân, sinh ra bốn con trai là Nguyễn Tường Khuôn, Nguyễn Tường Phổ, Nguyễn Tường Thanh, Nguyễn Tường Tránh.. Gia phả- Sách đã dẫn.

Xin chỉ nói về người con thứ Nguyễn Tường Phổ sau này ra làm quan và sinh sống tại Cẩm Giàng, trở thành vị khai nguyên dòng họ Nguyễn Tường ở đây.

Nguyễn Tường Phổ (1807- 1856), tự là Quảng Thúc và Hy Nhân, hiệu Thứ Trai. Tuổi trẻ kháu khinh thông minh, học rộng biết nhiều, có chí khí. Đã hay văn thao sử, lại cung kiếm toàn tài. Năm 35 tuổi đỗ Tiến sĩ Tam giáp (khoa thi Nhâm Dần 1842). Sau khi đỗ được bổ chức Hàn lâm viện biên tu Nội các, rồi thăng tri phủ Hoàng An (Bến Tre), tri phủ Tân An(Gia Định). Năm Tự Đức thứ 6(1853) giáng bổ Giáo thụ huyện Điện Bàn, sau thăng quyền đốc học Quảng Nam. (Các nhà khoa bảng Việt Nam- Ngô Đức Thọ chủ biên- Văn học, 1993). Cụ Phổ từng làm tri phủ Cẩm Giàng, chẳng bao lâu bị giáng chức làm giáo thụ Hải Dương. Sau làm đốc học tỉnh Hải Dương.

Cụ là người nổi tiếng thơ văn, được sĩ phu trọng vọng. Trong cuốn sách Quốc triều đăng khoa lục, ông Cao Xuân Dục(1842- 1923) từng là thượng thư bộ học, lại là nhà sử học, đã bình phẩm rằng :” Đó là người có khí tiết, không a dua, không thiết gì sự thăng quan tiến chức, chỉ lấy câu thơ, chén rượu làm vui, Người bấy giờ ví ông với Đào Tiềm ”.

Cụ Phổ sinh ra Nguyễn Tường Tráp(còn gọi là Tiếp) trưởng nam, và Nguyễn Tường Chử thứ nam.. Không thấy nói về ông Chử, còn Nguyễn Tường Tiếp làm tri huyện Cẩm Giàng, dân trong vùng quen gọi là Huyện Giám. Tại thời điểm này có ông Phạm Phú Thứ, người xã Đông Bàn, cùng huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam được triều đình Tự Đức bổ làm Tổng đốc Hải An (bao gồm cả Hải Dương bây giờ- KHL).

Ông Phạm Phú Thứ (1820-1883) hiệu Trúc Đường, đỗ tiến sĩ năm 1843, có thời kỳ làm tri phủ Lạng Giang, sau làm Tổng đốc Hải An. Chính ở đây ông huyện Giám đã xây dựng được mối giao tình giữa hai nhà họ Phạm và họ Nguyễn, đồng hương Quảng Nam sống trên đất Bắc. Ở Đà Lạt những năm 50- 60 của thế kỷ trước còn con đường mang tên Phạm Phú Thứ xanh rợp bóng lá thông . Theo Phạm Phú Minh, người cháu Tổng đốc kể lại, thì ông huyện Giám đã tặng cụ cố một đôi câu đối khá dài khắc trên gỗ màu nâu, nguyên văn như sau :

* Huệ chính kỳ huân, Lục Đầu giang đông hạ văn thiên lý

* Hùng văn đại bút , Ngũ Hành sơn nam trung đệ nhất phong.

Nghĩa là :

Công lao cai trị đầy ân huệ,

từ Lục Đầu giang xuôi về đông , còn nghe ngàn dặm.

Văn chương bút lực thật lớn lao,

cả Ngũ Hành sơn riêng cõi nam, phong cách đứng đầu.

Ông huyện Giám có ba người vợ. Bà cả là Huỳnh Thị Tòng, bà thứ là Nguyễn Thị Nho, bà ba Trương Thị Lý. Trong số bốn người con của ông, Nguyễn Tường Chiếu, tục gọi là Nhu có mối quan hệ đặc biệt tới các nhân vật trong cuốn sách này..

Ông Nhu sinh năm 1881, vừa học Hán vừa thạo chữ tây, có thời kỳ sang Sầm Nưa (Lào) làm thông phán toà sứ, nên thường gọi là Thông Nhu hay Phán Nhu. (Việc này ở phần sau sẽ nói kỹ) . Ông Nhu lập gia đình với bà Lê Thị Sâm, con gái cả viên quan võ Lê Quang Thuật, tục gọi Quản Thuật huyện Cẩm Giàng. Ông bà Nhu sinh đ-ược 7 con, một gái sáu trai. Trong quyển Hồi ký gia đình Nguyễn Tường của bà Nguyễn Thị Thế ấn hành năm 1974 ở Sài Gòn, kể lại như sau:

“Thứ tự gia đình tôi theo đúng tuổi là anh cả Nguyễn Tư-ờng Thụy sau này làm Tổng giám đốc bu-u điện, sinh năm Quý Mão (1903),

Anh hai Nguyễn Tư-ờng Cẩm, Kỹ s-ư canh nông, Giám đốc báo Ngày Nay, sinh năm Giáp Thìn (1904),

Anh ba Nguyễn Tư-ờng Tam, Nhất Linh, sinh năm Bính Ngọ (1906),

Anh tư- Nguyễn Tư-ờng Long- Hoàng Đạo sinh năm Đinh Mùi (1907),

Tôi Nguyễn Thị Thế, thứ năm , sinh năm Kỷ Dậu (1909),

Em sáu Nguyễn Tư-ờng Vinh (Lân), Thạch Lam sinh năm Canh Tuất (1910),

Em bảy Nguyễn Tư-ờng Bách, Bác sĩ, sinh năm Bính Thìn (1916)”.

Thời Pháp, thông phán tòa sứ là người Việt được Pháp đào tạo về hành chính và thông thạo tiếng Pháp. Họ làm việc tại tòa Thống sứ hay Khâm sứ. Thống sứ là quan Pháp cai trị Bắc Kỳ. Như vậy ông Nhu làm thông phán tòa Khâm sứ, do quan cai trị người Pháp đứng đầu các xứ bảo hộ của vua, như Trung kỳ, Lào, Miên, có trách nhiệm thay mặt chính phủ Pháp và Toàn quyền Đông dương để giao thiệp với Triều đình Huế và sắp xếp việc cai trị ở Trung Kỳ.

Vậy là tiến sĩ Nguyễn Tường Phở - người Quảng Nam ra Cẩm Giàng làm quan trở thành vị khai nguyên cho dòng họ Nguyễn Tường trên mảnh đất này. Cụ là nội tổ của các anh em nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

Ông Nhu qua đời năm 1918 để lại cho người vợ góa 37 tuổi với một đàn con thơ bé.

Thế Uyên hồi ức: Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khôn quẫn sau khi ông (tức ông Nhu- TG chú thích) mất bên Lào . Bà buôn bán tảo tần nuôi bảy người con ở cái phố huyện buồn thiu...Các anh em trai đi học, mẹ tôi là con gái độc nhất nên ở nhà thay mẹ lo việc nội trợ...(Trang 261, TLVĐ trong tiến trình văn học dân tộc, VHNT-2000).

Người Việt Nam có quan niệm về thế thứ dòng họ rất giản dị: Người đầu tiên đến vùng đất nào mở mang, sinh cơ lập nghiệp, thì con cháu chắt các đời sau coi là vị tổ của dòng họ trên vùng quê ấy. Nếu như thế, tính từ Nguyễn Tường Phở lập nghiệp trên đất Cẩm Giàng là đời thứ nhất, thì họ Nguyễn Tường có một tri phủ (ông Phở). Sang đời thứ hai có một tri huyện(ông Nguyễn Tường Tiếp), đến đời thứ ba có một thông phán toà sứ(ông Nguyễn Tường Nhu). Đến đời thứ tư có 3 đại biểu Quốc hội khoá I (bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam - nhà văn Nhất Linh, bộ trưởng Kinh tế Nguyễn Tường Long - nhà văn Hoàng Đạo, và bác sĩ Nguyễn Tường Bách), một tổng giám đốc Bưu điện (ông Tường Thụy), một kỹ sư kiêm giám đốc báo Ngày Nay(ông Tường Cẩm). Trong đó có Tự Lực Văn Đoàn, mà ba anh em làm chủ sún(Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam). Trong bảy người con, trừ Nguyễn Tường Thụy làm kỹ thuật, còn lại 6 người đều có duyên phận văn chương nghệ thuật, tham gia quản lý báo chí và nhà in Tự Lực văn đoàn. Nhất Linh đa tài hơn cả, ông làm họa sĩ, làm báo, say mê nhạc, thổi hắc tiêu rất hay , viết tiểu thuyết có bản lĩnh . Thời kỳ lưu lạc ở Lào, đã dùng nghề vẽ phông kiếm sống chờ thời đi du học. Bác sĩ Nguyễn Tường Bách và Nguyễn Thị Thế từng viết hồi ký về gia đình Nguyễn Tường.

Đời thứ 5 họ Nguyễn Tường là các con của bảy anh chị em Nhất Linh. Họ được sinh ra trên miền Bắc, sau này vào miền nam sinh sống, nhiều người cũng theo nghiệp chú bác làm văn chương , như Tường Hùng (con trai Nguyễn Tường Thụy gọi Nhất Linh là chú ruột), Thế Uyên (con trai bà Nguyễn Thị Thế, gọi Nhất Linh là bác), Trần Khánh Triệu (con trai Nhất Linh, làm con nuôi Khái Hưng), Nguyễn Tường Giang (con trai Thạch Lam)...

Đọc bài Nắm cỏ đ--ura về tác đất xu--a của nhà văn Phạm Phú Minh trong Tạp chí Thế kỷ 21 (tháng 7-2002) mới biết rằng: năm 1975, Nguyễn Tư--ờng Thạch (con trai Nhất Linh) đã hỏa thiêu di cốt của cha và gửi bình tro tại chùa Kim C--ương đ--ờng Trần Quang Diệu tại quận 3 Sài Gòn. Năm 1981 bà Nhất Linh sang Pháp đoàn tụ với con, đã qua đời năm đó, được an táng ở Pháp. Hai mươi năm sau, vào 2001, các con của ông bà Nhất Linh đã quyết định dời mộ cha mẹ và chị gái lớn là Nguyễn Thị Th--u về

Hội An - Quảng Nam, nguyên quán của gia tộc Nguyễn Tường. Mộ ông bà Nhất Linh nằm gần mộ cụ tổ tiên sĩ Nguyễn Tường Phổ, người đầu tiên của họ Nguyễn Tường ra làm quan và lập nghiệp ngoài Bắc, nhưng khi mất đã được triều đình nhà Nguyễn cho phép mang thi hài về an táng tại quê nhà.

Ở Hội An vẫn còn Nhà thờ tộc Nguyễn Tường nằm trên đường Phan Đình Phùng, ngay cạnh Khổng Miếu. . Toạ lạc ở khối phố 4, phường Cẩm Phố, thị xã Hội An, nhà thờ còn giữ được những di ảnh từ đời trước: Bức ảnh truyền thần Thượng thư bộ binh Nguyễn Tường Vân, khi đi sứ nhà Thanh được họa sĩ người Thanh vẽ khá đẹp, mang màu sắc phong cách tranh Tàu. Bức ảnh vẽ tiên sĩ tam giáp Nguyễn Tường Phổ đến nay vẫn được thờ trong nhà thờ họ Nguyễn Tường. Điều đặc biệt là ngày 10-1-2008 UBND tỉnh Quảng Nam cấp Bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh cho nhà thờ. Công trình kiến trúc này xây dựng từ thế kỷ trước, được trùng tu nhiều lần, còn nghĩa trang dòng họ Nguyễn Tường cách đó gần một cây số.

Trong khi đó, cách Hội An ngót một nghìn cây số về phía bắc, ở Cẩm Giàng còn giữ được ngôi mộ của ông Thông Nhu. Số là khi ông mất tại Sầm Nưa(Lào) nhưng thi hài được mang về an táng tại nghĩa trang làng La A, xã Kim Giang, cách trung tâm ga Cẩm Giàng khoảng 2 km. Những năm 40 thế kỷ 20, gia đình Nguyễn Tường ly tán: Thạch Lam mất năm 1942 ở Hà Nội, Hoàng Đạo mất năm 1948 ở Trung Quốc, Nhất Linh lưu vong nước ngoài... Gia đình đã uỷ cho ông Ngô Như Khiết (người làng La A) trông nom giúp mộ phần người đã khuất.. Ông Khiết mất năm 1995, bà vợ ông là Bùi Thị Ngũ và người con dâu tiếp tục công việc nghĩa hiệp. Bà Ngũ đã 90 tuổi nhưng còn mạnh khoẻ và tinh tường, bà kể rằng: hơn nửa thế kỷ qua, gia đình bà vẫn sớm hôm chăm sóc và hương khói mộ ông Nguyễn Tường Nhu như thể mộ phần của nhà mình, không hề sao nhãng. Năm 2002, ông Vũ Xuân Ba (hiện cư trú tại K5- P401- Tập thể Thành Công, quận Ba Đình - Hà Nội), tìm về tận Cẩm Giàng thăm mộ ông Nhu. Ông đã bỏ tiền ra và nhờ gia đình bà Ngũ tôn tạo lại mộ phần ông Nhu cho đẹp đẽ.

Ngày 13 tháng Chạp năm Bính Tuất (2006), chúng tôi đã được đồng chí Nguyễn Hồng Hà, bí thư Đảng uỷ, đồng chí Đường phó chủ tịch UBND thị trấn Cẩm Giàng và nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Quang Thông cùng các cụ địa phương và bà Ngũ dẫn đến thăm viếng mộ ông Nhu. Đó là gò đất cao, thế vững chắc, nằm sát một chiếc ao lớn, mặt chính của ngôi mộ hướng tây nam. Ngôi mộ được xây đắp giản dị mà tôn nghiêm, có tấm bia khắc chữ Nguyễn Tường Nhu (1881 - 1918), có bát hương thờ cúng. Mới biết người dân thị trấn Cẩm Giàng, xã Kim Giang tình nghĩa với người con từng sinh sống nơi đây, nay do hoàn cảnh lịch sử mà gia đình đã ly tán. Đây cũng là tấm lòng nhân hậu của người quê hương Cẩm Giàng đối với thân phụ của các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, những người một thời có những tác phẩm về quê hương rất đậm nét trong văn chương nước nhà. Tình cảm ấy được gián tiếp thể hiện

qua một bài thơ ngắn của ông Vũ Xuân Ba gửi cụ Trần Vĩnh An , số nhà 9, khu I, thị trấn Cẩm Giàng:

May sao gặp cụ Vĩnh An

Đã chỉ cho phố Thạch Lam quê nhà

Cụ vui khỏe, tuy tuổi già

Nghĩa tình chu đáo, thật là quý thay!

Vậy ông Ba có quan hệ thế nào với gia đình Nguyễn Tường Tam?

Ngày 23 tháng 5 năm 2007, chúng tôi tới thăm ông Vũ Xuân Ba (tức Lê Thu) mới biết ông nguyên là chuyên viên cao cấp Bộ Giáo dục, được cử làm chuyên gia dạy Đại học sư phạm tại Madagascar, đã nghỉ hưu năm 1993 trú tại K5- P401, khu tập thể Thành Công quận Ba Đình, Hà Nội. Ông Vũ Xuân Ba , quê gốc làng Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão, Kim Động, Hưng Yên , tham gia cách mạng khá sớm. Ông kể rằng: Vào những năm 43-44 thế kỷ trước, khi học trung học tại trường Thăng Long Hà Nội, có người mời chàng học sinh Vũ Xuân Ba làm gia sư kèm cặp thêm cho người con tên là Ái. Cậu Ái lại có bạn thân là Nguyễn Tường Việt, con trai nhà văn Nhất Linh đang có nguyện vọng học thêm. Anh đồng ý nhận dạy kèm cả hai người. Hàng ngày đi học, anh đều ghé qua phố Hàng Bè, là gia đình Tường Việt để gửi bài đã chấm, hoặc giao bài mới cho Việt làm. "Thầy" Ba nhanh chóng trở thành thân thiết với gia đình bà Nhất Linh. Trong nhà, Kim Thư là trưởng nữ của ông bà Nhất Linh cùng trang lứa với Xuân Ba, nên hai người dễ đồng cảm.. Bà Nhất Linh quý Xuân Ba và có ý tác thành đôi lứa cho hai người. Để thực hiện ý đồ ấy, khoảng đầu tháng 9 năm 1945, bà Nhất Linh có mời mẹ Xuân Ba về Hà Nội bàn chuyện hạnh phúc cho các con. Nhưng ai ngờ ở quê nhà, gia đình anh đã nhằm một người con gái tên là Nguyễn Thị Nhạn ở làng Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân cùng huyện làm con dâu nhà họ Vũ (tức là vợ ông hiện nay). Vào thời điểm nhạy cảm ấy, cụ thân sinh cô Nhạn ốm nặng hấp hối sắp qua đời nên họ hàng hai bên tổ chức cưới chạy tang, dù không có chú rể ở nhà. Việc đã đến thế, lại là người con vốn tuân lời cha mẹ, nên chàng thanh niên Vũ Xuân Ba phải nghe theo xếp đặt của gia đình. Nhưng sau này anh vẫn coi bà Nhất Linh như mẹ, coi các con bà như người em thân thiết của mình. Sau này tuy có gia đình riêng, con cháu đê huê, nhưng vẫn coi trọng kỷ niệm cũ.

Trong tập thơ văn Tình Đời của ông tự in năm 2006, gồm mấy trăm bài, dày hơn 300 trang, ông đã viết gần chục bài nói về gia đình Nhất Linh, với tình cảm thấm thiết.

Ký ức về bà Nhất Linh (Phạm Thị Nguyên), Vũ Xuân Ba viết:

Mình mẹ lo dựng nghiệp nhà
Bao con khôn lớn thật là ơn sâu!
Đời mẹ gắn với trầu cau
Tạo bao duyên thắm tình sâu nghĩa bền.

Ấy là vào năm 1985, sau khi bà Nhất Linh sang Pháp thăm con và mất ở bên đó:

Tháng Hai: mẹ đến Paris
Tháng Năm: tìm côi từ bi niết bàn
Hòn thiêng đã vượt không gian
Báo cho con nổi bàng hoàng chia ly.

Với Kim Thư, người bạn gái lỡ làng, ông vẫn ghi sâu mỗi tình cũ “ trong tim anh, em sống mãi”.

Ngày 8 tháng tư năm 1976, Kim Thư mất ở Sài Gòn, mộ phần đặt tại nghĩa trang Giác Minh. Bảy tháng sau, ngày 22 tháng 1 năm 1977 ông Ba mới có dịp vào Nam tìm bạn xưa, chỉ còn là hoài niệm:

Anh đi kháng chiến sớm chiều
Luôn hướng về em yêu quý
Tình yêu tăng thêm vũ khí
Anh mong kháng chiến thành công.
Anh mong thống nhất non sông
Đề về gặp em đoàn tụ
Ai ngờ... em theo phật tổ

Bính Thìn, ngày 8 tháng tư..

Đến ngày giỗ đầu bà Thư, ông Ba có thơ Viếng hương hồn Kim Thư:

Em đi xa một năm rồi

Đến nay ngày giỗ bồi hồi lòng ai...

Ba mươi năm sống chia ly

Sao em chẳng ráng đợi khi anh về.

Ông Ba cho xem bức ảnh Nguyễn Tường Thiết - con trai Nhất Linh chụp chung với ông bà khi về Việt Nam năm 2005, và kể rằng từ khi đất nước thống nhất, nhiều lần các con nhà văn Nhất Linh(bà Thoa, ông Việt, ông Thiết) đã về thăm mộ phần ông nội là cụ Nguyễn Tường Nhu an táng tại Nghĩa trang làng La A, xã Kim Giang. Tháng 2 năm Mậu Tý- 2008 bà Nguyễn Thị Dung , con gái nhà văn Thạch Lam, cũng là vợ của trung tướng Ngô Quang Trưởng,(của chế độ Sài Gòn) từ Mỹ về thăm mộ ông nội , và xúc động đi trên con đường mang tên Thạch Lam, người cha thân yêu của mình, trên thị trấn Cẩm Giàng.

Đối với gia đình họ Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng, năm 1918 là một thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt lớn trong cuộc đời họ. Đó là năm mà ông thông Nhu mất ở bên Lào, gia đình lâm vào cảnh nghèo khó và hụt hẫng. Bà Nhu ngày ấy 37 tuổi, tần tảo khuya sớm nuôi bảy con, trong hoàn cảnh người lớn nhất mới 15, 16 tuổi (Nguyễn Tường Thụy sinh năm 1903), bé nhất là Tường Bách lên 2 tuổi. Người mẹ phải gian khổ, can đảm vượt qua thử thách để nuôi các con ăn học, sống trong cái phố huyện buồn tẻ. Bà Nhu phải đi cân gạo nhưng vẫn không đủ sinh sống. Bà quay sang nấu thuốc phiện với mục đích kiếm tiền cho con ăn học, nhưng các con lại coi đó là trò chơi có ý thức chống đối bọn Tây, bởi chúng độc quyền rượu và thuốc phiện. Ngày ấy các con đều ở Cẩm Giàng thấy mẹ làm vậy là nguy hiểm nên thay nhau canh gác để không cho Tây đoan đến bắt. Một lần chúng sập đến bắt ngờ, Thạch Lam chúi mũi vào xem đầu tàu hoả không biết, thật may Nhất Linh phát hiện trước chạy ra tút tút hỏi chuyện nhằm giữ chân bọn Tây đoan. Tường Cẩm bê đồ giấu ở bụi tre mà thoát hiểm. Sau lần ấy, bà Nhu bỏ nghề mạo hiểm, lại đi cân gạo, vẫn sống cảnh nghèo. Niềm an ủi nhất là các con bà đi học và càng tiến bộ .

Chính cuộc sống khổ nghèo ấy đã lay động trái tim và in đậm trong tâm hồn các con để sau này thành những nhân vật văn học trong các tác phẩm của TLVĐ. Hầu hết các tác phẩm Thạch Lam đều lấy chất liệu ở đời sống, để rồi hoá thành bác Lê, thành người hay mua rượu chịu của hai chị em Liên, thành bên Tiên trong truyện.

Những ngày sống ở Cẩm Giàng đã khiến cho bà Nhu bùng dậy một ước mơ, khi có tiền bà sẽ làm một cái nhà giữa cánh đồng hứng gió mát cho sương. Thế rồi vận bĩ qua đi, các con khôn lớn, hai người con đầu đi làm có tiền giúp mẹ cho các em học lên cao, hai người con tiếp theo cũng đỗ đạt, lại giúp các anh học tiếp nữa. Chỉ có Thạch Lam bấy giờ mới 15 tuổi tốt nghiệp bậc tiểu học(Primaire). Sốt ruột, Thạch Lam(khi

ây tên Nguyễn Tường Vinh) mới bảo mẹ nói khéo với ông lý trưởng cho đổi tên Nguyễn Tường Lân và khai tăng tuổi học ban thành chung, rồi đỗ bằng Cao đẳng tiểu học trường Canh nông, rồi xin thôi để vào trường Albert Saraut học thi bằng tú tài. Thi xong tú tài, ông đi làm báo với các anh.

Bà Nhu đã thực sự thoát cảnh túng bần nhờ các con trưởng thành. Uy tín người mẹ có con học hành đỗ đạt, đã tạo nên hoàn cảnh mới. Bà giao thiệp rộng rãi và buôn bán khá hơn. Bà mua ba mẫu ruộng cách xa phố huyện khoảng gần một nghìn mét, làm nhà để hứng gió trời. Ngôi nhà có cửa quay bốn hướng đông tây nam bắc, trong kính ngoài chớp. Chung quanh trồng cây xanh. Phía đông trước cửa là một chiếc ao hình vuông thả cá, trên bờ trồng cải nhiều loại hoa thơm. Có lẽ vì thế sau này Thạch Lam có một truyện ngắn rất nổi tiếng là Dưới bóng hoàng lan đầy chất thơ. Từ một cái nhà giữa cánh đồng, được các con giúp thêm, với đức cần kiệm toan lo của bà Nhu, nơi này trở thành một cái trại khá đẹp, nằm sát đường tàu, khách ngồi trên toa xe lửa Hà Nội- Hải Phòng qua đây cũng có thể nhìn rõ. Cũng trại này thành nơi sinh hoạt và hoạt động văn chương của TLVĐ và nhóm Phong Hoá, Ngày Nay. Cũng từ trại này mà sau này Thế Lữ sáng tạo thêm làm bối cảnh cho một truyện trinh thám gây xôn xao lúc bấy giờ.

Những giai đoạn khổ nghèo như thế có mấy ai biết, chỉ đến khi thấy bà Nhu là chủ trại lớn, tiện nghi đàng hoàng, các con bà trang phục sang trọng theo lối Tây, lại mua nhà in với thiết bị khang trang, thì đã có cách nhìn thiếu phần chia sẻ. Nhiều người cực đoan cho rằng thái độ của Thạch Lam, Hoàng Đạo, Nhất Linh tả nhân vật trong văn chương thể hiện con mắt của kẻ ban ơn, của kẻ giàu thương hại người dân nghèo tối tăm, ngu dốt. Ai biết đâu, chính đó là sự hoá thân của các tác giả TLVĐ vào con người dân quê, mà họ từng sống trong ngày thơ ấu ở Cẩm Giàng.

Thế Uyên – con trai bà Nguyễn Thị Thế, cháu gọi Thạch Lam là cậu, trong bài “ Tìm kiếm Thạch Lam” đã hồi ức về trại Cẩm Giàng: Căn trại này biệt lập giữa đồng, có dãy nhà ngang nhìn ra chiếc ao sát bờ tre, gọi là khu đàn ông. Căn nhà đầu tiên trải

thảm cói dày, cửa lớn nhìn ra đường xe lửa bên kia lũy tre xanh, bên trong có nhiều ghế bành mây. Chính ở đây những người đàn ông ngồi uống trà, hút thuốc, nói chuyện tâm đắc. Họ toàn là những người thân thiện, gần gũi với gia đình. Có khi bàn chuyện văn chương, báo chí, có thể là chuyện cải cách giải phóng dân tộc. Thường trong lúc ấy, Thạch Lam ngồi trong đám bạn văn thơ, bởi tính cách Thạch Lam chỉ có thế.

Cuộc sống gia đình bà Thông Nhu dần dần biến động theo sự biến động của thời cuộc, không còn giữ được vẻ yên hoà như trước. Thời kỳ các con làm báo Phong Hoá, Ngày Nay ở Hà Nội, bà Nhu quanh năm bà ở Cẩm Giàng. Những ngày lễ, ngày tết gia đình mới sum họp. Cũng có khi bà ra Hà Nội chơi với các con, nhưng chỉ vào ngày kỷ

niệm báo ra và lễ ngày Noel, chơi vài hôm lại về. Một lần Nhất Linh thuê một ngôi nhà ở đường Quán Thánh, gần toà báo, đón mẹ lên ở cùng Hoàng Đạo, Tường Bách, Thạch Lam và vợ chồng cô con gái Nguyễn Thị Thế. Vậy là toàn bộ cơ ngơi trại Cẩm Giàng phải nhờ người nhà trông coi.

Bà Nhu ra Hà Nội ở, bạn bè của bà đến thăm rất đông, bởi một thời gian dài họ không có điều kiện gặp nhau. Trong này có bà phán Lợi rất quan tâm đến Hoàng Đạo. Bà phán làm mối cho Hoàng Đạo lấy con một bà bạn của mình. Thế rồi chuyện cưới xin suôn sẻ, nhưng vì nhà gái hiếm hoi, nên Hoàng Đạo thuận lòng về ở rể nhà mẹ vợ cho vui cửa vui nhà. Công việc xong, bà Nhu lại về trại Cẩm Giàng nơi mà bà gửi gắm bao nhiêu tình yêu và kỷ niệm.

Vợ chồng bà Thế cũng thuê một căn nhà khác ở làng Yên Phụ, gần hồ Tây, có Thạch Lam về ở cùng. Tường Bách bấy giờ đang học bác sĩ nên ở nội trú. Thấy phong cảnh hồ Tây đẹp nên thơ, không khí mát lạnh, các con lại tìm mọi cách đón bà Nhu ra Hà Nội một lần nữa. Mặc dầu vậy, nhưng bà Nhu cũng cố ở được một năm, lại nặng nề về ngôi trại của mình ở quê hương Cẩm Giàng.

Mùa xuân năm Đinh Hợi (2007) chúng tôi được các đồng chí lãnh đạo thị trấn hướng dẫn đưa đi thăm trang trại ngày xưa của gia đình bà Thông Nhu. Khu đất ba mẫu Bắc bộ nay có ba hộ quản lý và sử dụng: Kho lương thực Cẩm Giàng, và hai hộ gia đình nông dân. Chúng tôi vào một gia đình, được chủ nhà là ông Nguyễn Văn Đạm ngoài 70 tuổi, vồn vã đón tiếp. Nghe kể lại nguồn gốc mới thấy cảm động về tình đất tình người.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, gia đình bà Nhu tản cư. Vùng quê Cẩm Giàng tiến hành tiêu thổ kháng chiến, trại bà Nhu cũng như các làng thôn khác, trở thành vườn không nhà trống để tham gia đánh giặc.

Hoà bình lập lại, dân làng trở về xây dựng cuộc sống mới, khu trại nhà bà Nhu vẫn là mảnh đất để không. Vào khoảng năm 53-54 ông Thiệp là xếp ga Cẩm Giàng đã sử dụng khu đất này vào việc nhà ga và một phần cho sinh hoạt. Hoà bình lập lại, chính quyền mới tiếp quản ga Cẩm Giàng, ông Thiệp được giữ lại làm việc với tư cách là cán bộ lưu dụng. Khoảng năm 1970 cấp trên điều ông Thiệp về nhận công tác ở ga Giáp Bát- Hà Nội. Trước khi đi, ông đã bán lại cho người em đồng hao là ông Nguyễn Văn Đạm sử dụng khoảng 2000m². Số đất còn lại, chính quyền địa phương giao cho gia đình ông Hồ một phần và sử dụng vào việc xây kho lương thực từ thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Khuôn viên nhà ông Đạm còn một cái ao cũ từ thời bà Nhu ở. Trước hình vuông, nay đã biến thành tròn. Ông Đạm nhiều lần cải tạo ao và nhiều lần tìm được vỏ những lọ kem, mỹ phẩm bằng nhựa, bát đĩa cổ, gạch ngói cũ là dấu tích một thời gia đình bà

Nhu từng sinh sống. Những cây mít, cây nhãn, cây doi trồng trong vườn đã lâu niên vẫn còn toả màu xanh mát, đang mùa ra quả.

Tất cả kỉ vật từ thời TLVĐ trên mảnh đất này nay chẳng còn gì, ngoài chiếc ao. Bãi biển nướng dâu mà! Tôi bỗng liên tưởng tới bài thơ Hồi hương ngẫu thư của Hạ Tri Chương đời Đường, đại ý: Xa quê đã lâu, nay trở về chứng kiến bao đổi thay. Người thân đã mất mát quá nửa, duy chỉ sóng nước hồ Kính Thủy trước cửa nhà, khi gió xuân gợn sóng vẫn không làm thay đổi ngọn sóng ngày xưa. Chúng tôi hình dung ra mùi hoàng lan thơm ngào ngạt đâu đây, và cứ băng khuâng cố tưởng tượng xem chỗ nào mông ba tết Nhâm Ngọ 1942 Thạch Lam cùng bạn văn ngồi uống rượu Mỹ tửu vui đùa nói chuyện văn chương?

Ông Đạm chỉ cho chúng tôi chỗ nào là ngôi nhà bốn hướng của bà Nhu, rằng nếu có xây dựng nhà lưu niệm, thì trên bờ ao này sẽ là nơi đặt bia kỷ niệm.

Thì ra ông đã chuẩn bị trước, nếu nhà nước có nhu cầu lấy lại đất để sử dụng vào việc lớn, ông sẽ vui lòng.

Phần 3. Anh em nhà Nguyễn Tường với Tự lực văn đoàn.

Xã hội Việt Nam những năm 1930-1945 trải qua một thời kỳ biến động sâu sắc về chính trị, kinh tế và văn hoá. Chỉ nói riêng về văn hoá, thời kỳ này các loại sách báo hải ngoại du nhập vào Việt Nam. Hàng loạt học sinh từ Pháp trở về nước mang tư tưởng tân tiến, mới lạ đã có ảnh hưởng tới đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp học sinh tiểu tư sản trí thức. Cùng với thương mại, công nghệ, kỹ thuật phát triển, các tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam phát triển theo. Các trường tư thục mọc lên dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Không chỉ con nhà giàu, mà cả con em ở nông thôn cũng tìm về đô thị học tập. Báo chí nở rộ khắp ba kỳ. Có thời điểm cùng tồn tại tới 130 tờ báo và tạp chí.

Trong bối cảnh ấy, đầu tháng 3 năm 1933, nhóm Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) ra đời do Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khải Hưng sáng lập và làm trụ cột.

Chỉ hoạt động khoảng 9-10 năm, nhưng TLVĐ chiếm ưu thế trên văn đàn công khai đầu thập niên ba mươi của thế kỷ trước. Việc này nhà thơ Tú Mỡ đã kể trên Tạp chí Văn Học số 5 tháng 6-1988: Năm 1932, tờ Phong Hóa phát hành hằng tuần vào ngày thứ Năm của anh Phạm Hữu Ninh quản trị, anh Nguyễn Xuân Mai, giám đốc chính trị, loại báo vô thưởng vô phạt, đang sống dở chết dở vì không ai buồn đọc, sắp sửa phải đình bản. Anh Tam đề nghị nhượng lại tờ báo cho mình làm chủ bút, còn hai anh vẫn đứng tên quản trị và giám đốc chính trị làm vì, mỗi tháng lĩnh mấy chục bạc lương

(tức là tiền cho thuê báo). Tất cả đều hỉ hả: anh Ninh và anh Mai trút được gánh nặng mà khỏi đình bản.

Dưới sự điều hành của Nhất Linh, Báo Phong Hóa làm ăn phát đạt, số báo in càng ngày càng tăng. Lúc đầu gặp hồi kinh tế khó khăn, mấy anh em đem hết tài lực làm việc quên mình, không vụ lợi. Bốn anh em giữòng cột trong tòa soạn: anh Tam, anh Long, anh Giur, anh Thế Lữ (tức Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khải Hưng và Thế Lữ - KHL chú) tình nguyện chỉ lĩnh mỗi tháng 50 đồng đủ sống, để dành tiền lãi làm vốn cho báo phát triển Nhưng đến cuối năm đó, tính sổ mới ngã ngựa ra: lời lãi chia theo số vốn, phần lớn chui vào két nhà tư sản. Anh Nhất Linh bèn họp với anh em phải chấm dứt tình trạng “thằng còng làm thằng ngay ăn”. Không thể chơi với nhà tư sản được... Thế là anh em quyết định thành lập “Tự Lực Văn Đoàn”, trên nguyên tắc là làm ăn dựa trên sức mình, theo tinh thần anh em một nhà: tổ chức không quá 10 người nên không phải xin phép Nhà nước, không cần có văn bản , điều lệ: lấy lòng tin nhau làm cốt, chỉ nêu ra trong nội bộ mục đích, tôn chỉ, anh em tự nguyện tự giác tuân theo.

Đoàn viên nòng cốt của Tự Lực Văn Đoàn là những nhà văn trong tòa soạn báo Phong Hóa tất cả chỉ có 6 người. Anh Tam đề nghị kết nạp thêm một người nữa cho đủ số “thất tinh”(tức 7 ngôi sao- KHL). Anh Giur giới thiệu Trần Tiêu, em ruột mình, một giáo viên trường huyện, thích viết văn, đang viết truyện dài “Con Trâu”, được cả đoàn đồng ý. .. Sau cùng, theo đề nghị của anh Tam, đoàn chỉ kết nạp thêm anh Xuân Diệu, vị chi là “ bát tú ”(tức là 8 ngôi sao - KHL).

*** Từ làm báo Phong Hoá, đến văn phái TLVĐ**

Số báo Phong Hoá đầu tiên (do Nhất Linh chủ bút) ra ngày 22-9-1932, đã hăng hái ủng hộ cho phong trào thơ mới qua bài viết của Nhất Linh :” Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng..”

Toà soạn và trị sự của báo ban đầu ở góc đường Quán Thánh và Hàng Bún (số 80 phố Quán Thánh - Hà Nội). Toà soạn báo nằm trong một khuôn viên khá xinh xắn. Ngoài có cổng lớn, xung quanh hàng rào sắt, hàng ngày leng leng tiếng chuông xe điện từ Bưởi đi qua. Cây bàng to ở hai bên đường mỗi mùa thu về, lá bàng đỏ cong như chiếc bánh đa vùng rụng đầy sân và liệng thả đậu trên cành tre đằng ngà bên cạnh đó. Toà soạn ở trên gác. Bên trái có phòng riêng của vợ chồng Khải Hưng.

Báo có nội dung mới mẻ là duy tân cấp tiến, đả phá hủ tục, khuyến khích vươn tới cái văn minh. Phong Hoá in tranh khôi hài nhạo báng không chừa một ai, cốt là vui cười. Từ ông Lý Toét, Xã Xệ đến nhà thơ Tản Đà, luật sư Lê Thăng, nhà nghiên cứu

Nguyễn Văn Tố... đều bị phơi lên mặt báo với ý ngầm muốn phá cũ, lập cái mới. Báo còn lờm cả nhân vật tai to mặt lớn trong chế độ đương thời, như loạt bài động chạm đến Hoàng Trọng Phu “Đi xem mũ cánh chuồn”. Như thế là báo trào phúng Việt Nam quả đến đây mới có. (Phạm Thế Ngũ - TLVĐ trong tiến trình văn học dân tộc- NXB VHHT, 2000)

Báo Phong Hoá giá bán 7 xu. (số ra ngày thứ sáu, ngày 19- 1- 1934). Báo bán chạy và hấp dẫn bạn đọc từ thường dân đến trí thức. Sau khi Phong Hoá ra được hai mươi tám tháng, Nhật Linh cho ra tiếp tờ Ngày Nay để đáp ứng nhu cầu bạn đọc và ngầm ý là để sơ cua khi có biến cố gì xảy ra.

Tờ Ngày Nay số 1 (ra ngày 30 - 1- 1935) bán giá 10 xu, bìa chụp hình thiếu nữ mặc áo mùa xuân. Ngay trang đầu đã phi lộ: Ngày Nay là tờ báo thứ hai của TLVĐ... Chúng tôi đưa các bạn từ rừng ra bể, từ thành thị đến thôn quê xem các trạng thái hiện có trong xã hội. Chúng tôi sẽ đi nhận xét thấy sự thật, nói lại để các bạn hay và sẽ chụp nhiều ảnh in xen vào bài để các bài này được rõ hơn... Quả thật, số đầu tiên trên trang bìa đã xuất hiện chức danh Giám đốc Nguyễn Tường Cẩm (là anh thứ hai nhà văn Nhật Linh), báo Ngày Nay đã thay đổi khác. Những phóng sự, những bức ảnh thật đẹp mang hơi thở muôn mặt của đời sống dân quê. Ngoài các bài trong chuyên mục, còn thấy truyện tranh liên hoàn Trong Rừng Sâu, do Thế Lữ viết truyện, tranh vẽ của Cát Tường. Tuy không còn mục trào phúng, nhưng Ngày Nay thêm “phóng sự điều tra” rất sinh động (như nạn trộm cướp ở làng quê, về không khí ngày tết, nạn khốn cùng dân quê...), đặc biệt có nhiều ảnh mỹ thuật choán cả trang bìa rất bắt mắt. Đến tờ số 2 (ra ngày 10- 2 - 1935) độc giả bất ngờ thấy trang nhất xuất hiện chủ bút mới: Chủ bút Nguyễn Tường Lân - tức nhà văn Thạch Lam.

Từ khi ra đời, báo Ngày Nay gây tiếng vang và thu hút sự chú ý của bạn đọc. Các nhà văn rất xông xáo trong hoạt động nghề nghiệp, tả xông hũu đột không chừa bất cứ một lãnh địa nào trong đời sống. Họ cử phóng viên lên tận làng Trũng, nơi sinh ra vị anh hùng Hoàng Hoa Thám kháng chiến chống Pháp, đã bị giết hại hơn hai mươi năm về trước. Họ gặp người con trai của ông là Hoàng Văn Vi, lấy tài liệu cho phóng sự hai kỳ trên báo Ngày Nay. Tác giả Việt Sinh (một bút danh khác của Thạch Lam) đã kể về cuộc đời của người con còn lại của Đề Thám bằng phóng sự ảnh rất sinh động. Có thể cũng từ đó mà bạn đọc cả nước mới hiểu thêm về con người Đề Thám. Theo bài viết, thì Hoàng Văn Vi là con trai Đề Thám và người vợ ba. Khi Đề Thám bị giết hại, Hoàng Văn Vi mới lên 5 tuổi. Ông này bị Pháp bắt khi mới 7 tuổi và được giao cho quan án Giáp ở Bắc Ninh nuôi, cho đi học nhưng trong cảnh quản thúc. 15 tuổi Hoàng Văn Vi được cho ra Hà Nội học trường bách nghệ, nghề mộc. Năm 18 tuổi thì về quê lấy vợ là một cô con gái một vị bộ tướng của cha mình. Một điểm rất rõ ràng là trong khi các bạn bồi bút, và báo khác xuyên tạc thân thế, sự nghiệp của Hoàng Hoa Thám,

thì các phóng viên báo Ngày Nay trung thực mô tả sự anh hùng của Đền Thám mà không sợ đàn áp.

Nhưng vì phải chăm lo hai tờ báo cùng một lúc, khó khăn nhiều thứ, ít lâu sau tờ Ngày Nay không ra hàng tuần, mà mỗi tháng một kỳ, thành từng tập dày. Cuối cùng, Ngày Nay ra được 13 số rồi tự rút lại chỉ còn tờ Phong Hoá. Chỉ đến năm 1936 khi loạt bài giáng quá mạnh vào nhà cầm quyền, Phong Hoá mới bị đóng cửa vĩnh viễn.

Nhà thơ Tú Mỡ từng hồi ức rằng, dạo ấy báo Phong Hoá liên tục xoáy sâu vào chế độ quân chủ triều đình Nam triều bù nhìn, mất hết quyền lực vào thực dân Pháp. Tiếng là một quốc gia, nhưng triều đình chỉ còn mấy việc là cai quản đám quan lại mũ cánh chuồn; đội lính mặc sà cạp vàng; chăm lo cúng tế; phong hàm cho mấy quan bản xứ, phong sắc cho bách thần... còn chuyện quốc gia, ngoại giao, quân sự, tài chính, nâng cao dân trí, chính trị xã hội ... đều do Pháp cầm roi chỉ đạo. Nhà cầm quyền lấy cớ tờ báo đăng truyện Hậu Tây du, nói cạnh khoé đến những nhân vật mới trong triều đình Huế phò tá hoàng đế Bảo Đại và Hoàng hậu Nam phương là những con cung của Pháp sang tây... nên đã cho Nam Phong báo tử.

Mặc dầu vậy, sau 3 năm ra đời, báo Phong Hoá đã ảnh hưởng to lớn trong xã hội. Người nông dân không còn sợ hủ lậu cũ, tập tục cũ như trước. Dân trí được nâng lên. Trong đời sống tinh thần dường như có luồng gió mới thổi vào cái xã hội trì trệ từ trước 1932, và đặc biệt tiếng cười của Phong Hoá đã góp phần làm đảo lộn trật tự một phần đời sống: cụ Nguyễn Văn Tố phải cắt bỏ búi tóc; Tản Đà hết nông hết mộng, đóng cửa An Nam tạp chí; Nguyễn Văn Vĩnh đình Niên lịch thông thư. Tờ Nam Phong, thành trì của văn hoá cũ, không chịu nổi những nhát dao cạo của Phong Hoá đành để sụp đổ. Những hý hoạ phát hành khắp Bắc Trung Nam chỉ cho người ta thế nào là nhà quê, là hủ lậu, thế nào là văn minh là tân tiến và thúc đẩy họ trút bỏ những tập tục cũ. (Phạm Thế Ngũ - sách đã dẫn)

Lại nói, tờ Phong Hoá hoạt động được khoảng nửa năm và ngày càng phát triển mạnh, khoảng tháng 3 năm 1933, sau số báo xuân Quý Dậu phát hành, Nhất Linh tính về lâu dài, nên quyết định thành lập TLVĐ.

TLVĐ có một biểu trưng riêng in trên báo Phong Hoá làm dấu hiệu của văn đoàn. Đó là một hình tròn, đóng khung hai chữ T.L xếp thành chữ triện hình chim đại bàng tung cánh bay trên sóng(1933).

TLVĐ có tôn chỉ, đăng trên báo Phong Hoá số 87 ngày 2 tháng 3 năm 1933 [1] với 10 điều cụ thể như sau:

1 -Tự mình làm ra những sách có giá trị văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu sách này chỉ có tính cách văn chương thôi, mục đích để làm giàu văn sản trong nước.

2- Soạn hay dịch những sách có tư tưởng xã hội, chú ý làm cho người và xã hội ngày càng hay hơn

3- Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cố động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân

4- Dùng một lối văn dễ hiểu ít chữ nho, một lối văn thật sự có tính An Nam

5- Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ.

6- Ca tụng những nét hay về đẹp của nước nhà với tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân. Không có cách trường giả quý phái.

7-Tôn trọng tự do cá nhân

8- Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.

9- Đem phương pháp khoa học Tây ứng dụng vào văn chương An Nam.

10- Theo một trong 9 điều trên đây cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác.

Đúng như tên gọi, TLVĐ là tổ chức văn chương độc lập, với khuynh hướng nghệ thuật riêng: “ Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu ít chữ nho, một lối văn thật sự có tính cách An nam, ...lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ”. Vì thế báo Phong Hoá đã kịch liệt bất kỳ ai đi ngược xu hướng đó. Số ra ngày 29-9-1932 có bài chê ông phó bảng Hoàng Tăng Bí, viết báo Trung Bắc tân văn là văn khó tiêu như trứng vịt, hoặc Việt Sinh châm biếm loại văn chương chỉ biết “khóc, khóc một giọng rên ư ử từ ngàn xưa”. Các nhà văn TLVĐ còn tỉ mỉ thống kê để minh chứng rằng Tương Phố nghèo nàn ngôn ngữ đến nỗi trong một bài Giọt lệ thu có bốn trang giấy đã dùng 61 từ “ ôi, than ôi, lệ”. Kể cả Nguyễn Trọng Thuật, tác giả Quả dưa đỏ cũng bị chỉ trích như một con lừa chưa thuộc ngữ pháp(?).

Chưa dừng ở đó, Phong Hoá còn tiếp tục tấn công vào một thứ văn chương lai căng. Trong bài “ Hai cái thái cực” trên Phong Hoá tháng 3 năm 1933, Nhất Linh đã hài hước nhại một câu văn Tàu cổ lỗ :

“Bi nhân trầm tư mặc tưởng nghiên cứu về cái thâm ý đại nghĩa của nhân thế sau khi đã biện phục... vào những lý thuyết của các triết học thì phải phục nhận rằng nhân thế là một gang tay là bạch câu quá khích vậy”.

Nhất Linh nhái tiếp một câu đặc quánh văn tây:

“Cảm tình ta như nôn nao như xoáy tận đáy cõi lòng, tư tưởng ta như nẩy phăng ra ngoài óc, tim ta hồi hộp muốn phá tan lồng ngực nhẩy ra ngoài”...

Đồng thời Nhất Linh chăm lo đến công việc in ấn rất chu đáo, từ bìa sách đến nội dung, sao cho sách thì đẹp, mà nội dung thì hay có giá trị tư tưởng tốt, không đi chệch hướng tôn chỉ nêu ra. Ngày ấy tranh minh hoạ đều do các hoạ sĩ tài danh đảm nhiệm: Trần Bình Lộc (Nhất Sách), Nguyễn Gia Trí (Rilg), Tô Ngọc Vân (Tô Tử). Trong các nhà xuất bản như: Tân Dân, Nam Kỳ, Cộng Lực, Lê Cường, Tân Việt... chẳng nhà nào tranh giành được với TLVĐ. Họ lại còn chiêu hiền đãi sĩ, trân trọng những người tài, chứ không như một số nhà khác bắt chẹt những nhà văn mới vào nghề, mua đứt bán đoạn tác phẩm của họ, chỉ trả giá 20 đồng, nhưng in ra bán gấp 10 đến 15 lần...kiếm lời.

Báo Phong Hoá bị đình bản, nhưng Nhất Linh đã có đề phòng, nên chẳng hề nao núng. Ông cho tục bản tờ Ngày Nay thay thế. Người đứng đầu TLVĐ cho anh em chuyển dần nội dung của Phong Hoá sang Ngày Nay. Trước báo Phong Hoá còn nói chuyện chính trị quốc gia dè dặt, nay báo Ngày Nay viết nhiều bài đánh thép của Hoàng Đạo, Tứ Ly. Họ gộp những nội dung lại thành vấn đề mới mà như cũ. Họ thêm mục mới như “ Bức tranh vãn đầu”. Báo Ngày Nay là người bạn của mọi tầng lớp bình dân trong nước. Họ tìm thấy nhiều điều cần thiết cho cuộc sống mới, nhằm mở mang dân trí, điều mà thực dân Pháp và bọn cường quyền không muốn.

TLVĐ có cơ quan ngôn luận là báo Phong Hoá, về sau là tờ Ngày Nay. Lại có nhà xuất bản Đồi Nay để in ấn tác phẩm của nhóm. Giai đoạn đầu phải in thuê của nhà khác .

Năm 1938 là năm TLVĐ làm ăn phát đạt, có số bạn đọc rất đông, có đội ngũ cộng tác viên hùng hậu, giỏi giang, chuyên nghiệp, lành nghề. Chính Tú Mỡ cũng thừa nhận trước khi viết cho Phong Hoá mới chỉ là học nghề, khi làm báo Phong Hoá là vào nghề, đến báo Ngày Nay thành lành nghề. Do sự nghiệp kinh doanh tiến triển nên TLVĐ xây dựng được nhà in riêng. Sự kiện này được công bố lên mặt báo bằng một hình thức thách đối rất sâu sắc mà hóm hỉnh. Vế thách như sau: Ngày Nay ngày nay in nhà in nhà. Tám con chữ, được lặp lại từng đôi một, bốn lần. Hình như đến bây giờ sau bảy chục năm chưa có ai đối lại. Đọc vế ra nghe rồi như canh hẹ, nhưng bình tâm thì nghĩa của nó chỉ là một thông báo tin vui: Báo Ngày Nay trước phải đi in thuê, đến bây giờ in ấn ngay ở nhà in của nhà mình.

Chỉ sau khoảng một năm làm việc, nhà xuất bản Đồi Nay tung ra xã hội trên năm mươi nghìn cuốn tiểu thuyết, trừ hai tập thơ của Tú Mỡ và Thế Lữ. Mỗi đầu sách in từ bốn đến năm nghìn bản vẫn bán hết. Nhất Linh từng học nghề xuất bản tại Pháp, có tài năng quản lý tổ chức đến nỗi các nhà xuất bản khác ghen tỵ mà không sao được.

“ Nhà xuất bản Đời Nay mở kỷ nguyên cho cuốn sách trong lịch sử văn học Việt Nam.”(Phạm Thế Ngũ- sách đã dẫn).

Trước, văn chương thường tả sự chán đời, khóc than uỷ mị, con người thì dường như bất lực trước cuộc sống, trai gái thất tình tìm cách tự tử để giải thoát. Kể từ khi ra đời, TLVĐ đã thổi vào nền văn học nước nhà một sinh khí ấm áp hơn. Số phận con người trong mỗi truyện tuy gặp trắc trở, có đau buồn, tình yêu ngang trái nhưng họ đều quý mạng sống, muốn vươn lên, muốn đoạn tuyệt hiện tại để tìm cuộc sống mới ở phía trước. Những con người rất đáng yêu, đáng trân trọng như cô hàng xén, hai đứa trẻ, như chị Tý, Liên, Lan trong truyện Thạch Lam, hoặc trong tác phẩm Khải Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo v.v. Vấn đề con người, tự do cá nhân được miêu tả đầy chất nhân văn, tin yêu cuộc sống. Đặc biệt tiếng cười có sức công phá thói hư tật xấu trong xã hội như nói phần trên.

TLVĐ còn là cái nôi đỡ cho những tài năng văn học nước nhà. Họ đặt ra Giải thưởng văn chương hai năm xét và trao giải một lần. Ban giám khảo gồm các nhà văn trong nhóm. Những tác phẩm phải đi theo khuynh hướng của nhóm mới được đưa vào xét giải.

Năm 1935 không có tác phẩm trúng giải chính thức chỉ có bốn giải khuyến khích, với tổng số tiền 100đồng chia đều cho bốn tác phẩm. Trong đó có Đỗ Đức Thu với Ba, Phan Văn Dật với Diễm dương trang, Hàn Thế Du với Bóng mây chiều...

Giải thưởng năm 1937 được trao là: Kịch Kim tiền của Vi Huyền Đắc, Bỉ Vỡ của Nguyên Hồng (mỗi giải 50 đồng); Nỗi lòng tiểu thuyết của Nguyễn Khắc Mẫn được giải thưởng 30 đồng. Đặc biệt có một thiếu phụ xin dấu tên là L.D được trao 30 đồng.. Riêng Tâm hồn tôi của Nguyễn Bính được Hội đồng đặc biệt khuyến khích..Ngoài ra các tác phẩm được hội đồng chú ý: Bốn Mùa, tiểu thuyết của Nguyễn Trọng Sơn, kịch Hai người thợ học của Nguyễn Đại Thanh, tiểu thuyết Hy sinh của Phạm Ngọc Khôi và Ngược dòng, tiểu thuyết của Nguyễn Lân.

Đến năm 1939 TLVĐ lại trao giải thưởng cho cuốn tiểu thuyết Làm lẽ của Mạnh Phú Tư, Cái nhà gạch của Kim Hà (mỗi giải 100 đồng). Về thơ trao giải cho tập Bức tranh quê của Anh Thơ và Nghẹn ngào của Tế Hanh... Ngoài ra còn một số tác phẩm khác được ban giám khảo khen trên giấy, được gửi đến tận tay các tác giả.

Có thể nói rằng nhiều cây bút từng lọt vào mắt xanh của TLVĐ thời kỳ ấy, đã thành nhà thơ, nhà văn nổi tiếng sau này.

Nòng cốt TLVĐ ban đầu là những nhà văn trong tòa soạn báo Phong Hóa do Nhất Linh là giám đốc, tất cả 6 người. Sau nhiều lần bổ sung, cuối cùng văn đoàn có tám người, gọi là bát tú (tám ngôi sao).

1. Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) - Vị chủ bút hay linh hồn TLVĐ

Trên trang Website của Bộ ngoại giao Việt Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2008 ở trang chủ, mục kỷ yếu lãnh đạo nói về Bộ trưởng Nguyễn Tường Tam, có ghi những dòng trích ngang như sau:

- Họ và tên thường dùng: Nguyễn Tường Tam .
- Bí danh : Nhất Linh.
- Ngày tháng năm sinh: 25 - 7 - 1905
- Nơi sinh: Phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Giữ chức bộ trưởng: 2/3/1946 đến 3/11/1946

- Những nét chính về Nguyễn Tường Tam:

Học mỹ thuật ở trong nước rồi sang Pháp học, đỗ cử nhân khoa học, nghiên cứu thêm về báo chí. Thành lập TLVĐ và sau đó khởi xướng đoàn “ánh sáng” cải tạo nếp sống ở thôn quê(1932). Xuất bản báo Ngày Nay (1936).

Hoạt động chính trị, thành lập đảng Đại Việt dân chính(1939). Bị thực dân Pháp truy bắt phải trốn sang Trung Quốc rồi bị bắt lại tại Liễu Châu năm 1942...

Trong hồi ký của người em gái ông, Nguyễn Tường Tam tuổi Bích Ngọc. Nếu Bích Ngọc phải là năm 1906, chứ không phải 1905. Cả trong những bài viết của người thân trong gia đình, khi viết về ông, nhiều người vẫn nói ông tuổi ngựa. Thế nhưng có lẽ phải có đủ tuổi đi thi, ông đã làm lại giấy khai sinh, tăng ngày sinh, thành ra một số tài liệu dựa vào thẻ căn cước số F 13108 ngày 19-2-1951 có ghi sinh ngày 1-2-1905 và nói ông sinh năm đó.

Thuở nhỏ Nhất Linh học tiểu học ở Cẩm Giàng, học trung học tại trường Bưởi - Hà Nội. Năm 16 tuổi Nhất Linh làm thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn, hai năm sau có bài Bình Luận Văn Chương về Truyện Kiều trên Nam Phong Tạp chí, một ấn phẩm vào loại sang trọng thời ấy. Cuối năm 1923 ông đậu bằng Cao tiểu, chỉ vì chưa đến tuổi vào trường Cao đẳng, nên ông làm thư ký ở Sở tài chính Hà Nội, quen thân Tú Mỡ cùng viết cho tờ Nam Phong. Ông có năng khiếu nhiều ngành học, nhưng không hiểu vì sao ban đầu học trường thuốc rồi chuyển sang học mỹ thuật, mà cũng chỉ một năm rồi bỏ. Năm 1926, Nhất Linh vào Nam, gặp Trần Huy Liệu và Vũ Đình Di định cùng

làm báo. Nhưng vì tham dự đám tang Phan Chu Trinh nên hai người này bị bắt, Nhất Linh phải trốn sang Lào, sống bằng nghề vẽ thuê phông rập và tìm đường sang Pháp du học. Ở Pháp, ông đậu bằng Cử nhân khoa học, còn dành thời gian nghiên cứu về nghề báo chí xuất bản.

Trở về nước năm 1930, Nhất Linh làm giáo sư tại trường tư thục Thăng Long - Hà Nội, kết bạn với Khái Hưng cùng dạy ở đây. Trong thời gian ngắn Nhất Linh có làm hiệu trưởng trường này. Năm 1932 làm chủ bút tờ Phong Hoá, sáng lập nhóm TLVĐ, mở nhà xuất bản Đồi Nây, khởi xướng Đoàn ánh sáng cải tạo nếp sống ở thôn quê.

Công việc làm báo đang thuận lợi thì Chính phủ Nam triều có công văn mời ông vào Huế làm giáo sư tại trường trung học Khải Định. Có thể đây là cách chính quyền đưa ông đi chỗ khác để giảm người chủ sự của tờ báo với các cộng sự, vốn có ý chống lại nhà cầm quyền mà không có cơ đàn áp thẳng tay. Nhất Linh đã nhận ra điều đó, ông từ chối khéo, không nhận lời và ở lại Hà Nội tiếp tục con đường văn chương.

Nhưng trong khi TLVĐ đang hoạt động mạnh có tác dụng rõ rệt trong đời sống xã hội, thì Nhất Linh- vị chủ soái của TLVĐ từ năm 1939 đã quay sang hoạt động chính trị. Ông thành lập Đảng Hưng Việt rồi làm tổng thư ký Đảng Đại Việt dân chính. Vì có ý thức chống Pháp, từ 1940 một số thành viên TLVĐ như Hoàng Đạo, Khái Hưng, rồi Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt đầy lên Sơn La. Nhất Linh cũng bị thực dân Pháp truy bắt phải trốn ra nước ngoài. Ông có sang Hồng Công với ý định dựa vào Nhật để chống Pháp. Nhưng sau khi được mục sở thị về quân Nhật tàn bạo dã man, ông tỉnh ngộ nhận ra không thể dựa vào Nhật, nên lại trở về Trung Quốc. Từ vùng đất quân Nhật kiểm soát vào lãnh địa của tướng Trương Phát Khuê cai quản, Nhất Linh bị nghi ngờ là gian tế của Nhật. Ông bị bắt giam bốn tháng trong nhà tù ở Liễu Châu năm 1942. Sau nhờ có Nguyễn Hải Thần, Nghiêm Kế Tổ bảo lãnh, nên được tự do nhưng không trở về nước, sống cuộc đời lưu vong thứ nhất.

Cuối năm 1945 đầu năm 1946 Nhất Linh trở về Hà Nội, có tham gia đại biểu Quốc hội khóa I đặc cách. Ngày 2 tháng 3 năm 1946 tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, Quốc hội họp đã phê duyệt danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nhất Linh được giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao[2].

Ngày 17-4-1946 ông làm Trưởng đoàn Việt Nam dự Hội nghị trù bị tại Đà Lạt đàm phán với Pháp.(Võ Nguyên Giáp là phó trưởng phái đoàn, kiêm trưởng ban quân sự, Vũ Văn Hiến là tổng thư ký phái đoàn, Hoàng Xuân Hãn là trưởng ban chính trị, Nguyễn Mạnh Tường trưởng ban văn hoá, luật sư Trần Văn Tuyên đồng lý văn phòng Bộ ngoại giao, Nguyễn Văn Huyền và Nguyễn Mạnh Tường làm phiên dịch) . Ông được cử trong Phái đoàn Việt Nam dự Hội nghị Fontainebleau nhưng không đi, mà bỏ sang Trung Quốc tháng 5 năm 1946 và lưu vong lần thứ hai ở Hương Cảng.

Khoảng cuối năm 1950 Nhất Linh về nước, tuyên bố không hoạt động chính trị. Ông ở nhờ nhà anh cả Nguyễn Tường Thụy (số 2 Lý Thường Kiệt- Hà Nội), trong một khu phố yên tĩnh, đối diện với Viện Đại học Hà Nội. Ông rảnh rỗi vẽ bức ảnh chì khá lớn về người mẹ đang chấp tay niệm Phật trong bộ áo nâu tu hành. Không ai ngờ một người đàn goá bụa, đôi vai gánh vác gậy dựng cơ nghiệp họ Nguyễn Tường gian lao, khắc liệt trần ai, đến cuối đời lại nương thân cửa Phật, khi về cõi niết bàn là sư cụ chùa Xá Lợi - Sài Gòn vào những năm đầu của thập niên sáu mươi, thế kỷ XX.

Năm 1951(chắc chắn là sau tháng 2) Nhất Linh cùng người anh cả là Nguyễn Tường Thụy vào Nam, để vợ và 4 con ở lại Hà Nội. Ông mang theo con gái lớn và con trai út vào sống tại Sài Gòn. Thẻ căn cước số F 13108 do Phủ thủ hiến Bắc Việt cấp ngày 19-2-1951 tại Hà Nội còn ghi : Nguyễn Tường Tam, nghề nghiệp văn sĩ, nơi sinh tổng Ngọc Trục, Cẩm giàng, Hải Dương, con ông Nguyễn Tường Nhu và bà Lê Thị Sâm... chứng tỏ trước khi đi Sài Gòn cư trú, ông đã khai giấy này. Ở Sài Gòn, ông cho in lại các tác phẩm cũ và viết tác phẩm mới. Ông đã lấy chữ đầu quê vợ(Phượng Dực) và chữ cuối nơi sinh trưởng của mình là Cẩm Giang (Giàng) rồi ghép thành tên nhà xuất bản Phượng Giang. Tường Hùng người đã thiết kế dấu hiệu con phượng hoàng làm biểu tượng nhà xuất bản Phượng Giang. Hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí lui tới đây giúp Nhất Linh trang trí mẫu bìa tiểu thuyết qua nghệ thuật cắt và dán giấy màu của ông. Hoạ sĩ đã vẽ bức chân dung Nhất Linh bằng chất liệu sơn dầu, nhưng mới có phần đầu đầy đủ, bàn tay cầm gói thuốc lá mới là mấy nét phác thảo, thì ông Trí bị bắt đi an trí ở Thủ Dầu Một. Khi trở về định vẽ tiếp, nhưng Nhất Linh không đồng ý. Có lần ông nói vui cứ để nguyên như vậy, bởi cuộc đời ông cũng chưa phải là tác phẩm hoàn tất.

Năm 1954 Nhất Linh sang Pháp chữa bệnh và thăm người con cả đã sang Pháp du học từ năm 1949. Thời gian này toàn bộ gia đình ông cũng di cư vào Nam. Bà Nhất Linh mua một căn lầu trong chung cư, số 39 đường chợ An Đông , Chợ Lớn để lấy chỗ ở và buôn bán.

Nhất Linh ở Pháp một thời gian ngắn lại hồi hương.

Sang năm 1955, ông mang theo con trai vào học một trường trung học công lập Đà Lạt và quyết định ở hẳn trên đó. Ở đây ông có thú vui chơi hoa phong lan rồi mê lan, đến nỗi mang được cây lan quý về nhà, ông trồng lên một khúc cây mục, tìm rêu để đắp vào rễ giữ độ ẩm, rồi treo ngay trên tường trong phòng ngủ. Nhất Linh chơi lan công phu, ra thư viện tra cứu hoặc đặt mua các sách ngoại quốc viết về hoa phong lan trên thế giới, rồi tỉ mỉ phân loại, so sánh với hoa ở địa phương. Ông vẽ từng đóa hoa, đặt tên, ghi chú đặc tính, với ý viết một cuốn sách về việc sưu tập hoa phong lan. Bà Nhất Linh bận rộn buôn bán ở Sài Gòn, ông cũng gọi lên Đà Lạt sống với ông ít ngày để cùng thưởng lan. Cái nhiệt tình của Nhất Linh đã lây sang rất nhiều người. Về sau

Nhất Linh mua căn nhà số 19 đường Đặng Thái Thân, do ông chủ garage Lê Đình Gioãn, một người bạn lan để lại. Tại đây Nhất Linh đã biến căn biệt thự thành một trại lan nhỏ với đủ các loại hoa trồng khắp từ trong ra đến tận ngoài nhà. Những người bạn từ Sài Gòn lên Đà Lạt để cùng đi tầm lan với ông khá đông: nhà văn Đỗ Tôn, thi sĩ Tô Kiều Ngân. Ngoài các văn nghệ sĩ còn có cả cựu bộ trưởng, nhà chính khách như ông Phan Huy Quát thỉnh thoảng cũng có mặt. Đặc biệt có tướng Dương Văn Minh... Một lần đi tầm lan trở về, xe bị lính bắt dừng lại bên vệ đường hai tiếng đồng hồ. Sau đó dò hỏi được biết vì Ngô Đình Diệm đi kinh lý trên Đà Lạt, chuyến bay chở tổng thống bị trễ và vì không biết lúc nào phi cơ đáp xuống phi trường Liên Khương nên tốt nhất là chặn tất cả xe cộ lại. Khi biết chuyện này Nhất Linh nói đùa với mọi người: "Nếu trong số này, mai sau có ai làm tổng thống thì nhớ ngày hôm nay phải chờ đợi bực mình nhé!".

Nhất Linh sống thanh bạch và giản dị, không bao giờ in một tấm danh thiếp cho chính mình. Trong các đơn từ, giấy tờ, hoặc có ai hỏi về nghề nghiệp, ông chỉ khai giản dị "nhà văn".

Năm 1957 Nhất Linh mua được vài mẫu đất, rất gần dòng suối Đa Mê, nằm ven quốc lộ 20 Sài Gòn – Đà Lạt, ngay cột cây số 27. Ông cho xây móng dựng một căn nhà gỗ tranh đầu tiên của đời mình. Đó là căn nhà do ông tự vẽ họa đồ, xây cất bằng toàn vật liệu nhẹ, một kiểu nhà thông thoáng, đơn giản và rẻ tiền, đúng tiêu chuẩn kiểu nhà của Hội Ánh Sáng thời Tự Lực văn đoàn ở ngoài Bắc.

Một đêm kia trời mưa dông bão lớn, căn nhà đang làm dở bỗng nhiên bị sụp đổ tan hoang, chỉ còn trơ lại nền móng. Nhất Linh buồn rầu, nói với người con mình rằng : nay việc đã không thành, sự sụp đổ này chắc có một điềm lạ. Thế rồi ông quyết định giã từ Đà Lạt, dòng Đa-Mê để về ở luôn Sài Gòn, chấm dứt cái thời kỳ , mà như một học giả Sài Gòn nói "một Nhất Linh nằm trùm chăn ở trên Đà Lạt".

Về lại Sài Gòn năm 1958, Nhất Linh hoạt động văn hoá. Ông là chủ tịch đầu tiên của Văn bút Việt Nam (về sau làm cố vấn).

Ông muốn ra báo nhưng chính quyền không cho phép, đành tìm cách xin ra giai phẩm định kỳ. Nghĩa là làm số nào đem duyệt số nấy. Giai phẩm “Văn Hoá ngày nay” số đầu tiên ra ngày 17 tháng 6 năm 1958, in 8000 bản bán vài ngày đã hết, phải in thêm nhiều lần mới đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

Toà soạn là một văn phòng nhỏ nằm sau biệt thự của anh cả Nhất Linh là Nguyễn Tường Thụy. Việc ăn ngủ, làm việc, hội họp nhân viên biên tập đều ở đó. Khác xa với thời Phong Hoá, trước kia Nhất Linh chỉ trông nom, phân công người phụ trách, nay một mình ông lo bìa, trình bày, trả lời bạn đọc cả sửa bản in thử. Nhất Linh có tài năng về hoạ nhưng ông theo nghiệp hoạ sĩ. Ông chỉ dùng cho báo chí. Tờ giai phẩm

Văn Hoá ngày nay chiếm được chú ý của công chúng bấy giờ. Tại số đầu tiên, ông đã trích đăng từng phần cuốn tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, rồi mới in thành sách.

Xóm Cầu Mới còn có tên là Bèo Giạt, dựa theo một câu thơ của Huy Cận "Bèo giạt về đâu hàng nối hàng". Bản thảo thai nghén từ năm 1940. Theo nhà xuất bản Ph-ượng Giang thì Nhất Linh viết đi viết lại Xóm Cầu Mới tất cả năm lần. Lần đầu tiên viết năm 1940 ở Hà Nội, lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu. Lần thứ ba năm 1949 tại S-ường Châu, một hòn đảo nhỏ, cách Hư-ong Cảng một hoặc hai giờ tàu thủy. Về nước, Nhất Linh viết lại lần thứ t-u năm 1951. Và sau cùng, trước khi đăng trên tờ Văn Hóa Ngày Nay, Nhất Linh đã sửa bên dòng suối Đa Mê, Fin Nom (Đà Lạt) vào năm 1957.

Xóm Cầu Mới là câu chuyện không phải xảy ra ở Sài Gòn, mà nó được lấy bối cảnh từ phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải D--ương là nơi ông sinh ra và lớn lên. Nơi Thạch Lam viết truyện ngắn nổi tiếng "Nhà Mẹ Lê".

Về lại Sài Gòn lần này, bạn bè văn chương lần lượt tìm đến ông như là tìm chỗ dựa tinh thần trong thế sự đầy bế tắc và mâu thuẫn lớn.

Theo nhà văn Vũ Hạnh, từng là Ban thường vụ của Hội Bút Việt, kể rằng, từ sau vụ đảo chính tháng 11 năm 1960 không thành, suốt ba năm Nhất Linh không đi họp Hội, nhưng tự nhiên ngày 30 tháng 6 năm 1963 (trước một tuần lễ Nhất Linh tự tử) bỗng thấy ông đi dự hội nghị thường niên để bầu lại Ban thường vụ mới. Vũ Hạnh viết:

“ Anh ngồi gần tôi và hỏi: Anh thấy văn nghệ lúc này thế nào? . Tôi đáp: Tôi nghĩ trong lòng có vui mới thích ca hát, có no mới thích chuyện trò, có tin tưởng nhau mới thích tâm sự. Ở trong điều kiện hiện tại văn nghệ đang nằm trong khủng hoảng nặng nề .

Anh lại hỏi: Thế họ sống như thế nào?

- Sống bằng quảng cáo và sống thiếu thốn. Còn anh ngày xưa, anh sống thế nào?

Anh đáp: Chúng tôi sống bằng lý tưởng của mình và sống hết sức đầy đủ...

Vậy mà một tuần sau anh ra đi. Anh đã giúp cho tôi tin tưởng thêm lên ở cái truyền thống bất khuất của dân tộc mình trước bọn bạo quyền... "

TLVĐ là tổ chức văn chương tự lực. Họ tự lực về tài chính, không chịu ảnh hưởng của nhà cầm quyền. Họ tự lực về chuyên môn và khuynh hướng nghệ thuật. Họ tự tôn

người chủ soái, cùng nhau tuân theo quy chế hoạt động. Lãi ăn lỗ chịu, cùng nhau gánh vác. Vì thế, khi thuận lợi thì phát triển, khi khó khăn thì lùi vào thế thủ. Sau khi Thạch Lam mất năm 1942, Khái Hưng chết năm 1946, Hoàng Đạo chết bên Tàu năm 1948, Nhất Linh lưu vong nước ngoài... TLVĐ không hoạt động được, đã sảy đàn tan ghé, chứ không tuyên bố giải tán. Nhưng các nhà nghiên cứu văn học sử thì cho rằng, TLVĐ cơ bản tan rã sau khi Thạch Lam mất tại Hà Nội năm 1942. Như vậy TLVĐ chỉ chính thức hoạt động 10 năm(1932-1942) (tham luận của giáo sư Phong Lê, Huệ Chi, tại Hội thảo khoa học “ Bảo tồn và phát huy di sản cổ trạch của TLVĐ tại thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương” được tỉnh Hải Dương tổ chức tại địa phương ngày 9-5-2008)

Duy Lam con trai bà Nguyễn Thị Thế, người gọi Nhất Linh là bác, viết văn từ 1953, đã từng gửi truyện ngắn của mình cho bác và thành thật hỏi rằng, có thể theo nghiệp văn chương được hay không? Nhất Linh đã đọc kỹ và trả lời có thể được. Ông đã khuyến khích con cháu theo nghề văn chương nghệ thuật chứ không khuyến khích làm chính trị. Thế rồi sau tết năm ấy, Duy Lam nhận được một bản viết tay, do Nhất Linh gửi đến. Nội dung là tuyên bố trong những bốn cộng tác viên của Văn Hoá ngày nay, thì Đỗ Đức Thu được gia nhập TLVĐ, còn ba người là Duy Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh chỉ là dự bị. Khi thấy sách của Đỗ Đức Thu được xếp vào trong văn chương TLVĐ đã có nhiều người không hiểu, làm cho các nhà nghiên cứu sau này gặp khó khăn. Bởi Nhất Linh khi ra quyết định công nhận chỉ chép tay ra 5 bản, gửi cho bốn người mỗi người một bản, còn lưu giữ một bản. Bên ngoài không ai biết gì vì người đứng đầu văn đoàn chưa từng công bố. Sau này Nhất Linh giải thích rằng, TLVĐ có nhiều người đã chết (Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Trần Tiêu), nhiều người ở lại miền Bắc(Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu) nên cần bổ sung, và danh sách người gia nhập sẽ được hợp thức hoá khi cần thiết.

Thì ra về cuối đời Nhất Linh còn là nơi nương tựa cho anh em văn nghệ sĩ có khuynh hướng cùng TLVĐ.

Sống dưới chế độ Việt Nam cộng hoà, Nhất Linh phản đối Ngô Đình Diệm độc tài gia đình trị, ông cùng các nhà hoạt động khác thành lập Mặt trận Quốc dân đoàn kết, ủng hộ cuộc đảo chính của đại tá Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông. Cuộc đảo chính tháng 11 năm 1960 thất bại, hầu hết những người liên can đều bị bắt. Chính quyền Diệm cho bắt giam các nhân sĩ, lãnh tụ các đảng phái, giáo phái khác... chỉ một mình Nhất Linh được giam lỏng tại nhà riêng hơn hai năm rưỡi. Ngày mùng 6 tháng 7 năm 1963 Toà án quân sự đặc biệt Sài Gòn có trát đòi ông ngày 8-7-1963 có mặt tại Toà thượng thẩm, để xét xử tội “xâm phạm an ninh Quốc gia”. Nhất Linh đã uống độc được quyền sinh.

Trong hồi ký " Nhất Linh - cha tôi" của Nguyễn Tường Thiết phát hành tại Sài Gòn năm 1964, những ngày cuối cùng của Nhất Linh được kể lại như sau:

"... Buổi sáng ngày 7-7 1963 Nhất Linh đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Các con đoán có lẽ ông đi họp ở đâu vì cũng đúng vào chủ nhật tuần trước, tức 30-6 ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt. Khoảng gần 10 giờ Nhất Linh về. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần, cứ để nguyên quần áo tây ngồi xuống ghế xích đu, bên cạnh người con trai. Điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay, ông mở bia, rót vào cốc nhỏ ra dáng suy nghĩ. Một sấp ronéo để trước mặt ông. Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có những lời kết tội như "phản quốc", "xâm phạm an ninh quốc gia". Trong suốt hơn một giờ, Nhất Linh vẫn giữ im lặng, suy nghĩ. Khoảng 11 giờ, vói vẻ thành thoi, ông thay quần áo ngủ, rồi dặn người con trai Nguyễn Tường Thiết : " Chiều nay con lại luật sư Chính lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?". Con trai nói: "Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt từ lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lẽ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Và lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chẳng sao, chỉ làm giàu thêm cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi như là một dịp đi nghỉ mát". Nhất Linh đáp lại: "Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bực nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc".

Nhất Linh đã có chủ ý cho độc dược vào rượu uống. Khi gia đình phát hiện ra thì đã muộn: Cuối phòng, vẫn trên cái ghế xích đu buổi sáng ông gục đầu hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn lên gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ gục. Gương mặt êm ả, bình thản. Để ý lắm mới thấy một ít nước bọt rỉ ra ở khóe mép... Thân thể ông mềm, trong túi có một tờ giấy, đó là Di ngôn. Ông đã viết hai bản di chúc, một để trong túi áo ngực, một tờ dặn đưa cho bác sĩ Đặng Văn Sung, nhờ ông ấy chuyển ra ngoại quốc.

Nhất Linh đã ra đi ở tuổi 58 để lại di chúc: "Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự huỷ mình cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do. 7.7.1963 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam"

Chính quyền Ngô Đình Diệm đã tìm cách đối phó. Họ yêu cầu tang quyến phải an táng gấp, trong khi đó gia chủ đòi phải chờ đến ngày chủ nhật, đợi con cả Nhất Linh ở Pháp về chịu tang. Mật vụ được cài nhan nhản ở xung quanh nhà Nhất Linh, khu chợ

An Đông. Người thăm viếng phần lớn đàn bà nhiều hơn đàn ông, bởi người ta phải đề phòng khủng bố. Nhà cầm quyền cũng từ chối không cho quan tài Nhất Linh đến chùa cầu siêu, bắt đám tang đi theo lộ trình, đi đúng giờ quy định sẵn. Gia quyến tìm nhiều cách đấu tranh, sau cùng chính quyền phải đồng ý cho quan tài ông ghé qua chùa Xá Lợi cầu siêu, nhưng không cho quan tài vào trong.

Theo Thế Uyên trong bài “Người bác” (TLVĐ trong tiến trình văn học dân tộc-NXB VHNT, năm 2000), đám tang ông có nhiều cảnh sát chiến đấu và mật vụ đi lẫn trong những người đưa đám. Đoàn đưa tang đầu tiên là một vòng hoa lớn, sau là một người mang ảnh Nguyễn Thái Học, tiếp theo là tám ảnh chụp lại hình Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ dờ như nói phần trên.

Vũ Hoàng Chương viếng Nhất Linh bằng đôi câu đối rất sâu sắc:

* Người quay tơ, đôi bạn, tối tăm, anh phải sống chứ sao đoạn tuyệt

* Trời mưa gió, lạnh lùng, bướm trắng, buổi chiều vàng đâu chỉ nắng thu.

Trừ bốn chữ ” chứ sao, đâu chỉ” ra, còn toàn bộ là tên tác phẩm của ông.

Ngày 8-7- 1963 tại phiên tòa, những người bị xét xử trong đó có Phan Khắc Sửu đã xé một chiếc áo đen, đeo cánh tay trái làm băng tang Nhất Linh, khiến cho chủ tọa phiên tòa ngỡ ngàng. Ủy viên chính phủ Lê Nguyên Phu nói: “ Bọn Quốc dân Đảng để tang Nguyễn Tường Tam”. Nhưng thực ra gần 30 người chính trị phạm hôm đó đều đeo băng tang, chỉ trừ Phan Quang Đán. Kết thúc phiên tòa, mỗi bị can bị tù 5 năm đầy đi Côn Đảo.(theo Trương Bảo Sơn).

Thi hài Nhất Linh được an táng tại nghĩa trang Giác Minh, sau được hỏa thiêu di cốt, gửi bình tro tại chùa Kim C--ương đ--ường Trần Quang Diệu quận 3 Sài Gòn. Năm 1981 bà Nhất Linh từ Sài Gòn sang Pháp đoàn tụ với con, đã qua đời và được an táng ở đây. Hai mươi năm sau, tức 2001, các con của ông bà Nhất Linh đã quyết định dời mộ cha mẹ và chị gái lớn là Nguyễn Thị Th--ư về Hội An - Quảng Nam, nguyên quán của gia tộc Nguyễn Tư--ờng. Mộ ông bà Nhất Linh nằm gần mộ cụ tổ là tiến sĩ Tam giáp Nguyễn Tư--ờng Phổ, ngư--ời đầu tiên của họ Nguyễn Tư--ờng ra làm quan và lập nghiệp ở Cẩm Giàng Hải Dương, nhưng khi mất đã đư--ợc triều đình nhà Nguyễn cho phép mang thi hài về an táng tại quê nhà.

Cuộc đời Nhất Linh đầy gian nan và phức tạp. Có lần ông ghi chép nhìn nhận cuộc đời mình, mà như một chúc thư :

“Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm công việc mình đã làm tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp, lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác...”

(Nhất Linh - 2 giờ sáng, mùng 1 Tết năm Quý Tỵ 14-2-1953)

Trước khi mất khoảng mấy giờ đồng hồ, Nhất Linh còn trò chuyện với con trai. Khi Nguyễn Tường Thiết hỏi cuộc đời cậu gian nan như thế, thì cái gì là tâm đắc nhất, ông không hề dấu diếm, trả lời con: "Thật ra thì chẳng có việc gì đáng tự hào vì chẳng có việc nào cậu cho là đến nơi đến chốn. Nhưng cậu vừa lòng nhất là việc thành lập được Tự Lực Văn Đoàn. Đến bây giờ cậu vẫn tha thiết nhất về việc này.

Nhất Linh đã nói thực lòng. Ngay từ ngày ông còn lưu vong trên hòn đảo Sường Châu, một lần vợ ông, bà Phạm Thị Nguyên đã sang thăm chồng và tiếp tế tiền để chồng sinh hoạt, bà không khỏi bồn chồn khi thấy chồng sống cô độc trên đất khách. Bà luôn tìm cách nhắc lại về thời làm báo, viết sách. Chỉ những khi đó, như một phép lạ, nét mặt Nhất Linh vui, tươi sáng. Bà tâm sự với bạn của chồng rằng, nhẽ ra Nhất Linh không nên đụng vào chính trị, chỉ viết văn, làm báo cũng vất vả rồi!

Cũng đã nhiều lần Nhất Linh thường trao đổi với bạn hữu rằng: Văn hoá có sức mạnh thay đổi lâu bền hơn chính trị. Làm chính trị có ích một thời, làm văn hoá mà thành công, có ích mãi mãi. Văn chương vượt thời gian, không gian.

Trưa ngày 7-7-1963, khi Nhất Linh còn ngồi nói chuyện với con trai là Nguyễn Tường Thiết, nghe con gợi ý ông nên viết hồi ký thì Nhất Linh đã bộc lộ ý mình :” Cậu cũng có dự tính viết ba quyển: Cuộc đời làm báo của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam, và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan”. Nhưng rồi ông chưa thực hiện được ý nguyện ấy, ngậm ngùi để đời mình cho lịch sử xét xử.

Đúng như di chúc Nhất Linh để lại, đời ông lịch sử sẽ phán xét. Thế nhưng ông đã tự nhận ra rằng: trong cuộc đời của mình, Nguyễn Tường Tam đã thất bại khi làm chính trị, chỉ còn một nhà văn Nhất Linh sống mãi trên văn đàn Việt Nam.

Nhất Linh thích vẽ, thổi kèn và thích nhất hai câu thơ của Huy Cận, trong bài Chiều xưa:

Đồn xa quần quai bóng cò

Phát phơ buồn tự thời xưa thổi về.[3]

Vợ ông là bà Phạm Thị Nguyên (1909-1981), quê làng Ph-ượng Dục, Thu-ờng Tín, tỉnh Hà Đông, tr-ớc năm 1945 là chủ hiệu buôn cau khô có tiếng ở Hà Nội mang tên Cẩm Lợi. Bà mất tại Pháp ngày 6 tháng 5 năm 1981.

Là một người Tây học, từng trải nhưng việc hôn nhân của mình, Nhất Linh lại nghe theo sắp đặt của gia đình. Về việc ông lấy vợ , bà Nguyễn Thị Thế em ruột Nhất Linh kể: “Mẹ dục mãi anh mới chịu đi coi mặt. Đám cư-ới xong, mẹ tôi lại đi cân gạo với các bà bạn. Anh Tam cũng thôi đi làm, xin vào học tr-ường Cao Đẳng Hội Họa. Chị

Tam dọn hàng bán cau ở ngay nhà...”. Sau khi kết hôn, ông bà ở nhà 15 phố Hàng Bè, Hà Nội, bà vẫn bán cau khô, có quan hệ buôn bán với bạn hàng trong Nam và Quảng Nam.

Ông bà Nhất Linh có đông con. Theo Nguyễn Tường Thiết, một lần về thăm Huy Cận ở Hà Nội được nhà thơ vui vẻ kể lại rằng "Bố mẹ cháu có trên mười người con. Cháu có biết vì sao cháu có đông anh em thế không? Mỗi lần bà Nhất Linh mang bầu thì ông Nhất Linh lại nói với tôi là sau mỗi lần sinh đẻ bà khỏe hẳn ra chứ không như những người đàn bà khác ngại đẻ, cho nên có nhiều con cũng là một cách tốt để bà sống lâu."

Trong số ấy con gái lớn là Nguyễn Thị Thu, con gái thứ hai mất ở Cẩm Giàng, con trai út là Nguyễn Tường Thái bị bệnh tê liệt chết khi tám tuổi, Nguyễn Tường Thiết áp út bị đôn xuống là em út trong gia đình .

Từ khi viết cuốn Nho Phong đầu tay (1926) đến khi ngừng thờ (1963), Nhất Linh để lại 17 tác phẩm chính, chủ yếu là tiểu thuyết. Trừ hai cuốn Nho phong, Người quay tơ xuất bản trước khi thành lập TLVĐ, còn lại 10 cuốn đều in ở nhà xuất bản Đời Nay. Sau này vào Sài Gòn ông hoàn chỉnh một số tiểu thuyết dang dở và in thêm 5 cuốn nữa trên nhà xuất bản Phương Giang.

Nhất Linh, ngoài những tấm hình được công bố rộng rãi, qua nhiều ký ức của đồng chí, bạn bè và người thân trong gia đình, thì ông là người dáng dong dong quắc thước, khuôn mặt phong sương, có cặp mắt sâu, đôi mày rậm, vàng trán cao, nụ cười cởi mở dưới hàng râu mép. Nhất Linh có cái nhìn đặc biệt, nhìn thẳng và sâu vào đôi mắt người đối diện, nhưng lúc nào cũng phảng phất vẻ mơ màng, xa xăm.

Nhất Linh tinh tế và mực thước. Là người có khiếu thẩm mỹ, nên dù trong không gian chật hẹp thế nào ông vẫn tạo nên một cảnh khung cảnh tươi tắn và ấm cúng. Cầm tinh con ngựa, tuổi Bính Ngọ, mệnh Thiên hà thủy - nước sông trời, cuộc đời ngựa bay nhảy trên đồng cỏ, nay đây mai đó. Ngay từ khi xây dựng gia đình, ông đã nói với người vợ rằng, mỗi người có bổn phận. Ông có bổn phận đối với xã hội, còn bà có bổn phận đối với gia đình. Thật vậy những năm tháng, chồng mãi mê làm báo, xoay sở nhiều bề nhưng vợ ông, bà Phạm Thị Nguyên tất tả vật lộn với nghề buôn bán cau, sinh đẻ (13 lần sinh đẻ nhưng chỉ nuôi được 7) nuôi đàn con và làm hậu thuẫn cho chồng thi thố giữa cuộc đời. Nguyễn Hải Thần từng là phó chủ tịch chính phủ liên hiệp kháng chiến, có lần nói về bà Nhất Linh: “ Anh Tam nếu không có chị ấy thì không thể làm nên sự nghiệp này”. Quả vậy!. Thi sĩ Anh Thơ, người phụ nữ nhận giải thưởng văn chương Tự Lực văn đoàn năm 1939, sau từng làm phóng viên báo Đông Tây ở Hà Nội thời bấy giờ, đã viết loạt bài phỏng vấn vợ các nhà văn, nhà thơ như bà Tân Đà, bà Song Kim vợ Thế Lữ... Khi phóng viên phỏng vấn về vai trò người vợ nhà văn nổi tiếng như Nhất Linh, bà đã trả lời: Tôi lấy nhà tôi là do hai bên cha mẹ có

mối manh, dạm hỏi và cưới xin linh đình. Khi tôi về nhà chồng rồi, thì chỉ biết lo buôn bán để gánh vác giang sơn nhà chồng”. Câu trả lời tự nhiên, thô mộc dân dã ấy đã làm cho Anh Thơ rất cảm kích. Nữ nhà báo có ấn tượng rất đẹp về bà: Đôi mắt bà chớp chớp... Một đôi mắt to mênh mênh, có hàng mi dài óng ả. Ánh sáng vừa dịu, vừa như có một cái gì như sẵn sàng vì mọi người... Tôi nhớ mãi cặp mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân yêu của mình. Cặp mắt của người đàn bà Việt Nam, cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ.”

(trích từ cuốn sách Từ bến sông Thương- Anh Thơ- hồi ký 1986,)

Nhất Linh yêu vợ bằng cách riêng của một con người lịch lãm. Mỗi lần viết xong và xuất bản được một cuốn truyện mới thì dù vợ ông bận rộn đến đâu, ông vẫn tìm cách đưa bà đi bãi biển Sầm Sơn cùng mình nghỉ ít ngày cho thanh thoả. Đôi lần ông tập cho vợ hút thuốc lá, uống rượu, thưởng thức thú pha và uống trà tàu buổi sáng. Hồi ở Đà Lạt an nhàn giữa thiên nhiên ngoạn mục, ông không quên tìm bà lên nhiều lần cùng thưởng thú chơi phong lan. Có những ngày lạnh lẽo, những buổi sớm mai khi con còn trong giấc ngủ, thì hai ông bà đã bên nhau uống trà nóng, rất là tương đắc.

Bản thảo tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, vẫn còn những dòng chữ đề tặng vợ như sau: Tặng Nguyên, người rất thân yêu, đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này khởi đầu từ 1940 mới được viết tiếp theo. Hương Cảng trên núi, ngày 16-10 -1949. Nhất Linh. Trước lúc ra đi , Nhất Linh vẫn không quên dành cho vợ một lời di ngôn:

“ Minh, Mối tình của đôi ta hàng bao năm đẹp đẽ lắm rồi, không ...mong ước gì hơn nữa.

Anh, Nhất Linh. 7.7.1963”.

Đôi vợ chồng họ do gia đình sắp đặt, chứ không phải tự tìm nhau.

- **Nhất Linh, khối mâu thuẫn lớn.**

Đọc đến đây có người hỏi vậy Nhất Linh thực chất là người như thế nào?

Ngay từ nhỏ, ở quê Cẩm Giàng, Nhất Linh đã tỏ ra một con người chất phác và rất tình cảm với cha mẹ, anh chị em trong gia đình. Nhất Linh quan tâm đến người em gái Nguyễn Thị Thế hơn cả. Những lần em già vùng cho mẹ, người anh thường ở bên

giúp đỡ. Nhất Linh rất thích ăn cơm trộn vừng khi còn trong cối, vì thế mỗi khi lấy vừng ra, cô em vẫn để lại một ít và cho cơm nóng vào cối trộn cho anh. Chính chi tiết nhỏ ấy, sau này Nhất Linh có cái biệt hiệu Tam cối kéo dài quãng tuổi thơ, cho đến khi ra Hà Nội học. Nhưng với công việc thì Nhất Linh cứng nhắc đến cực đoan.

Thời kỳ còn làm báo Phong Hoá, Ngày Nay, có lần Thạch Lam trễ hẹn nộp bài cho toà soạn, Nhất Linh tức giận đến tận nhà em ở Yên Phụ hỏi tại sao không viết. Nghe trả lời là chưa thể viết được, thì ông bỏ về và cắt tiền tháng của em trai, đến khi có bài mới trả.

Nhất Linh là con người có chí hướng rõ rệt và quyết tâm đi theo lý tưởng của mình. Đỗ bằng Đip lôm, Nhất Linh vào Sở tài chính Hà Nội làm việc chờ thời. Có người hỏi vì sao không đi học Cao đẳng, sau này đường tiến thân rộng mở, Nhất Linh đáp rằng: không muốn làm ông tham, ông đốc, nguyện vọng tha thiết là viết văn làm báo, sống bằng ngòi bút của mình, sống bằng nghề tự do, ngoài vòng cương toả.

Lý tưởng ấy đã được thực hiện. Năm 1930 sau khi đỗ bằng cử nhân khoa học từ Pháp trở về nước, Nhất Linh hăng hái đứng ra làm báo với mục đích làm cách mạng văn hoá, dùng văn chương báo chí để vận động cải cách xã hội, nâng cao dân trí. Nhất Linh đã nhận rõ điều căn bản là: người Việt Nam bị đô hộ, nô lệ một phần vì thất học và tục lệ hủ lậu, mê tín dị đoan. Muốn thoát ra trước hết phải nâng cao dân trí, thì mới có dân quyền, dân sinh... Vì thế cải cách xã hội là rất cần thiết. Những chuyên mục trên báo chí, và hoạt động của trào lưu văn chương TLVĐ và phong trào ánh sáng như phân tích bên trên đã nói rõ.

Bây giờ nhìn lại, đường lối dân tộc, khoa học, đại chúng mà đảng ta nêu trong Đề cương văn hoá 1942 thì TLVĐ đã thực hành từ trước. Quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh, tuy TLVĐ không nói rõ trong tôn chỉ của mình, nhưng thực tế văn đoàn này đã hành động theo quan điểm đó, cách đây hơn bảy thập kỷ.

Trong hồi ký về những năm tháng làm báo Phong Hoá và TLVĐ, khi nhắc tới Nhất Linh, Tú Mỡ trân trọng cho rằng, đó là một người trí tuệ thông minh, ưa hoạt động, yêu đời, có chí lớn, yêu nước, nể phục người cộng sản. Tú Mỡ viết “ Tôi còn nhớ, anh Tam sau khi ở trại tập trung Sơn La về có nói với tôi: chung sống một thời gian trong cãng với mấy anh đảng viên cộng sản, mới biết họ giỏi, có tinh thần cao, bất khuất gan dạ, đồng tâm nhất trí, và dù gian khổ đến đâu vẫn lạc quan.”- trang 400, sdd. Vậy vì sao Nhất Linh lại không thể là bạn chiến đấu trong hàng ngũ cộng sản? Theo Tú Mỡ, phải chăng vì tự ái sai, chỉ muốn người phục tùng mình mà không chịu phục tùng người khác. Phải chăng ngại gian khổ, sợ chiến tranh, sợ chết?

Có lẽ Nhất Linh không sợ chết. Năm 1963 ông đã lấy cái chết để tố cáo chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm độc tài.

Cuộc đời Nhất Linh là khối mâu thuẫn lớn!

Ông yêu nước, chống Pháp, nể phục trân trọng người cộng sản, nhưng không đủ bản lĩnh ngồi cùng con thuyền với họ. Và Nhất Linh dù là con người cực đoan, bảo thủ đến cùng trước nếp nghĩ của mình, nhưng cuối đời ông thừa nhận cuộc đời ông chỉ là tác phẩm dở dang những công việc dở dang "Thật ra thì chẳng có việc gì đáng tự hào vì chẳng có việc nào cậu cho là đến nơi đến chốn."

Vẫn theo " Trong bếp núc của TLVĐ " hồi ký của Tú Mỡ thì TLVĐ khi ra đời chỉ có chủ định làm việc văn chương. Nhưng hoàn cảnh thúc đẩy, một số anh em bước vào đường làm chính trị dù muốn hay không muốn: Một buổi tối họp mặt, anh Tam bảo : Đã đến lúc chúng ta phải hoạt động chính trị giành lấy chính quyền. Cái chính phủ Trần Trọng Kim không làm nên trò trống gì đâu. Nhật không nuốt nước ta được, vì Mỹ không để cho nó chiếm cái cửa ngõ Á Đông. Chúng ta cần phải vào một tổ chức cách mạng để khi thời cơ đến, sẽ đứng ra giành chính quyền..". Tú Mỡ hỏi : " Sao anh không vào Việt Minh?", Nhất Linh trả lời: "Việt Minh là cộng sản, họ chủ trương giành chính quyền bằng súng, sẽ gây ra chiến tranh chết chóc, và tàn phá. Vả lại Mỹ sẽ chống Cộng, Mỹ vừa giàu vừa mạnh.Ta đi với một Đảng thân Mỹ rất có lợi, ta sẽ đấu bằng chính trị, không phải bằng đổ máu ít ra cũng giành được tự trị. Mỹ nó chả cần cướp nước để cai trị ta như Tây. Ta đi với Mỹ, để cho nó buôn bán với ta, đem tiền của mở mang kỹ nghệ, nó có lợi mà ta cũng có lợi..".Quan niệm của Nhất Linh bấy giờ là thế

Có lẽ vì cực đoan, thiếu mềm dẻo, thiếu cách nhìn toàn cục, nên Nhất Linh chỉ cho rằng, phải mất 80 năm gian khổ đấu tranh, hy sinh bao nhiêu xương máu dân tộc Việt Nam mới giành được độc lập, mới đuổi Pháp ra khỏi đất nước. Đến sau này khi trở thành bộ trưởng ngoại giao, lại phải ngồi bàn và thoả hiệp với Pháp, phải chăng ông viết thư xin từ chức là vì vậy?

"Hà Nội ngày 5 tháng 3 năm 1946

Kính gửi: Cụ Chủ tịch

Chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến.

Thưa cụ,

Tôi tự xét bất tài, bất lực nên không thể đảm đương bộ Ngoại giao trong Chính phủ, vậy tôi xin từ chức Ngoại giao bộ trưởng kể từ hôm nay. Tôi không muốn sự từ chức

của tôi có ảnh hưởng đến công việc chung nên tôi đề nghị cụ kiêm luôn chức Ngoại giao bộ trưởng hay một người trung lập nào. Về việc từ chức của tôi chỉ là việc làm của cá nhân, không có liên quan gì đến sự đoàn kết các đảng phái.

Kính chúc cụ và Nội các thành công trong việc đưa nước ta đến chỗ hoàn toàn độc lập.

Nguyễn Tường Tam

Từ chức và lưu vong xứ người, Nhất Linh muốn tìm một chỗ dựa mới để thực hiện ý nguyện làm cách mạng theo quan niệm của mình.

Nhưng thời điểm lịch sử bấy giờ không cho phép ông dựa vào Tưởng Giới Thạch. Từ năm 1946 Hồng quân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc đang thừa thắng, thảo phạt quân Tưởng, tiêu diệt sinh lực địch khiến chúng chạy dài xuống phía Nam. Nhất Linh trôi dạt về Hồng Công chờ thời và ẩn dật. Ông ngòi tại Sường Châu sửa lại tác phẩm Xóm Cầu Mới.

Cuối năm 1950 trở về Hà Nội, Nhất Linh tuyên bố không tham gia đảng phái chính trị nào. Việc này được Tú Mỡ, người bạn cộng sự thời TLVĐ kể lại một cách chân tình: "Còn anh Tam nghe nói một dạo ở Hà Nội sống về in lại sách của TLVĐ... Điều khiến tôi vui lòng là anh không đóng vai gì trong các chính phủ bù nhìn của Bảo Đại do giặc Pháp dựng lên, gây ra họa nổi da nẫu thịt".

Con người ấy, dưới con mắt của Tú Mỡ là người vừa đáng yêu và đáng tiếc "Điều đáng tiếc là sau Kháng chiến, anh đã theo bè lũ Ngô Đình Diệm vào Nam để rồi bị bè lũ ấy chèn ép, cắt mất nguồn sống đến nỗi uất ức phải tự tử. "

Nhất Linh là con người hành động, có lẽ phải vào Nam chỉ vì quá cô đơn, lạc lõng. Ông tìm về nơi yên tĩnh là Đà Lạt lấy thiên nhiên khoả lấp nỗi trống trải đến ghê sợ. Từ khi em trai Thạch Lam mất vì bệnh tật năm 1942 ở Tây Hồ, rồi Hoàng Đạo người em, người đồng chí vốn là cánh tay đắc lực của mình chết đột tử bên Tàu năm 1948, Nhất Linh trở thành cô đơn.

Trong gia đình, anh em đồng chí đều cho rằng, người ta trọng nể Nhất Linh, nhưng quý Hoàng Đạo, bởi Hoàng Đạo mới là người mưu lược linh hồn. Khi nhận được tin Hoàng Đạo chết, những người thân trong gia đình nhận định: Hoàng Đạo không còn, nhất định Nhất Linh sẽ từ bỏ chính trị. Quả như vậy. Về nước, gần 10 năm (1950 đến 1960) Nhất Linh xa lánh chính trị, tập trung vào viết sách báo, vui với thiên nhiên hoa cỏ, và làm chỗ dựa tinh thần cho các nhà văn trẻ , nhưng...

2. Hoàng Đạo - đứng đầu gió.

Trong gia đình Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng, Hoàng Đạo là con thứ tư của cụ thông phán Nguyễn Tường Nhu. Khi con chào đời, cụ Nhu đặt là Tứ cho thuận. Bởi bên trên đã có Nguyễn Tường Tam rồi. Sau nghĩ lại, mới thấy tên này trùng tên người bạn thân của mình, nên cụ Nhu bắt cả nhà gọi chệch thành Tư. Sau ngày cha mất, Nguyễn Tường Tam mới đặt tên lại cho các em, trong đó Tư được khai tên mới Nguyễn Tường Long.

Nguyễn Tường Long đi làm báo, làm văn mới có tên Hoàng Đạo, và những bút danh khác, như Tứ Ly, Tường Ninh.

Hoàng Đạo sinh ngày 16-11-1907. Học xong bậc tiểu học thì bị ốm, học tại nhà. Năm 1924 Hoàng Đạo đỗ bằng Cao học tiểu học Pháp, được bổ làm tham tá ngân khố Hà Nội, có bằng Tú tài Pháp. Năm 1930 thi vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội, sau khi đỗ cử nhân luật, làm tham tá lục sự toà án Đà Nẵng, rồi Hà Nội. Học xong trường luật một năm, Hoàng Đạo từng được bổ đi tri huyện có mức lương 140 đồng, Hoàng Đạo xin ý kiến mẹ có nên nhận hay không. Bà Nhu bảo: Khi con còn nhỏ, bồn phận mẹ phải lo, nay con thành đạt rồi mỗi người có chí hướng riêng, tùy con định đoạt. Ông cha ngày xưa nổi tiếng thanh liêm, làm quan thương dân để đức cho con cháu. Các con đừng làm gì hại đến thanh danh tiên tổ. Bây giờ mẹ buôn bán đủ tiêu, các con không phải biểu tiền nữa.

Hoàng Đạo là người được giáo dục khuôn phép, ý thức được tình yêu và sự nghiệp, với truyền thống gia phong. Ngày còn làm lục sự toà án Đà Nẵng, có người bạn cùng sở muốn làm mối cho một cô gái Huế, con một vị Hồng lô tự khanh. Cô gái xinh đẹp, lại con quan ở Hồng lô tự, bên cạnh bộ Lễ rất có vị thế, nhưng Hoàng Đạo không ưng. Người con chí hiếu viết thư về cho mẹ, nói rằng không thích lấy vợ Huế, mà muốn về Bắc kỳ tìm vợ, ta về ta tắm ao ta vậy. Thì ra đến lúc ấy Hoàng Đạo chỉ biết mình quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương, chứ biết đâu tổ tiên xa xôi từ cụ tổ Nguyễn Tường Phô người xứ Quảng ra Bắc khởi nghiệp.

Hoàng Đạo tốt nghiệp trường luật không ra làm quan, năm 1932 viết báo Phong Hoá, khi TLVD ra đời ông cùng Nhất Linh, Khái Hưng chủ trì nhóm này.

Trên báo Phong Hoá, Hoàng Đạo lấy bút hiệu là Tứ Ly, viết những bài đả kích châm biếm hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và triều đình Huế, bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936 tờ Phong Hóa bị đóng cửa vì Hoàng Đạo viết bài châm biếm Hoàng Trọng Phu. Năm 1940 Hoàng Đạo gia nhập Đảng Đại Việt. Vì công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, năm 1940 Hoàng Đạo cùng bị bắt với

Nguyễn Gia Trí, Khái Hưng và đày đi Sơn La. Năm 1943 bị giải về quản thúc tại Hà Nội.

Được một người bạn của mẹ làm mối, Hoàng Đạo lấy con gái một bà quả phụ nhưng kinh tế khá giả, có bốn nhà ở Hà Nội và một ở gần bãi biển Sầm Sơn, Thanh Hoá. Người cha khi còn sống vào làng tây, nền nếp gia đình theo phong cách mới, tân tiến.

Đó là một người phụ nữ cao, hơi gầy, tiếng nói trong trẻo, dáng nhanh nhẹn. Hai mẹ con nàng sống với nhau ở phố Hàng Vôi trong cảnh neo người nên bình lặng. Cưới vợ cho con xong, bà Nhu bằng lòng cho Hoàng Đạo về ở rể vì nhà gái hiếm hoi.

Hoàng Đạo và vợ - Marie Nguyễn Bình sống hạnh phúc, có với nhau bốn người con: ba gái và một trai. Có những lần cả nhà đi chơi, ai đó còn lừng chừng sợ gió mưa cản trở, Hoàng Đạo cười nói rất vui: “Chẳng có gì đáng ngại, có tôi cùng đi thì chỉ may mắn và đẹp đẽ”. Bởi Hoàng Đạo là ngày đẹp!

Sau cách mạng tháng Tám thành công, Hoàng Đạo được bổ sung (không phải bầu) làm đại biểu Quốc hội khoá I, từng giữ chức Bộ trưởng kinh tế một thời gian ngắn. Sau kỳ họp thứ nhất của Quốc hội ngày 2-3-1946 thì Chu Bá Phượng thay. Một lần được cử lên Vĩnh Yên giải quyết việc một nhóm Việt quốc gây lộn xộn trong vùng giải phóng, nhân thể Hoàng Đạo đã tìm cách ra ở nước ngoài. Nửa năm sau mới báo tin đang ở Côn Minh, Trung Quốc.

Vợ Hoàng Đạo từng đưa con trai lớn sang thăm cha. Năm 1948, sau khi đưa vợ con sang Hồng Kông để bay về nước, Hoàng Đạo đi xe lửa về Quảng Châu thì vừa tới ga Thạch Long, bị co giật tim rồi mất, hưởng dương 42 tuổi.

Đó là ngày 22-7-1948 tức 16 tháng 6 năm Mậu Tý.

Nhân viên hoá xa đưa thi hài Hoàng Đạo xuống ga và đánh điện về nước báo tin dữ. Bà Nhu khi ấy đang tu ở chùa Hai Bà, Hà Nội. Người mẹ già khổ đau đã nhờ nhà chùa làm cỗ chay để cúng và làm lễ phát tang.

Gia đình Nguyễn Tường khi ấy đã ly tán, chỉ có thể cử hai vợ chồng bác sĩ Nguyễn Tường Bách và bà Phạm Thị Nguyên (vợ Nhất Linh) sang Thạch Long lo hậu sự cho Hoàng Đạo. Một năm sau, vợ Hoàng Đạo sang Quảng Châu, xây mộ cẩn thận cho chồng ở trấn Thạch Long.

Ngày Hoàng Đạo còn nhỏ, bà Nhu có đi xem lá số cho con, cũng biết là số con không được thọ. Nhưng bà không thể ngờ rằng con bà là Tường Long lại nằm vĩnh viễn ở đất trùng tên Long (Thạch Long) xa xôi nào đó!

Hoàng Đạo để lại 10 cuốn sách đủ các thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, tiểu luận, khái luận chính trị xã hội, và 5 tập truyện cho thiếu nhi. Bạn đọc ngày ấy

còn nhớ cuốn sách Mười điều tâm niệm, đã tỏ rõ đường lối xã hội của ông : Theo mới, hoàn toàn theo mới, không do dự. Tin ở sự tiến bộ. Sống theo một lý tưởng. Làm công tác xã hội. Luyện tinh khí. Phụ nữ và xã hội sống hoà hợp ra sao? Luyện có óc khoa học. Cần sự nghiệp không ham danh vọng. Luyện thân thể mạnh mẽ. Cần có trí điều khiển công việc...Người ta gọi ông là lý luận gia của nhóm kẻ không ngoa.

Con đường sáng là tác phẩm tiêu biểu cho sự nghiệp của ông. Ông muốn hướng con người vươn lên tạo một sự nghiệp vì vậy truyện của ông có ý thức sâu sắc trong xây dựng xã hội.

3. Thạch Lam tài hoa, gần gũi bình dân.

Là con thứ sáu của gia đình, Thạch Lam lúc còn nhỏ có tên là Sáu. Khi đi học lấy tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh. Mãi sau này muốn thi nhảy cấp nên khai tăng tuổi và làm khai sinh lại là Nguyễn Tường Lân. Tuy Thạch Lam vào nghề văn muộn, nhưng năm 1937 ông cho ra mắt bạn đọc tập truyện ngắn Gió đầu mùa. Trong lời nói đầu, Thạch Lam đã bộc lộ quan niệm của mình : Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác. Vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn... Thiên chức của nhà văn là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng thương yêu hơn.

Để ý kỹ mới thấy rằng, nhân vật trong tác phẩm Thạch Lam không có những ông hàn, ông tham, bà phán, ông nghị, ông huyện, cụ thượng... những thành phần trung, thượng lưu có đời sống sinh hoạt khá giả, lời ăn tiếng nói cao sang hoặc giả dối như các nhân vật trong tác phẩm của nhà văn trong nhóm. Người đọc bắt gặp nhân vật chủ yếu là những con người bình dân: cô hàng xén từ trẻ đến già, toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dột ngày kia, như tấm vải thô. Rồi những đứa trẻ con nhà nghèo, khi mùa đông giá lạnh không có tấm áo che thân. Hoặc một người nông dân thất nghiệp thành túng bần; cô gái bán thân. Ngoài phụ nữ và trẻ em, trong truyện của Thạch Lam còn thấy những ông Tú ngơ ngác, u hoài; ông bố suốt ngày ngồi ôm chiếc ống điếu ngẫm nghĩ, đến anh chàng nghèo, khi bị tai nạn cưa chân , được đền tiền thì ăn chơi hoang phí, trở lại nghèo như trước. Cũng có khi là bác kéo xe, con sen, vú già và những con người làm than nơi quê nghèo quanh quẩn bên cái chợ lều tều và chiếc ga xép, lọt thỏm trong vùng quê mờ nhạt v.v.

Mỗi nhân vật đều có số phận tạo nên những hoàn cảnh điển hình.

Đó là bởi Thạch Lam có những tháng năm sống nơi thôn dã, chứa chất nhiều bóng hình con người và đời sống làng quê. Giới nghiên cứu văn học, có người cho rằng mỗi nhà văn đều có vùng quê thông thuộc của mình, chứa chất kỷ niệm đời mình cũng

là có lý. Thạch Lam đi tìm cái đẹp bình thường giản dị trong tâm hồn, thân phận nhân vật; cách ứng xử, mối quan hệ, tình cảm con người với con người, và con người với thiên nhiên. Văn ông hài hoà giữa lãng mạn và chân thực, mà vẫn nồng nàn tình quê da diết, nặng lòng với dân tộc. Ông tả nội tâm nhân vật tài tình, nhuần nhị tinh tế. Ông mô tả vùng quê trong trẻo, dân dã, không ồn ào, bụi bặm, tả trận gió lạnh đầu mùa vẫn vương vấn hơi ấm của tình người.

Hãy đọc lại đoạn này:

Trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ có manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay. Chị Lan hỏi: Sao áo mày rách thế? Áo lành đâu không mặc.

Con bé liu xiú nói: Hết áo rồi chỉ còn cái này.

Sơn chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có mò cua bắt ốc thì còn lấy đầu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ

- Ừ phải đấy. Để chị về lấy .

Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui...

Chi tiết chị em Lan và Sơn dẫu mẹ cho Hiên chiếc áo bông cũ trong truyện rất đẹp của tình thương đồng loại, thấm nỗi day dứt của Sơn, mẹ Sơn và đó là lòng nhân ái của nhà văn gửi gắm.

Thạch Lam viết truyện không có xung đột, giạt gân, tình tiết éo le, mùi mẫn, trang viết của ông mang chất thơ, cảm xúc như thơ và lay động cái thẳm sâu bên trong tâm hồn. Truyện ngắn Dưới bóng hoàng lan có nhiều câu văn đẹp như thơ : “Thanh tiền Nga ra cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoang bay trong gió ngát”, hoặc là “Mỗi mùa lại giắt hoàng lan trong mái tóc để nhớ mùi hương”. Thậm chí cả chuyện Hai đứa trẻ vốn là cảnh khó nghèo nhưng ông vẫn dành những câu văn đầy chất thơ miêu tả: Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát...Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây v.v.

Thế nhưng Thạch Lam không thi vị hoá cuộc sống. Ông chân thực vẽ lên cảnh khó nghèo, trớ trêu số phận, mà không bi quan, cực đoan, tàn lụi, vẫn phả vào hồn nhân vật một niềm tin, ước mơ cháy bỏng , vẫn gây một lòng trân trọng yêu thương của người đọc vào một niềm tin về ngày mai tốt đẹp, vẫn thấy phía trước ấm áp ngọn lửa hồng , xoá đi những góc tối của tâm hồn con người trong cảnh cùng cực . Chúng ta thương cảnh nhà bác Lê với mười một đứa con, sống trong đói khổ, người mẹ đi vay

ăn rồi bị chó cắn, hoặc cảm cảnh đêm ba mươi trong căn gác xép, càng thương cảm đôi bạn gái Liên và Huệ sống trong nỗi tủi nhục không có cái bát hương để cúng tổ tiên đúng vào ngày tất niên(Tới ba mươi). Chúng ta xao xuyên băng khuâng nghĩ về cảnh hai chị em Liên và An , nghe lời mẹ dặn phải thức khuya chờ tàu Hà Nội về , để bán ấm trà hay khúc mía kiếm tiền. Nhưng con tàu dừng dừng đi qua, để lại phía sau một phố nhỏ tẻ buồn, trống vắng. Nhưng chúng ta vẫn ấm lòng khi bắt gặp ngọn đèn chị Tý, dù chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ, nhưng không bị tắt lụi, cứ lung linh đón đợi niềm tin. Y như con tàu đã đến, đã đi , nhưng Liên và An (Hai đứa trẻ) cứ chờ đợi. Nhà văn gửi gắm ý tưởng của mình rằng con người hãy nuôi niềm tin. Ông không muốn con người đánh mất niềm tin, bởi mất nó, sẽ mất hết.

Với quan niệm như thế, tác phẩm Thạch Lam thể hiện những số phận con người bằng thái độ cảm thông, bằng trái tim nhân hậu chứ không phải của kẻ ban ơn, khinh bỉ. Những tác phẩm Hai đứa trẻ, Nhà mẹ Lê, Gió lạnh đầu mùa, Tới ba mươi rất rõ điều này.

Thạch Lam không chỉ nổi tiếng về truyện ngắn, ông còn rất thành công trong thể bút ký. Hà Nội ba mươi sáu phố phường là tác phẩm cuốn hút người đọc nửa thế kỷ qua. Tập bút ký gồm nhiều mẫu ngắn mà sinh động thể hiện vốn sống phong phú và tài hoa của ông. Ông luận đàm, nói tới các món ăn, một dạng văn hoá ẩm thực đặc sắc Hà Nội. Không dài dòng, chỉ cần chấm phá đôi nét, thì các loại quà rong, loại đặc sản ấy có cả mùi vị, màu sắc hiện trên trang viết như có phép thần, và kỳ thay, sản vật quê hương như có tâm hồn quyến rũ con người. Tỉ như tả về bánh cốm: Vuông vắn như quyển sách vàng, bọc lá chuối xanh buộc lạt đỏ, cái dây lạt đỏ như sợi tơ hồng buộc chặt lấy những cái ái ân... Và đây là bún chả: Cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.

Và đây là bánh cuốn Thanh Trì: mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng tùm năm, bảy người từ phía lò lợn đi vào thành phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn. Đến cô hàng bán nước chè dưới ngòi bút Thạch Lam cũng trở nên ý vị : Cô hàng nước Việt Nam - dù ở dưới bóng đa, bên ruộng lúa, hay ở dưới mái hiên của thành phố, ở đâu cũng vậy, miệng cười tươi của cô hàng là dây liên lạc khắp cả mọi người. Cô hàng nước Việt Nam từ trước đến nay đã chiếm một địa vị quan hệ trong lịch sử và trong văn chương: đã có nhiều tiểu thuyết đã bắt đầu từ đây và kết cục cũng ở đây

Nâng niu trân trọng những nét đẹp mang tầm vóc lịch sử văn hoá dân tộc, Thạch Lam không đồng tình với một số việc, một số hiện tượng chưa đẹp : “bây giờ các biển hàng viết chữ Pháp chiếm đến chín phần mười trong các biển hàng. Nhiều hàng, tuy chỉ giao thiệp với khách hàng Việt Nam thôi, cũng toàn chữ Pháp, cũng như ngày xưa họ đã dùng toàn chữ Nho”. Ông không phải là người hoài cổ, nhưng ông thực sự tiếc những cái đẹp mang chiều sâu văn hoá của dân tộc bị mai một, khi quan sát và suy ngẫm về những biển hàng. Ông nâng niu, trân trọng giá trị văn hóa, những nét đẹp ẩn chứa trong từng vật thể này. Bởi ở đó kết đọng những phẩm chất tốt đẹp của một thương hiệu, là kết tinh những giá trị thư pháp, là truyền thống quý báu, là công sức của nhiều thế hệ vun đắp mới có được. Ông luôn có ý thức nâng niu và bảo tồn truyền thống: Đó có thể là vẻ yên tĩnh của một Thăng Long- Hà Nội cổ kính mang vẻ đẹp xưa, với một lối kiến trúc riêng. Và có khi chỉ là cảnh gia đình cụ thể “Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dãy chậu lan, có bể đựng nước và trên tường có câu đối chữ Nho. Đôi khi đi qua một cánh cửa hé mở chúng ta thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ”.

Hình ảnh Hồ Gươm, Tháp Rùa, Đền Ngọc Sơn là một cái gì thiêng liêng, cao quý trong tâm thức của người Hà Nội nói riêng, người Việt nói chung. Thạch Lam sớm nhận ra nét đẹp hoàn mỹ và giá trị thực của các di sản văn hoá này. Với ông, những việc làm cho dù với dụng ý tốt đẹp như mắc thêm đèn điện chiếu sáng, đắp tượng đài, làm bớt cảnh sát để giữ gìn an ninh... nhưng thiếu mất cái nhìn của người có con mắt văn hoá sắp đặt thì đều chỉ là “sự thêm thắt xấu xa”, là “bôi nhọ vẻ đẹp”. Nhìn những cột điện thẳng tắp, sừng sững, dây điện nhằng nhịt, với những cái “bình tích” bằng sứ trắng, ông thấy cột điện “như một thứ cây già mọi rợ, vụng về. Cái cây đó làm cho vẻ đẹp của cổng đền Ngọc Sơn giảm mất đến chín phần mười”.

Ông nói rõ: “Muốn sáng công, sáng cầu thì thiếu gì cách: mắc đèn vào những chỗ lõm, khuất khúc của cổng và của cầu: đèn để như thế vừa được kín đáo, vừa không làm giảm vẻ đẹp, lại dịu dàng và làm tôn cảnh lên. Đàng này, mắc những vòng sắt với cách hoa hoét rẻ tiền kia vào cái cổng đẹp để có lối kiến trúc riêng, có vẻ cổ sơ ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng” ...

Thạch Lam tài hoa. Ông có con mắt của một nhà hội họa chân chính, dù không theo nghiệp vẽ. Năm 1936 Hội mỹ thuật, mỹ nghệ Việt Nam tổ chức triển lãm tác phẩm của các hội viên. Thạch Lam với tư cách nhà báo, đã viết bài nhận xét đánh giá thật sâu sắc. Ông phân tích về chất liệu của từng tác phẩm, giản dị mà trung thực nhưng vẫn toát ra nét thần của các họa sĩ nổi danh bấy giờ. Như tranh sơn dầu của Lê Phổ, Tô Ngọc Vân, Lưu Văn Sìn, Nguyễn Cát Tường, Nguyễn Tường Lân (Trùng tên với Thạch Lam). Ông khen ngợi bức tranh Cây chuối đầy thi vị của Nguyễn Đỗ Cung và

tác phẩm Túp lều tranh của Trần Bình Lộc... Thạch Lam cho rằng tranh lụa rất đẹp mà còn dễ đi vào lòng người, dễ bán. Ông bán khoán vì tranh lụa của một họa sĩ lập theo lối cũ, màu sắc, hình vẽ phẳng phát giống nhau “ngọt mười bức tranh của ông ta đều giống nhau từ hình thể đến màu sắc. Hình như từ độ được hoan nghênh mấy bức vẽ đầu tiên, nhà họa sĩ không chịu tìm tòi hơn nữa...”. Với một cách chân thành như thế, Thạch Lam nhận xét cả tác phẩm điêu khắc, đồ sơn, kỹ nghệ thực hành như hàng ren, hàng thủy tinh, hàng thêu, và nghệ thuật nhiếp ảnh... một cách thận trọng và tinh tế.

Thạch Lam từng được ra tỉnh học tại trường Nam tiểu học Hải Dương (nay là trường tiểu học Tô Hiệu, nhìn thẳng ra phố An Ninh tới ga Hải Dương), rồi tiếp đó chuyển sang Tân Đệ, Thái Bình học tập. Ông sớm mồ côi cha khi mới lên 8 tuổi. Người mẹ goá bụa 37 tuổi, phải tần tảo gánh vác cơ nghiệp họ Nguyễn Tường trong hoàn cảnh đông con nhỏ. Thạch Lam chủ yếu sống bằng tình thương mẫu mực, nhân hậu của người mẹ và các anh chị trong phố huyện Cẩm Giàng nghèo mà buồn thiu, heo hút cảnh nông thôn, với người dân lam lũ.

Sau khi đỗ tú tài phần nhất, ông bỏ ngang đi làm báo với các anh. Tháng hai năm 1935 Thạch Lam từng được giao làm chủ bút báo Ngày Nay của TLVĐ.

Năm tháng ở Cẩm Giàng khó nghèo, nhưng cảnh vật, con người ở đây đã in đậm trong ký ức và có ý nghĩa tác động sâu sắc trong đời viết văn của ông, trở thành máu thịt sống động trong văn chương sau này. Người đọc gặp nhân vật trong truyện thấy có đủ lai lịch xuất xứ, mà Thạch Lam lấy nguyên mẫu trong phố huyện nghèo. Đây là nhà chị Lê ở gần cánh đồng, chị Đồi ở xóm chợ Cẩm Giàng, ông Chiêu đan lờ bên gốc na, trước mặt là con đường đất khô trắng. Cũng có khi là chị Lựu hay hát bài ngày xưa có anh Trương Chi, người thì thậm xấu hát thì thậm hay.

Truyện Hai đứa trẻ là hồi ức của ông, hình ảnh đứa chị chính là bà chị Nguyễn Thị Thế, tức cô Năm, và đứa em là Thạch Lam thời thơ ấu. Trong Hồi ký họ Nguyễn Tường, bà Nguyễn Thị Thế cũng khẳng định điều này: Tôi không ngờ em Sáu (Thạch Lam) có trí nhớ dai thế, như truyện em tôi tả hai chị em thức đợi chuyến tàu đêm qua rồi mới đi ngủ. Năm đó tôi mới có chín tuổi, em tôi lên tám mà tối đến mẹ đã giao cho hai chị em phải ngủ lại để trông hàng...

Ngày ấy bà thông Nhu có một chõng hàng ở trước cửa ga xép Cẩm Giàng. Gọi là cửa hàng cho sang chứ thực ra chỉ bán dăm cút rượu, vài phong bánh khảo, vài gói thuốc Lào... cốt là gặp khách quen đưa vào nhà bà ngoại (cụ quản Thuật) để nghỉ lại qua đêm. Cũng là họa hoằn có ông khách lỡ tàu ngủ lại, hoặc là ông lý, ông chánh ở các làng xa lên huyện có việc không về kịp. Nhưng cũng chỉ ào lên được ít ngày vào vụ thu thuế.. Thời ấy từ thuế người, thuế ruộng đều phải đem nộp quan, rồi quan huyện lại phải đem ra tỉnh nộp cho công sứ... Còn những ngày thường khách vắng teo.

Không say đắm như Xuân Diệu; quặn đau như Hàn Mặc Tử; cũng không xê dịch như Thế Lữ, văn chương Thạch Lam sâu sắc dịu dàng mà cứ như giọt nước thánh thót ngân nga trong lòng người đọc trên nửa thế kỷ qua. Văn chương Thạch Lam không gượng ép, thật hồn nhiên. Những hàng chữ đều mà nhanh, nét nhỏ thanh tú. Câu văn thấm thiết, có khi đĩnh đạc. Ông viết thận trọng, chưa chín thì chưa viết... nhẹ nhàng khoan thai như con người của ông vậy. Bởi vậy có lần chậm nộp bài, trễ hẹn, khiến cho Nhất Linh giận, sau hai anh em mới làm lành với nhau.

Thế Phong có lần nhận xét rằng, không có một sáng tác nào của Thạch Lam mà không có rất nhiều Thạch Lam trong đó. Cũng vẫn chỉ là chuyện luỹ tre, cô hàng xóm, cái sân ga, đứa trẻ con sống trong thị trấn nghèo, tẻ nhạt... mà vẫn bừng sáng lên phẩm chất đẹp của con người. Dòng văn học 1930-1945, hay nói rộng hơn nền văn chương nước nhà thật tự hào có một Thạch Lam.

Khoảng năm 1935 khi đã 25 tuổi, Thạch Lam lấy vợ. Chị ruột là Nguyễn Thị Thế sinh con đầu lòng, mới để lại ngôi nhà ven hồ Tây cho cậu em Thạch Lam và tìm nơi khác

Từ đây Thạch Lam mới có nhà riêng, bước vào cuộc sống tự lập.

Nhiều người vẫn gọi ngôi nhà Thạch Lam là nhà cây liễu. Vì trong sân sát hồ có cây liễu lớn, thân nâu sần sùi nứt nẻ, bóng rủ thướt tha. Cây liễu ấy do Thạch Lam trồng khi mới đến đây. Nhà thơ Huyền Kiều ngày ấy có bài thơ châm phá về cái ngôi nhà :

Tây hồ có danh sĩ

Nhà thì ở nhà tranh

Cửa trúc cài phen gió

Trước thềm bóng liễu xanh...

Ngôi nhà nhỏ nên thơ có cửa kính cửa chớp, tuy lợp rạ vách gỗ. Ở ngay đầu cổng có một lùm tre khác biệt với căn nhà chung quanh. Một cái sân nho nhỏ, ba phía móng nhà suốt đêm ngày ì oạp sóng nước hồ Tây. Ngôi nhà đơn sơ nhưng sáng sủa, ngăn nắp, sạch sẽ, nhà có cổng gỗ ra vào. Bên trong bày một bộ bàn ghế bằng mây, trên đặt vài cái bát da lươn uống chè xanh; trên tường thấp thoáng mấy bức tranh tĩnh vật. Nhà văn Đình Hùng kể rằng, đứng trên sân thượng, ông nhìn về phía nhà Thạch Lam, theo đường chim bay hai nhà chỉ cách nhau chừng hơn trăm mét. Những ngày trời quang có thể nhìn rõ sợi khói lam chiều bảng lảng bay lên từ mái bếp nhà Thạch Lam và cả ngọn khóm tre đầu cổng nhà in trên nền trời. Ông cũng nhìn thấy Thạch Lam thong thả đi trên con đường lát gạch màu đỏ từ nhà ra phố hoặc từ phố trở về. Yên Phụ thời ấy là một làng ngoại ô sạch sẽ, thoáng đãng êm đềm và thơ mộng. Gần một nửa làng

chạy vòng theo mép nước hồ. Ngôi nhà Thạch Lam xinh xắn, ở ngay đầu làng Yên Phụ. Nhà thêm rộng trông ra mặt hồ, phía trước là trường Bưởi, bên trái là con đường Cổ Ngư. Mùa xuân về, làng Yên Phụ bừng lên sức sống thanh tân bởi muôn màu hoa cùng hương thơm các loài cẩm chướng, phù dung, lan huệ và đặc biệt hoa đào phô bày sung mãn. Những ngày ấy Yên Phụ là cô gái đẹp, kiêu kỳ nhất, khiến cho các vùng ven ghen tỵ và thêm khát. Nhà Thạch Lam ở khúc đầu làng, gần một sân đình, ra vào thành phố thuận tiện. Tuy nhà rạ vách gỗ nhưng ông rất tự hào tìm thấy nguồn vui từ hoàn cảnh thực của mình chứ không phải kiêu học đòi, giả tạo. Nhiều lần Thạch Lam nói với bạn bè rằng: Con người ăn được rau quả, ở trong nhà lá, nằm trên giường tre mà cảm thấy ngon, lòng thấy mát, mình thấy êm mới là sống nghệ thuật. Khi nơi ở có linh hồn thì chẳng cần gì cao sang...

Nhà Thạch Lam nghèo nhất trong gia đình. Nhà tranh vách đất thậm chí cái mền không có tiền mua. Nhìn thấy con đắp chăn dạ mỏng, lạnh quá phải đắp thêm khăn giải bàn và áo mưa trong căn nhà cạnh hồ Tây lộng gió lạnh thấu xương, bà Nhu thương con đi mua cái mền bông khác dày dặn hơn cho ấm áp mùa đông. Thế nhưng nhà cây liễu ven hồ Tây đã là nơi gửi gắm nhiều kỷ niệm. Ngoài mấy anh em ruột Nhất Linh, Hoàng Đạo, người thân thiết như Khải Hưng còn có Trần Tiêu, Song Kim - Thế Lữ, Huyền Kiều, Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Tuân... khi thì bên khay trà, khi thì quanh bàn tổ tôm hay bên mâm rượu. Thạch Lam nghèo một phần vì sách bán ế, nhưng không vì thế mà người vợ hiền thực kém mặn mà với khách của chồng. Những bữa rượu cứ tiếp diễn, và bao giờ Thạch Lam cũng mời mọc thịnh tình cho đến lúc các thực khách say mê, có khi sinh sự với nhau trong âm thanh hỗn độn. Những khi ấy Thạch Lam vẫn chỉ điềm nhiên nâng chén, không nói lớn, càng mỉm cười, có khi như khuyến khích bạn bè cứ việc hết mình. Có người bạn văn chương bảo nhà cây liễu là ngôi nhà lịch sử, bởi nó chứng kiến vui buồn của những văn nghệ sĩ trong khoảnh khắc giao thời.

Cây giống bóng, cảnh giống người, ngôi nhà cây liễu đầy âm thanh và hương vị thiên nhiên. Đêm, nghe tiếng sóng vỗ xao xuyến mơ hồ, xen vào tiếng gió xạc xào lọt qua khóm tre đầu cổng. Đêm, diu dặt thứ hương của đất, của nước, của loài hoa thích toả vào sương lấp lánh ánh trăng. Phải vậy không mà trang viết Thạch Lam đậm đà tình đời tình ái? Phải vậy chăng, mà Thạch Lam không muốn dời đi nơi khác, mặc dù ngày ấy tuy nghèo nhưng ông vẫn có thể xoay sở đi tìm một ngôi ở nhà ngoài phố sang trọng hơn?

Ngôi nhà ấy dường như quên cả thời gian lấp ló bao nhiêu giông bão, vẫn thánh thót tiếng đàn nhịp phách, tiếng ngâm thơ và tiếng cười thù tạc, có cả những cuộc say tình nghĩa tình người... Từ đây đã có người ra đi không trở lại...

Băng đi một dạo, bạn bè không gặp nhau, một hôm nhà văn Đình Hùng tới thăm bạn. Nhà cây liễu cổng không cài then. Bên trong nhà le lói ngọn đèn dầu hoả vàng vọt.

Góc trong nhà một cánh màn buông kín giường, Thạch Lam mặt trắng bệch nằm thoi thóp. Những người thân yêu của Thạch Lam lúc này chỉ có bà mẹ già ngoài sáu chục tuổi, anh cả Nguyễn Tường Thụy, chị gái Nguyễn Thị Thê, người vợ vừa sinh con và người em trai, bác sĩ Nguyễn Tường Bách ở bên. Nhà văn âu yếm nhìn đứa con thứ ba mới ra đời, khen nó khoẻ mạnh (sau này là Nguyễn Tường Giang) rồi ngược mắt nhìn lần cuối cùng người mẹ già, người vợ trẻ vừa ở nhà hộ sinh về, rồi lịm đi. Căn bệnh lao phổi đã xé ngang tiếng thở đời ông. Đó là ngày 27- 6-1942. Thật không ai ngờ rằng mới hôm trước, Thạch Lam còn bảo chị gái đỡ mình ngồi cao lên để nhìn cho rõ cây liễu ven hồ, và phàn nàn rằng có ai đã phạt một cành rũ sát mặt nước làm giảm đi vẻ đẹp tự nhiên.

Thạch Lam hưởng dương 32 tuổi tại nhà riêng - nhà cây liễu, làng Yên Phụ, ven hồ Tây - Hà Nội, tạo ra một chỗ ngoặt, hẫng hụt trong TLVĐ. Ông ra đi để lại ba đứa con, hai trai một gái cho người vợ trẻ trong cảnh nghèo.

Ngôi mộ Thạch Lam đặt ở nghĩa địa Hợp Thiện, gần ô Đống Mác, nơi người vợ trước của Nguyễn Tường Thụy nằm tại đó.

4. Khái Hưng - Cậu ấm làm văn chương

Trong bát tú của TLVĐ ngoài ba anh em ruột Nhất Linh, còn lại năm người không cùng dòng tộc. Trong số ấy có một người nhiều tuổi nhất, là Khái Hưng.

Khái Hưng là con quan tuần phủ Trần Mỹ, cử nhân Hán học từng có thơ in trên Nam Phong, quê làng Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải phòng. (trước thuộc tỉnh Hải Dương). Cụ tuần có 5 người vợ . Bà cả sinh được ba trai một gái. Người con trai đầu Trần Xuân là thượng tá nhưng mất sớm, đã đôn Trần Giur lên thành con trưởng trong gia đình, là anh của Trần Tiêu và em gái Trần Thị Ngọc .

Sinh năm 1895, thuở nhỏ Khái Hưng tên là Trần Dur (Giur). Chỉ vì thích tính cách của vị tướng đời Trần là Trần Khánh Giur, nên ông tự thêm chữ Khánh làm đệm thành Trần Khánh Giur. Ông tháo rời các chữ cái trong hai chữ Khánh Giur ra, rồi ghép lại thành bút danh Khái Hưng. Hồi nhỏ ông học chữ Hán, sau mới chuyển sang học chữ Tây, trường An Be Sa Rô . Lấy bằng tú tài phần một ban cổ điển, ông về Ninh Giang mở đại lý bán dầu hoả. Đây là phố phủ chứa nhiều hình mẫu số phận con người mà sau này ông xây dựng nên cuốn tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa mang tên Thoát Ly gây tiếng vang. Ông say mê thể thao, mê quần vợt, bơi ếch rất tài, thích đi bộ. Sau ra Hà Nội dạy học tại trường tư thực Thăng Long, tham gia viết cho tờ Văn Học của anh em ông Dương Bá Trạc và Dương Tự Quán. Cũng trong khoảng thời gian 1930 đến 1932, Nhất Linh từ Pháp về nước và cũng dạy tại trường này. Nhất Linh để ý tới một

bài khảo luận ngắn trên báo Văn Học, ký tên BánThan, rất có cảm tình. Về sau biết là Trần Khánh Giur cùng trường, là một người kín đáo, dễ mến và tin cậy. Nhất Linh thấy Khải Hưng có những khả năng hiếm có về văn chương, có đủ điều kiện và thể lực ra làm quan, mà từ chối. Nhất Linh kết bạn với Khải Hưng mau chóng trở thành một cặp tác giả nổi tiếng.

Trong văn chương của Khải Hưng có hai phần: văn học cổ điển và văn học Âu châu cấp tiến. Vốn là người học hành căn bản lại từng trải cho nên văn ông vừa bao quát không khí mới mẻ lại giữ được nét truyền thống phương Đông trữ tình lãng mạn.

Khải Hưng lấy vợ là con gái vị thượng thư từng đậu cử nhân triều Nguyễn, tổng đốc Bắc Ninh. Bà tên là Lê Thị Hoà, biệt hiệu Nhã Khanh. Ngày vu quy, nhà gái còn cho vợ chồng Khải Hưng hơn 50 mẫu ruộng ở miền Quế Phương, chợ Cồn - Nam Định để làm vốn. Con nhà quan, lại thông thạo Hán văn, viết chữ nho rất đẹp, bà tâm đầu ý hợp với chồng, thường đàm đạo văn chương. Khi sáng tác nếu có chương đoạn nào viết về các bà phái thượng lưu, Khải Hưng thường hỏi thêm ý kiến vợ cho cẩn thận. Có lần Khải Hưng viết truyện Bông cúc huyền có đoạn “đôi ủng đan bằng kim tuyến” bị vợ chê là sai, bởi kim tuyến không thể đan được, phải sửa. Vợ chồng sống với nhau thuận hoà, rất thương yêu như vậy nhưng Khải Hưng không có con. Nhất Linh đã cho người con trai của mình là Nguyễn Tường Triệu làm con nuôi Khải Hưng, và sau này đổi tên là Trần Khánh Triệu. Vì thế, Khải Hưng được con gọi là “papa toà báo” để phân biệt với “cậu Nhà Bè” là Nhất Linh, cha đẻ..

Văn chương Khải Hưng chủ yếu là tiểu thuyết, mà ái tình làm đề tài chính. Hầu như tác phẩm của ông thường xoay vào chủ đề: đề cao tình yêu tự do, chống lễ giáo phong kiến, một phần cải cách xã hội.

Nói như Vũ Ngọc Phan thì, Khải Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam, cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp thuở xưa.

Khải Hưng rất hiểu tâm lý phụ nữ, cả tuổi trẻ và tuổi già. Trong truyện của ông phần kết bao giờ cũng gây cảm giác băng khuâng, man mác cho bạn đọc. Vũ Ngọc Phan nhận xét: Khải Hưng viết truyện ngắn tuyệt hay, linh hoạt và cảm người ta hơn là truyện dài. Vì nó vui tươi và rộng mở. Khải Hưng quan sát lão luyện và dùng ngòi bút tài tình. Truyện ngắn Khải Hưng có một đặc biệt là ông tìm ra ý nghĩa của mọi việc trên đời, dùng ngôn ngữ gian dị trong sáng ghi lại, làm cho người ta cảm nhận chứ không gò ép cảm dỗ người ta bằng lý trí.

Là một người từng trải, tài hoa Khải Hưng viết đủ các thể loại, mà đều hay gây ấn tượng. Là một người thông minh, nhạy cảm, Khải Hưng từng làm cho mọi người bất ngờ. Năm 1933 một lần cùng anh em toà báo đi lễ chùa ở Bắc Ninh, Khải Hưng đã xúc động trước con người và phong cảnh, để rồi ít lâu sau ông cho ra đời tiểu thuyết, hay còn là một bản tình trường thật độc đáo. Hồn bướm mơ tiên là tác phẩm đầu tay

của Khái Hưng, cũng là tác phẩm đầu tiên của TLVD. Câu chuyện tình xảy ra ở chốn chùa chiền, đã cuốn hút thanh niên vào tình ái lý tưởng, với đủ tâm trạng, cung bậc .

Khái Hưng là nhà văn của thanh niên trí thức thành thị. Mọi góc cạnh cuộc đời, mọi tình huống đời sống đều thành tác phẩm. Nửa chừng xuân là chuyện về con người và gia đình bị kẹp vào luân lý, lễ giáo nên tình yêu giữa Lộc và Mai phải lìa nhau. Gánh Hàng Hoa ca ngợi vẻ đẹp ngây thơ, hết lòng yêu chồng của cô gái quê trẻ đẹp tên Liên nhưng lại chịu nhiều bất hạnh. Đời mưa gió một câu chuyện tình rùng rợn giữa anh giáo Chương và cô gái giang hồ Tuyết. Trống Mái kể chuyện yêu đương giữa Hiền cô gái Hà thành và chàng Vội thanh niên ngư dân. Mỗi người có vẻ đẹp riêng bù đắp cho nhau cùng tận hưởng những giờ phút tuyệt vời giữa thiên nhiên phóng khoáng.

Khái Hưng có cái nhìn cuộc đời đầy khám phá, tìm tòi sáng tạo. Chỉ một lần đi thăm cảnh một ngôi chùa, có những ngôi tháp cổ kính đầy huyền bí. Vậy mà sau đó ông đã tạo ra bối cảnh cho cuốn tiểu thuyết lịch sử Tiêu Sơn tráng sĩ, gồm 50 chương, có 81 nhân vật với một không gian rộng dài, đồ sộ. Ban đầu cuốn sách được đăng tải từng kỳ trên báo Phong Hoá năm 1934 rồi in thành sách năm 1935, từng gây bao tranh luận, tốn nhiều giấy mực của các nhà nghiên cứu văn học sử một thời...

Tuy là con quan, nhưng ngay từ tấm bé Khái Hưng đã chịu cảnh hành hạ của bà dì ghẻ khắc nghiệt đã để lại trong ký ức ông những nỗi xót xa . Từ vốn sống ấy về sau ông viết nên hai cuốn tiểu thuyết Thoát Ly và Thừa Tự...

Thực vậy, Thoát ly là tấn bi kịch chuyện dì ghẻ con chồng trong những gia đình phong kiến.

Thoát Ly được lấy bối cảnh từ phố phủ Ninh Giang, thời Khái Hưng còn làm đại lý dầu hoả. Ngày ấy phố phủ có nhiều hạng người: Quan thì có quan phủ, quan đốc, quan chủ, quan huân và quan phán đầu toà. Kế đến xã hội mô phạm của các nhà giáo, bọn tổ tôm một đồng, xã hội trưởng phố rất hách dịch đối với những nhà buôn nhỏ và quá lễ phép nhiều khi khúm núm nữa đối với những bề trên. Ấy là chưa kể một xã hội khách trọ tả pí lù, chiếm đến một phần tư dân số... và xã hội tài xế, khách hàng rất trung thành và rất hào phóng.

Chính ở cái phố phủ ấy, đội xếp có thể tự do tung hoành cùng quân phố bắt giải lên phủ bất cứ người nữ sinh nào đang đêm nói chuyện với nhân tình trong sân trường. Hồng mồ côi mẹ khi 6 tuổi, và từ khi là thiếu nữ cô đã bị cha lạnh lùng, dì ghẻ cay độc đay nghiến. Hai con người ấy về hòa với nhau để ruồng rẫy đánh đập cô... Đang học trường Nữ sư phạm, Hồng bị cha và dì ghẻ gọi về Ninh Giang, bắt nhuộm răng đen và tước đoạt các nhân quyền, kể cả quyền hôn nhân. Hồng bị dì ghẻ tìm mọi cách phá đám các mối tình của cô rồi gả ép cô cho đứa cháu mình, đó là một tên lêu lổng và dốt nát...

Số phận con người bị đẩy dồn đến cùng đường, Hồng phải thốt lên chua xót: Làm gì cũng được, kể cả gái giang hồ, nhưng đừng ở trong gia đình có một người di ghẻ như dì ghẻ của tôi!

Để chuyển tải nội dung, Khải Hưng viết kỹ thuật tinh xảo, bố cục truyện giản dị, khéo léo. Tình tiết truyện thưa ít, động tác nhân vật ngắn gọn. Nhân vật trong truyện thường có tác phong cử chỉ thanh thoát, lời nói hóm hỉnh duyên dáng, hoa lệ của tầng lớp trí thức. Ông không quen tả nhân vật tâm trạng căng cứng tàn ác, đen tối, hay tả nỗi niềm băng khuâng êm dịu thâm kín... Văn ông có chất thơ, giàu trí tưởng tượng, bay bướm, có hình ảnh nhạc điệu, hợp với truyện tâm lý. Có nhiều trang viết đẹp như tranh, tươi mát cảnh làng quê Việt Nam, ví như truyện Gia Đình, có đoạn tả thể này: Những cây cau thân thẳng và mảnh toả từng buồng hoa vàng xuống một mùi thơm phảng phất, thanh thanh của hoa chè: hai hương vị của nơi thôn dã.

Trong Trông Mái, những câu văn chứa chất hội họa: Mặt trời vừa mọc và ẩn sau đám mây tím trải ngang trên làn nước đủ màu, từ màu lam sẫm, lam nhạt ngoài xa cho đến các màu hồng, màu vàng ở gần bờ. Trên nền trời sắc da cam chói lọi, những vạch đỏ thẫm xoè ra như bộ nan quạt là bằng ngọc lựu..

Là một trong những cây bút chính của nhóm, một trong những người sáng lập TLVĐ, ông viết cho tờ Phong hoá, Ngày nay, thường giữ mục Câu chuyện hàng tuần. Thời kỳ đầu, TLVĐ có 6 người, Khải Hưng đã giới thiệu người em là Trần Tiêu, giáo viên trường huyện, đang viết tiểu thuyết CON TRÂU gia nhập, được anh em trong đoàn nhất trí thành Thất tinh - 7 ngôi sao.

Về sau theo đề nghị của Nhất Linh, kết nạp thêm Xuân Diệu thành bát tú. Vậy là trong bát tú ấy, có ba anh em nhà Nhất Linh, và hai anh em Khải Hưng.

Theo Trần Khánh Triệu kể, thì Khải Hưng thường viết văn vào sáng sớm, hoặc về khuya. Nếu trời lạnh, ông xếp bằng trên ghé mây, trước hết gây cảm hứng bằng cách ngâm nga vài câu chèo cổ hay trống quân, rồi nhả khói thuốc thành vòng tròn trên trần nhà. Khải Hưng dùng bút máy ngòi vàng loại Watermann, giấy dùng pelure dày để sáng tác. Khải Hưng yêu con vật thích mèo, ghét chó vì ông cho rằng chó là loài nịnh bợ, bị đá vào mõm nó vẫn ve vẩy đuôi, hí hửng, lè lưỡi liếm ngoen ngoét. Còn mèo thái độ dứt khoát, ai yêu nó, nó âu yếm, ai trêu nó, nó cào hoặc gầm gừ. Ông ra Hà Nội dạy học tư ở trường Thăng Long, rồi viết báo làm văn.

Có thể nói trong TLVĐ, Khải Hưng là nhà văn viết nhiều nhất.

Tính từ năm 1934 đến 1942 ông đã xuất bản trên hai mươi cuốn sách, gồm 12 truyện dài, 5 tập truyện ngắn, 3 vở kịch, 4 tập truyện thiếu nhi. Ngoài ra viết chung với Nhất Linh ba tiểu thuyết nổi tiếng: Anh phải sống, Gánh hàng hoa, Đồi mưa gió, đã làm cho tên tuổi ông sáng lên và chiếm được tình cảm của bạn đọc, nhất là bạn đọc thanh

niên. Tú Mỡ kể rằng khi viết chung Đòi Mưa Gió, hai người thường gặp nhau vào tối thứ bảy tại toà soạn - số 80 phố Quán Thánh. Họ bàn nhau xem số này cho Chương và Tuyết làm gì, gặp nhau ở đâu. Rồi phân công thay nhau chấp bút cho kịp bài lên mặt báo. Tiểu thuyết Đòi mưa gió đăng dần trên báo Phong Hoá trước, sau mới in thành sách.

Khái Hưng còn là một dịch giả. Bài Tình tuyệt vọng ông dịch từ thơ của Félix Arvers rất nổi tiếng.

Lòng ta chôn một khối tình

Tình trong giây phút mà thành thiên thu

Tình tuyệt vọng, nỗi thăm sâu

Mà người gieo thăm như hầu không hay

Mấy chục năm qua, đã có biết bao bài nghiên cứu về văn chương Khái Hưng. Chỉ một cuốn sách “Khái Hưng nhà tiểu thuyết xuất sắc” có tới ba chục bài của gần ba chục tác giả: Vũ Ngọc Phan, Trần Khánh Triêu, Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Vu Gia, Nguyễn Vỹ...

Vu Gia trong bài: Khái Hưng - nhà tiểu thuyết xuất sắc, cho rằng kết cấu tiểu thuyết của ông đạt đến mức điêu luyện tinh vi .

Trương Chính trong Dưới mắt tôi, ca ngợi Khái Hưng có lối văn giản dị thanh tao, bóng bẩy nhưng trong sáng, nhịp nhàng nhưng không mất vẻ tự nhiên. Nhiều câu văn phẳng phất âm điệu thom tho, thấm vào hồn ta như mùi hương đượm... Ông có thể thu một cảnh bằng vài nét đơn sơ, nhưng mềm mại, nhưng trong trẻo và tình tứ. Ông kết tinh được cả cái hồn thơ man mác bao trùm cảnh vật và ghi được màu sắc rất hay biến đổi bằng một ngòi bút điêu luyện... Vào hồi 1933 một quyển như Hồn Bướm Mơ Tiên là một hồn châu báu.

(Tổng tập Văn học Việt Nam tập 24B- NXB KHXH- 1997)

Còn đây: Với Khái Hưng, đó là một nhà tiểu thuyết có biệt tài, và người ta có thể gọi ông là nhà văn của thanh niên. Ông rất am hiểu tính tình tuổi trẻ. Phần đông thanh niên trí thức Việt Nam là những độc giả trung thành của ông và phụ nữ chiếm số đông nhất. (Nhà văn hiện đại, tập 2- NXB KHXH, 1989) .

Có lẽ ít người biết Khái Hưng từng tham dự Đại hội văn hoá cứu quốc (tháng 10-1946- KHL chú). Sự việc này đã đăng trên báo Tiên phong số 22: Khi thấy Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi bắt tay Khái Hưng đến dự thánh Đại hội văn hoá cứu quốc thì có

đồng chí sung sướng đến rơi nước mắt và viết “Trong cử chỉ ấy, phải nhận là có một chút huyênh hoang của cả hai bên, ai cũng muốn tỏ ra mình quân tử”. Trong cuốn Bàn về những cuộc đấu tranh tư tưởng trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại 1930-1945, tác giả Vũ Đức Phúc phê phán là cái nhìn hết sức lẫn lộn.

Trong đại chiến thế giới thứ hai, Khái Hưng tham gia hoạt động chính trị, có chân trong Đảng Đại Việt dân chính, nên bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam. Ban đầu giam tại Sở Liêm phóng, sau vài ba tháng thì bị đưa đi trại An Trí ở Vụ Bản. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (tháng 3 năm 1945) mới được thả.

Ông cùng Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách cho ra tờ Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới.

Về cái chết của Khái Hưng có nhiều nguồn nói ông mất ngày 19-12-1946. Chúng tôi đọc bài “Pa pa toà báo” của Trần Khánh Triệu, con nuôi Khái Hưng mới biết rằng sau tết Đinh Hợi, ông còn về với gia đình.” Rồi tết qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rục rịch tản cư thì bất chợt papa trở về...” . Qua đoạn hồi ký này có thể khẳng định tài liệu viết Khái Hưng mất tại huyện Xuân Trường, Nam Định ngày 19-12-1946 là không chính xác.

Người đời sau chẳng ai nhớ có một cậu ấm Trần Dư, con quan tuần phủ, nhưng người ta ghi mãi trong lòng một nhà văn Khái Hưng.

5. Tú Mỡ, cười nửa miệng.

Trong số bát tú của TLVĐ, Tú Mỡ có một vị trí đáng kể. Ông tên thật là Hồ Trọng Hiếu, sinh năm 1900 mất năm 1976.

Tháng 7 năm 1918 ông đỗ bằng đíp lôm, vì nặng gánh gia đình không học tiếp mà bỏ đi làm thư ký Sở Tài chính Hà Nội. Năm 1920 gặp Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) cũng đỗ bằng đíp lôm vào đây làm việc cùng ở phòng 3 kế toán. Họ nhanh chóng làm quen và thân nhau.

Sau khi ở Pháp về, Nhất Linh có ý định làm báo, tìm Tú Mỡ rủ ông cùng cộng tác với mình.

Báo Phong Hoá bộ mới có tôn chỉ : Theo con đường mới, tìm lý tưởng mới, không làm nô lệ ai, không xu phụ một quyền thế nào. Lấy lương tri mà xét đoán, theo lẽ phải mà hành động. Lấy thành thực làm căn bản. Lấy trào phúng làm phương pháp, lấy tiếng cười làm vũ khí... Báo sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, loại bỏ thứ văn lai căng. Theo Tú Mỡ: Nó không làm cách mạng, nhưng nó làm công việc khai phá, dọn đất cho cách mạng gieo hạt sau này.

Trong TLVĐ, Nhất Linh phân công cho mỗi thành viên từng lĩnh vực, không ai được lấn sân. Ví dụ mục Giòng nước ngược do Tú Mỡ phụ trách, mục Bàn ngang do Tử Ly, tức Hoàng Đạo chăm sóc, mục Những hạt đậu dạn do Nhất dao cạo tức Khái Hưng đảm nhiệm. Bây giờ có hai người là Hoàng Đạo và Tú Mỡ đang làm công chức nhà nước. Tú Mỡ - thư ký Sở tài chính, còn Hoàng Đạo làm tham tá lục sự toà án, nên họ vừa lo việc công sở lại đảm đương công việc báo đã giao, thật vất vả mệt mỏi vô cùng. Họ thường gặp nhau vào tối thứ 7 tại trụ sở báo số 80 phố Quán Thánh - Hà Nội để bàn công việc. Tú Mỡ không chỉ viết thơ châm biếm, trào phúng mà ông còn viết kịch, viết tuồng đăng trên báo Ngày Nay. Lĩnh vực nào ông cũng sâu sắc, gây được ấn tượng trong toà soạn và bạn đọc.

Báo Phong Hoá đã nghĩ tới việc đi thực tế sáng tác cho các thành viên. Họ chuẩn bị đồ ăn thức uống rồi rủ nhau về các vùng quê gần Hà Nội thực tế. Khi thì đi về đền Lý Bát Đế, khi thì đi chùa Trầm, chùa Phật Tích, chùa Tiên. Có lần về Trung Hà rẽ vào thăm thi sĩ Tân Đà. Sau khi trở về lại có nhiều bài phóng sự mới rất xuất sắc. Một lần đi Trung Hà (Sơn Tây) về, gặp một xe ô tô có hai người chạy theo che lọng cho mui xe. Biết đây là bọn quan lại tham nhũng, nên về nhà Tú Mỡ đã viết được một bài đăng trên mục Giòng nước ngược rất đặc địa :

Có khi đón các ông to

Cái ngài ấy ngự ô tô tân thời

Bốn thằng nửa ngợm nửa người

Chạy theo vác lọng che ngoài mui xe.

Kể từ khi Chính phủ Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, ở Việt Nam được cởi mở hơn trong sinh hoạt báo chí. Các nhà báo dễ thở hơn, báo chí ít bị kiểm duyệt hơn. Tú Mỡ nói, ông nhờ làm báo cùng Nhất Linh mà tiến bộ hơn nhiều. Không chỉ làm thơ trào phúng còn làm thơ trữ tình, viết cả tường thuật trào lộng.

Chiến tranh thế giới thứ hai sắp bùng nổ, chính phủ thực dân thẳng tay bóp nghẹt các hoạt động văn hoá tiến bộ và báo Ngày Nay bị cấm. Tú Mỡ bị giám đốc Sở tài chính doạ cách chức và bỏ tù, bắt cam đoan không được cộng tác với báo chí nữa. Giữa lúc ấy tháng 9 năm 1940 Nhật vào chiếm Đông Dương và sau đó đảo chính Pháp. Ngày Nay lại tục bản. Tú Mỡ lại tung bút đả kích, chiến đấu bằng ngòi bút trào phúng của mình, dù chỉ là nghiệp dư.

Khi cách mạng tháng Tám bùng nổ, trừ Thạch Lam mất năm 1942 vì ho lao, còn mấy người trong báo Ngày Nay ly tán theo quan niệm sống mới của mỗi người. Sau Tổng tuyển cử và khi toàn quốc kháng chiến, Tú Mỡ theo Bộ tài chính lên chiến khu Việt Bắc, rồi ít lâu sau chuyển sang công tác văn hoá văn nghệ. Từ đó Tú Mỡ thành Bú Chiến Đấu và Giòng nước ngược đã hoá thành Nụ cười kháng chiến. Tỉnh thoảng

ông đi công tác lại gặp nhà thơ Thế Lữ, Xuân Diệu từng cộng tác với báo Phong Hoá, Ngày Nay- cơ quan ngôn luận chính thức của Tự Lực Văn Đoàn, một tổ chức văn học đặc sắc trong nền văn học nước nhà những năm ba mươi của thế kỷ trước.

6. Thế Lữ “đa sự”

Thế Lữ là bút danh của Nguyễn Thứ Lễ. Ông sinh ngày 6 tháng 10 năm 1907 tại ấp Thái Hà, Hà Nội, trong một gia đình viên chức. Ông đảo vị trí chữ Ư và Ê trong hai chữ Thứ Lễ thành Thế Lữ, thành bút danh, đến nỗi ít người biết ông họ Nguyễn.

Quê nội của ông là làng Phù Đổng, Tiên Du, Bắc Ninh. Khi nhỏ sống ở Lạng Sơn. Những năm 1925- 1928 ông theo học thành chung ở Hải Phòng. Học xong năm thứ ba bậc thành chung, lại về Hà Nội thi đỗ dự thính trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, rồi cũng chỉ học một năm lại bỏ. Năm 1932 tham gia TLVĐ, trở thành cây bút chủ lực trên báo Phong Hoá, Ngày Nay, Tinh Hoa. Thế Lữ nổi tiếng về thơ với bài thơ Nhớ Rừng và suốt thời gian phong trào thơ mới. Sau đó ông viết truyện trinh thám đăng trên các báo làm mê say người đọc. Ông là người lắm tài, từng viết truyện ngắn Bình La Thôn, và đến thời kỳ quảng bá cho phong trào ánh sáng, ông còn viết cả ca khúc khích lệ phong trào.

Thế Lữ có thiên bẩm văn học nghệ thuật. Ông là người đa tài, đa tình , đa sự. Hết làm thơ, viết truyện, viết báo lại quay sang làm kịch. Từ 1937 khi có những cộng tác viên trẻ tham gia, ông lập ra ban kịch Thế Lữ. Ban kịch thuê nhà ở cạnh Đầm Sét có năm gian nhà gỗ cao ráo để luyện tập. Đây là cái đầm dài, hai bên bờ có cây xanh và thấp thoáng những căn nhà rất đẹp. Muốn vào tận nơi ban kịch ở phải có thuyền chở vào trong. Ngày máy bay Mỹ bắn quân Nhật, nhiều người dân Hà Nội đã về đây lánh nạn, vừa tránh đạn bom lại được xem diễn kịch. Thế Lữ cho dựng vở Kinh Kha tích cổ, và dựng vở Tục Luy, chuyện mới do Khải Hưng soạn thơ. Sau này được đưa ra Nhà Hát Lớn thành phố công diễn. Thế Lữ không chỉ là diễn viên xuất sắc về sau làm đạo diễn rất giỏi. Cặp vợ chồng nghệ sỹ Thế Lữ - Song Kim từng gây tiếng vang trong giới sân khấu và được khán giả cả nước ái mộ. Những tác phẩm kịch in trên báo Ngày Nay nhiều vở được lên sàn diễn.

Thế Lữ tạ thế ngày 3 tháng 6 năm 1989, thọ 83 tuổi.

Nghệ sỹ nhân dân Nguyễn Đình Nghi là con trai Thế Lữ đã kế nghiệp cha trên con đường nghệ thuật sân khấu..

7. Trần Tiêu, thuần hậu nét quê

Ông sinh năm 1900, tại làng Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Trần Tiêu là con vị quan Tuần phủ Trần Mỹ, em ruột Khải Hưng. Ông có tấm lòng nhân hậu, thông cảm sâu sắc với đời sống con người lao khổ sống nơi đồng quê tối tăm. Đâu bằng thành chung, Trần Tiêu không theo nghiệp cha đi làm quan, mà mở trường dạy tư. Khi đã vào tuổi 36, ông mới vào làng văn, và trình làng tác phẩm tiểu thuyết Con Trâu. Thế là trong TLVĐ, ngoài ba anh em ruột Nhất Linh còn có hai anh em Khải Hưng, Trần Tiêu. Khải Hưng và Trần Tiêu từng viết chung truyện dài Dưới ánh trăng in nhiều kỳ trên Ngày Nay bắt đầu từ số 33 năm 1936. Mặc dù từ nhỏ đã sống trong cảnh được chiều chuộng cậu ấm, nhưng Trần Tiêu lại có một tâm hồn rất đa cảm. Trần Tiêu cảm thông với con người dân quê, sau lũy tre làng nắng mưa và chịu nhiều vất vả khốn khó. Nó được thể hiện từ tên tác phẩm, như Con trâu, Chồng con, Sau lũy tre, Làng Cầm đổi mới, Truyện quê... cho đến những câu văn giản dị có chút cảm thương, chia sẻ. Người đọc cảm nhận được ngòi bút của ông đầy ắp những chi tiết của đời sống con người vùng đồng bằng châu thổ, tiềm ẩn tầng văn hoá lâu đời, mà nổi bật là lòng chân thành, tình nghĩa qua phong tục, tập quán quê hương.

Ông tạ thế khi 55 tuổi.

Người con trai ông là nghệ sỹ nhân dân Trần Bảng đã theo nghiệp văn chương của cha, làm rạng rỡ ngành nghệ thuật chèo sau này.

8. Xuân Diệu, sao hôm sao mai

Xuân Diệu là ngôi sao thứ 8 trong bát tú TLVĐ. Có người bình phẩm đó là ngôi sao hôm, nhưng cũng là sao mai ...

Ông tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 tại quê ngoại Gò Bồi, Tùng Giản, Tuy Phước, Bình Định. Quê nội ông làng Trảo Nha, Can Lộc, Hà Tĩnh, bởi thế ông còn có bút danh là Trảo Nha.

Xuân Diệu lớn lên ở Quy Nhơn, đỗ tú tài rồi đi dạy học tư, làm viên chức ở Mỹ Tho. Sau đó ra Hà Nội sống bằng nghề viết văn, rồi trở thành thành viên TLVĐ(1938-1940).

Người đời chỉ biết Xuân Diệu là người làm thơ tình, mấy ai biết ông còn là cây viết truyện ngắn, phóng sự. Truyện ngắn đầu tay của Xuân Diệu có tên là Mèo hoang đăng trên báo Ngày Nay số 81 năm 1937, được giới thiệu là một truyện ngắn hay là một bài thơ viết bằng văn xuôi thật lạ kỳ. Có thể nói Xuân Diệu trước khi dừng lại ở nàng thơ, thì ông đã trải qua nhiều thể loại văn học, như truyện ngắn Cái hoá lò, Thương vay, rồi kịch Đoá hồng. Bài thơ Cảm Xúc lần đầu xuất hiện trên số 96 báo Ngày Nay năm 1938, với câu mở đầu “Là thi sĩ nghĩa là ru với gió” sau này đã trở thành đề tài tranh

luận quan niệm về thơ, về người nghệ sĩ, trong đó nhà thơ Sóng Hồng có bài Là thi sĩ, mà bạn đọc nhiều thế hệ từng thuộc.

Xuân Diệu tốt nghiệp cử nhân Luật năm 1943, từng làm tham tá thương chánh Mỹ Tho. Ngoài sáng tác thơ, ông còn viết cả phóng sự, bút ký in trên các tờ báo Ngày Nay và Tiên phong. Ông cũng là một trong chủ soái của phong trào thơ mới. Năm 1938 nhà xuất bản Đời Nay cho ra mắt bạn đọc tập Thơ Thơ của Xuân Diệu rất được công chúng mến mộ. Sau cách mạng tháng Tám, ông tham gia kháng chiến và trở thành nhà thơ cách mạng, người cộng sản, từng được cả nước biết đến.

Ngoài những trụ cột trên, TLVĐ còn những cộng tác viên thường có tác phẩm trên báo Ngày Nay như: Thanh Tịnh, Huy Cận, Mạnh Phú Tư, Đỗ Đức Thu, Bùi Hiến, Kim Hà, Đỗ Tôn, Trọng Lang (Trần Tấn Cửu), Vũ Trọng Can, Đoàn Phú Tứ, Phạm Văn Bính... Do hạn chế khuôn khổ cuốn sách chúng tôi không đề cập đến.

[1] Giáo sư Văn Tạo trong tạp chí Khoa học và Tổ Quốc, số xuân Bính Tuất cho rằng tôn chỉ TLVĐ đăng trên Phong Hoá số 101, ngày 8-6-1934.

[2] Thành viên chính phủ gồm: Chủ tịch Hồ Chí Minh; Phó chủ tịch Nguyễn Hải Thần; và 11 bộ trưởng, trong đó có: Bộ trưởng nội vụ Huỳnh Thúc Kháng; Bộ trưởng quốc phòng Phan Anh; Bộ trưởng tài chính Lê Văn Hiến; Bộ trưởng kinh tế Chu Bá Phượng; Bộ trưởng giáo dục Đặng Thai Mai; Bộ trưởng tư pháp Vũ Đình Hoè; Bộ trưởng canh nông Bồ Xuân Luật...

[3] Nguyên văn bài thơ in trên báo Ngày Nay số 96 – năm 1938, như sau:

Buồn gieo theo gió ven hồ

Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa

Đòn xa quặn quai bóng cò

Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về

Ngàn năm sức tỉnh, lê thê

Trên thành son nhạt- chiều tê cú đầu

Bờ tre rung động trống chầu

Tướng chùng còn vọng trên lầu ải quan

Đêm mơ lay ánh trăng tàn

Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dồn

Phần 4.

Tự Lực Văn Đoàn, ngôi sao rực rỡ trên bầu trời văn học

TLVĐ là tổ chức văn chương tự lực. Họ tự lực về tài chính, không chịu ảnh hưởng của nhà cầm quyền. Họ tự lực về chuyên môn và khuynh hướng nghệ thuật. Họ tự tôn người chủ soái, cùng nhau tuân theo quy chế hoạt động. Lãi ăn lỗ chịu, cùng nhau gánh vác. Vì thế, khi thuận lợi thì phát triển, khi khó khăn thì lùi vào thế thủ. Sau khi xảy đàn tan nghệ, Thạch Lam mất năm 1942, Hoàng Đạo chết bên Tàu năm 1948, Khái Hưng chết năm 1946, Nhất Linh lưu vong nước ngoài... TLVĐ không hoạt động chứ không tuyên bố giải tán. Nhất Linh trở lại Sài Gòn không hoạt động chính trị mà tập trung vào văn nghệ. Ông làm chủ tịch Hội Bút Việt, mở nhà xuất bản Phương Giang, sáng tác mới, ra giai phẩm Văn Hoá ngày nay, in lại tác phẩm của TLVĐ...

Duy Lam con trai bà Nguyễn Thị Thế, người gọi Nhất Linh là bác, viết văn từ 1953, đã từng gửi truyện ngắn của mình cho bác và thành thật hỏi rằng, có thể theo nghiệp văn chương được hay không? Nhất Linh đã đọc kỹ và trả lời khuyến khích có thể theo nghề văn được. Thế rồi sau tết năm ấy, Duy Lam nhận được một bản viết tay, do Nhất Linh gửi đến. Nội dung là tuyên bố trong số bốn người: Đỗ Đức Thu, Duy Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh, chỉ có Đỗ Đức Thu được gia nhập TLVĐ còn lại là dự bị. Khi thấy sách của Đỗ Đức Thu được xếp vào trong văn chương TLVĐ đã có nhiều người không hiểu, điều này đã làm cho các nhà nghiên cứu, sau này gặp khó khăn. Bởi Nhất Linh khi ra quyết định công nhận chỉ chép tay ra 5 bản, gửi cho bốn người mỗi người một bản, còn lưu giữ một bản. Bên ngoài không ai biết gì vì người đứng đầu văn đoàn chưa từng công bố. Sau này Nhất Linh giải thích rằng, TLVĐ có nhiều người đã chết(Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Trần Tiêu), nhiều người ở lại miền Bắc(Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu) nên cần bổ sung, và sự gia nhập sẽ được hợp thức hoá khi cần thiết.

Nói lại sự kiện này để thấy rằng, TLVĐ chỉ chấm dứt sau ngày Nhất Linh mất, tức là sau ngày 7-7-1963, khi người chủ suý của nó vĩnh viễn ra đi.

Nhiều nhà nghiên cứu văn học cho rằng TLVĐ chỉ hoạt động có hiệu quả trong 10 năm (1932- 1942). Có thể là họ tính từ ngày tờ Phong Hoá ra đời đến khi Thạch Lam mất vào 27 tháng 6 năm 1942? Dù như thế thì trong khoảng một thập niên, TLVĐ đã làm nên sự nghiệp rực rỡ, đóng một dấu son đậm trong văn đàn nước nhà. Chỉ đáng tiếc về cuối kết cục thật ảm đạm, bởi một số người trong nhóm đã xa rời tôn chỉ văn chương khi mới thành lập. Mấy tháng trước khi Thạch Lam qua đời, ngôi nhà cây liễu đầu làng Yên Phụ bên ven hồ Tây đã vắng dần các văn nhân. Nhất Linh đã hoạt động chính trị đang ở Trung Quốc; Hoàng Đạo và Khái Hưng bị Pháp bắt đi an trí; Thế Lữ sợ liên can cũng bỏ đi; nhà thơ Huyền Kiều đã về quê Vân Đình, chỉ còn Nguyễn

Tường Bách và Đinh Hùng ở gần còn lui tới. Thạch Lam dạo ấy đang ốm, một mình lặng lẽ, có lần dặn bạn còn lại: Mật thám giăng lưới và rình mò quanh nhà đấy, các anh hãy tạm lánh đi kéo liên luy.

Gần đây có những công trình nghiên cứu, đánh giá cống hiến của họ tương đối công bằng, theo tinh thần công minh của lịch sử.

Nhìn tổng quát, TLVĐ là nhóm người có tài năng, tâm huyết, có cùng chí hướng trong sự nghiệp đổi mới cách tân văn chương. TLVĐ đã nói lên khát vọng dân tộc dân chủ của quần chúng; đấu tranh đòi giải phóng cá nhân, đòi tự do hôn nhân, quyền sống của phụ nữ và chống lại lễ giáo phong kiến trói buộc. TLVĐ chủ trương cải cách xã hội, đồng cảm nỗi khổ của người lao động và đả kích gay gắt bọn tham quan ômission chân Pháp. Họ đề cao tinh thần dân tộc, có hoài bão về một nền văn hoá dân tộc, trên cơ sở kết hợp truyền thống và hiện đại, giữa phương Đông và phương Tây... Đồng thời họ chống lại căng, phủ nhận xã hội thối nát đương thời.

Một ưu điểm rõ rệt nhất là họ có tài tổ chức. Tổ chức bộ máy gọn nhẹ và hiệu quả. Họ thu phục con người bằng tình tương thân tương ái. TLVĐ lập ra quỹ cứu tế tương trợ ban biên tập, hoặc trị sự khi ốm đau, xảy việc tang gia, hoạn nạn, có khi trừ vào lương cũng có trường hợp cho không, để cho các thành viên an tâm làm việc. Họ trân trọng, cư xử tử tế với cộng tác viên, tạo cho mọi người lương cao, và làm việc hết mình vì mục tiêu chung. Họ tổ chức hoạt động nghiệp vụ báo chí, in ấn, phê bình, đặt giải thưởng... một cách bài bản chuyên nghiệp. Họ năng động. Với con số biên chế chưa đến 10 người, nhưng TLVĐ đã làm việc của hai cơ quan xuất bản: Họ vừa làm báo vừa in sách của nhóm, lại cho in thuê kiếm lời. Đó là chưa kể làm quảng cáo, phát hành rộng rãi đáp ứng nhu cầu bạn đọc trong nước. Khi báo bán chạy họ biết làm kinh doanh, cho gọi cổ phần, mỗi cổ phần 500đồng, và mua nhà in với những thiết bị khá đồ sộ. Khi nhà xuất bản Đời Nay có máy in, Nhất Linh đã có tầm nhìn xa, chủ trương xin chính phủ cấp đất cho TLVĐ ở vùng Cầu Lính, gần núi Tam Đảo, Vĩnh Yên. Nếu có đất, sẽ cử người quản lý khai khẩn trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng cho TLVĐ một cơ sở kinh tế, để người trong TLVĐ, đặc biệt mấy người đang là công chức có thể thoát ly công việc nhà nước sống được bằng sáng tác văn chương. Họ dự kiến lập đồn điền, xây trường học, nhà trẻ, câu lạc bộ, phòng thuốc v.v, mua sắm phương tiện tạo nên cuộc sống văn minh. Đó là những ý tưởng tiên bộ, có mầm xã hội chủ nghĩa..

Nhưng đơn xin đất bị nhà cầm quyền bác bỏ .

TLVĐ có quan điểm, tư tưởng tiên bộ trong văn chương, thể hiện trong 10 điều tôn chỉ khi thành lập: trẻ trung, yêu đời, tin ở sự tiên bộ. Họ dùng các loại hình nghệ thuật như văn, thơ, hí họa, ảnh thời sự, truyện cười... để đả phá tàn dư lạc hậu trong xã hội, thúc đẩy xây dựng đời sống mới. Họ luôn luôn tìm tòi sáng tạo nhiều nghệ thuật làm báo để hấp dẫn bạn đọc. Trên báo Ngày Nay, các chuyên mục đã thực sự gây chú ý

của bạn đọc: Vấn đề thuộc địa, mỗi số đi vào một khía cạnh có ý nghĩa chính trị diễn ra trên đất nước. Mỗi tuần lễ một, thì ghi lại những thông tin mọi mặt đời sống. Mục Người và việc nêu ra các vụ việc xảy ra với những lời bình luận sâu sắc. Đặc biệt mục Trông và tìm đã lay động nhiều suy nghĩ của người quan tâm tới vận mệnh của đất nước. Ngoài ra còn các tiểu mục như Xã giao, Phụ nữ, Trào phúng cười nửa miệng và Lượm lặt. Lại còn cả Điểm sách, Điểm thơ, Tin thơ. Dí dỏm nhất là mục Tập tranh vân đầu. Dưới bút danh Tứ Ly, các bài viết ngắn, sắc lạnh mà hóm hỉnh, sâu cay đã kích các nhân vật trong xã hội thượng lưu bấy giờ, như nghị viên Ngô Trọng Trí, Phạm Kim Bảng, Bùi Trọng Ngà, Nguyễn Đình Cung, Tô Văn Lượm, cho đến ông phủ Hàm, dân biểu Phạm Huy Lục đến các ký giả Bùi Xuân Học, Phạm Bá Khánh...

Họ vừa quan liêu, hợm hĩnh, ba hoa, nịnh hót bề trên và thiếu nhân cách lại lên mặt dạy đời. Mục Hạt sạn được chăm chút thường xuyên có ý nghĩa văn hoá, nó giống như mục dọn vườn bấy giờ, hài hước những câu văn sai, hỏng, hoặc cách dùng từ sai ngữ pháp, cốt làm cho trong sáng của tiếng Việt. Phần còn lại là giới thiệu tác phẩm văn học, tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự điều tra, dịch thơ Đường, giới thiệu tinh hoa văn học nước ngoài qua một số truyện dịch tiêu biểu...

Họ tổ chức các cuộc thi tìm hiểu văn chương, thi ô chữ như các trò chơi thời bấy giờ. Một lần Thạch Lam, Thế Lữ, Khải Hưng, Hoàng Đạo viết chung một truyện ngắn. Ban đầu tổ chức bốc thăm xem ai được viết đoạn truyện đầu tiên. Người ấy có quyền chọn đề tài và viết phần một. Căn cứ vào cốt truyện ấy mà người viết tiếp đoạn sau phải ăn nhập với đoạn trên của người khác, thành tác phẩm mạch lạc. Họ đăng lên bốn kỳ báo và ra cuộc thi nếu ai chỉ ra số báo nào, là của nhà văn nào viết. Nói đúng sẽ có giải. Giải thưởng tuy giản dị mà có ý nghĩa. Giải nhất được tặng một năm báo và bốn cuốn sách của nhà xuất bản. Giải nhì tặng một năm báo và giải ba được tặng nửa năm báo. Kết quả cuộc thi có 632 người dự. Giải nhất trao cho ông Đỗ H, giải nhì ông Đình Hữu Định, giáo học ở Ninh Giang, giải ba là cô Lê Thị Xuyên ở địa chỉ 19 rue Hl. Pétain. Khi xảy ra cuộc bút chiến giữa hai tờ báo Ngày Nay và Tân Việt Nam, thì họ lại nghĩ ra cách thành lập Ban thẩm phán danh dự để họp và phân xử có lý có tình rồi tường trình trên mặt báo. Chính việc này coi như một cú hích làm cho báo bán rất chạy thời bấy giờ.

TLVĐ đã thổi luồng gió mới mẽ vào bầu trời văn học nước ta. Phong trào thơ mới có mảnh đất màu mỡ phát triển ngày càng rực rỡ. Nghệ thuật dựng truyện, diễn biến tâm lý các tuyến nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết đã tinh tế điêu luyện. Lĩnh vực hội hoạ, ảnh mỹ thuật có bước nhảy dài, nâng cao so với trước. Câu văn trong sáng, giản dị mới mẽ, hình ảnh chân thực không sáo rỗng, không lệ thuộc vào lối văn biền ngẫu, cổ lỗ lôn nhôn những chữ nho, hoặc lòng thông lối văn Tây dịch.

Từ cách đây hơn bảy chục năm, các nhà văn TLVĐ đã quan tâm tới đời sống cơ sở, cụ thể là đời sống làng quê. Báo chí của họ có những chuyên đề sát sao gần gũi với con người. Từ chuyện gà nuôi bị toi, bị đi tuốt, dịch tả đến chuyện ruộng đất chật hẹp, người nông dân phải dời làng di dân, cho đến chuyện nước lụt và thủy triều, đê điều, đều được đưa vào các chuyên đề có phân tích, diễn giải. Chúng ta có thể hiểu vì sao TLVĐ đã chiếm được cảm tình của bạn đọc nhiều nhất.

Chúng tôi rất tán thành ý kiến của Lê Thị Đức Hạnh khi đánh giá về thái độ chính trị của TLVĐ do Nhất Linh cầm đầu (Tạp chí văn học, số 3-1991). Nhất Linh không hề theo giặc, thực chất là ông nhất quán chủ trương chống Pháp theo tư tưởng của mình. Bằng cứ là trên tờ Phong Hoá, Ngày Nay, cơ quan ngôn luận của TLVĐ đã đăng nhiều bài đả kích bọn quan lại ô m chân Pháp, những chân dung ông nghị gật với đủ cả hình dạng và phẩm chất, đức độ rất đáng nực cười. Các câu chuyện châm biếm Pháp tạo dựng cho Bảo Đại hồi loan, và đả kích bóng gió giặc Pháp thông qua hàng loạt bài của Hoàng Đạo, hàng loạt biếm hoạ của Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, hoặc tiêu phẩm cười cợt, thơ trào phúng của Tú Mỡ đã làm hả hê bạn đọc lúc bấy giờ....

Xin nhắc lại một vài chi tiết để bạn đọc nhớ lại. Một lần báo Ngày Nay ra số đặc biệt. Hoạ sĩ Gia Trí vẽ bìa cảnh một cái lều tranh xơ xác ngoài có người đàn bà lam lũ và mấy đứa trẻ bụng ỏng dít vòn trông thật thảm thương. Bên dưới có dòng phụ đề: “Bố cu mẹ đi rúc vào năm”. Nhà chức trách cho là có ý nói xấu chế độ ra lệnh đình bản ba tháng, còn định đưa chủ báo Nhất Linh ra toà, sau lại thôi, nhưng cảnh cáo nặng. Một lần khác có bức hí hoạ, vẽ Lý Toét ôm con gà mái từ nhà quê ra Hà Nội biểu ông Thống sứ. Nhà cầm quyền suy diễn rằng con gà mái dịch ra tiếng Việt nghĩa bóng là “kỹ nữ” có ý châm chọc Thống sứ có máu háo sắc. Họ làm ầm lên. Phong Hoá đầu năm 1936 bị đóng cửa. Trong khi các báo khác như: Nam Phong nhận trợ cấp của Pháp mỗi tháng 600 đồng, báo Trung Bắc Tân Văn mỗi tháng được trợ cấp 500 đồng (mỗi lạng vàng khi đó là 30 đồng) thì TLVĐ hoàn toàn tự lực. Đến khi làm đơn xin chính phủ cấp đất cho toà báo, bị Pháp gạt toẹt không cho. Thế nhưng Ngô Văn Phú, chủ báo Đông Pháp được quan thầy cấp cho mấy trăm mẫu ruộng bãi bồi ở Thái Bình. Sau này vào Sài Gòn, Nhất Linh cũng không chấp nhận chính quyền Ngô Đình Diệm, ông chống đối quyết liệt, đã lấy cái chết để cảnh cáo chế độ chà đạp tự do của con người..

Chỉ hoạt động chưa đến 10 năm, TLVĐ đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ và toàn diện trong đời sống văn học thời bấy giờ. Nó không chỉ đáp ứng nhu cầu thưởng thức thông tin, văn nghệ của quần chúng, mà còn thu hút các văn nghệ sĩ tài năng nhiều ngành: văn, thơ, nhạc hoạ, kiến trúc... tham gia sáng tác. Chỉ riêng về lĩnh vực văn hoá tư tưởng thời bấy giờ, TLVĐ có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống xã hội.

Nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà phê bình cả hai miền Nam Bắc đã bỏ công sức tìm hiểu, đánh giá về phong trào văn học này với nhiều khía cạnh khác nhau. Theo

chỗ chúng tôi biết, chỉ nói tới vấn đề khái quát “ Dấu ấn của một văn đoàn” có sáu chuyên luận (Phạm Thế Ngũ, Trương Chính, Phan Cự Đệ, Lê Thị Đức Hạnh, Trịnh Hồ Khoa, Tú Mỡ). Chỉ một chân dung của Nhất Linh có tới 10 tác giả khảo luận, như Vũ Ngọc Phan, Bùi Xuân Bài, Bạch Năng Thi, Thế Phong, Thế Uyên, Vũ Hạnh, Tường Hùng, Nguyễn Mạnh Côn...

Chỉ một con người Khái Hưng trong cuốn sách “Khái Hưng nhà tiểu thuyết xuất sắc” có tới ba chục bài của gần ba chục tác giả: Vũ Ngọc Phan, Trần Khánh Triệu, Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Vu Gia, Nguyễn Vỹ, vân vân.

Chỉ một Thạch Lam, mà 13 tác giả để tâm nghiên cứu viết bài, như: Nguyễn Tuân, Phạm văn Phúc, Phong Lê, Hà Văn Đức, Hồ Dzếnh, Thế Lữ, Đỗ Đức Thu, Đinh Hùng v.v. (Con số này chắc chắn chưa thể nào đầy đủ). Các nhà nghiên cứu mỗi người một vẻ, với đủ các góc nhìn khác nhau: có khi thì đi sâu vào cách tân trong văn xuôi TLVĐ, có khi đi sâu vào khuynh hướng lãng mạn phản kháng trong Nhất Linh, lại có bài Nghĩ về lá rụng trong văn Khái Hưng....

Trương Chính trong bài Dưới mắt tôi, ca ngợi Khái Hưng có lối văn giản dị thanh tao, bóng bẩy nhưng trong sáng, nhịp nhàng nhưng không mất vẻ tự nhiên. Nhiều câu văn phẳng phát âm điệu thom tho, thấm vào hồn ta như mùi hương đượm, (Tổng tập Văn học Việt Nam tập 24B- NXB KHXH- 1997)

Hoàng Xuân Hãn , từng là Chủ tịch tiểu ban chính trị trong Phái đoàn Việt Nam ở hội nghị Đà Lạt năm 1946 (do Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng ngoại giao là Trưởng đoàn) trên Tạp chí Sông Hương số 37- tháng 4/1989 phát biểu:" Tôi nghĩ rằng những nhà văn học, sử gia sẽ phải thừa nhận giá trị của thành viên trong nhóm TLVĐ và phải bắt đầu lại việc xem xét nghiên cứu các tác phẩm của họ... TLVĐ là nhóm cải cách đầu tiên của nền văn học hiện đại."

Phan Cự Đệ trong cuốn " TLVĐ con người và văn chương – NXB Văn Học-1990" nhận xét: Thành công của TLVĐ trong xây dựng nội tâm nhân vật tinh tế hơn so với nhiều tiểu thuyết trước đó, kết cấu hiện đại hơn theo quy luật tâm lý, không theo chương hồi. Ngôn ngữ giản dị, trong sáng giàu khả năng diễn đạt, gần gũi tâm hồn dân tộc.

Các nhà nghiên cứu dễ nhất trí khi nói về tiểu thuyết TLVĐ, rằng họ có công lớn trong việc đổi mới nền văn học vào những năm ba mươi của thế kỷ trước, đổi mới tư quan niệm xã hội cho đến việc đẩy nhanh các thể loại văn học trên con đường hiện đại hoá làm cho ngôn ngữ trở nên trong sáng và giàu có hơn.

“ Các tác phẩm của TLVĐ thấm đượm tinh thần nhân văn, tinh thần chống lễ giáo phong kiến, chống các hủ tục. Cùng với ý thức đả kích những kẻ xu phụ thực dân, châm biếm thói hư tật xấu trong xã hội là tinh thần cảm thông với những nỗi khổ cực,

sự lam lũ bần cùng của người lao động; tinh thần đề cao tự do cá nhân, giải phóng phụ nữ, hướng theo những tư tưởng nhân đạo, bình đẳng bác ái, của thời kỳ Mặt trận Dân chủ” (Viện văn học- Văn chương TLVĐ- tập 1, NXB GD, 1999).

Nhà thơ Huy Cận từng là cộng tác viên của TLVĐ, trong Hội thảo về văn chương TLVĐ do trường Đại học Tổng hợp và nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp tổ chức tháng 5 năm 1989, đánh giá: " TLVĐ đã đóng góp lớn vào văn học sử Việt Nam... Đã góp phần lớn vào nghệ thuật tiểu thuyết, vào tính hiện đại của tiểu thuyết, đóng góp vào tiếng nói và câu văn của dân tộc."

Với Nhất Linh, ông đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển tiếng nói, câu văn dân tộc làm cho nó ngày càng trong sáng hơn, giàu đẹp hơn, đã đưa tên tuổi ông vào lịch sử văn học dân tộc: Đoạn Tuyệt là một kiệt tác trong văn học Việt Nam hiện đại(Trương Chính). Với Hoàng Đạo đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại.

Với Khái Hưng, đó là một nhà tiểu thuyết có biệt tài, và người ta có thể gọi ông là nhà văn của thanh niên. Ông rất am hiểu tính tình tuổi trẻ. Phần đông thanh niên trí thức Việt Nam là những độc giả trung thành của ông và phụ nữ chiếm số đông nhất.(Nhà văn hiện đại, tập 2- NXB KHXH, 1989) .

Văn chương Thạch Lam,

Lòng nhân hậu, niềm thương xót đồng bào .

Trong nhóm TLVĐ, Hoàng Đạo là người lý thuyết, Nhất Linh là người thực hành, Khái Hưng đả phá vào nếp sống cũ để tiến tới một đời sống mới... còn Thạch Lam một người yêu thương đồng bào, xót xa từ tâm can tỳ phế.

Nhiều bạn bè, kể cả người trong gia đình đều nói sách Thạch Lam bán ế nhất, nhưng văn của ông viết hay nhất trong TLVĐ.

Thạch Lam được thừa hưởng đức hiếu thuận của mẹ, về lịch lãm, từng trải của cha, đã hình thành một phong cách sống khác với các anh chị em trong nhà.

Nhà văn Vũ Bằng kể lại :

Thạch Lam yêu sự sống hơn bất cứ ai. Anh quý từ cốc nước chè tươi nóng., trang trọng đưa lên miệng uống một cách gần như thành kính, tiếc từ một cái kẹo vừng rơi xuống đất, nhặt lên phỉ bụi rồi ăn ngay một cách chậm rãi như thể vừa ăn vừa ngẫm nghĩ cảm ơn trời đất đã cho mình sống để thưởng thức ngon lành như vậy, anh cẩn thận từng câu nói với cô bán hàng vì sợ lỡ lời có câu nào không chu đáo khiến cho người ta tủi thân mà buồn.

Thạch Lam đi đứng nhẹ nhàng, dường như nếu bước mạnh thì đất nó đau. Anh lặng lẽ vì anh khiêm nhường, lúc nào cũng coi mình bé nhỏ. Thạch Lam là một người độc đáo có tài lại khiêm nhường, người nhỏ mà nhân cách lớn.

Một người như thế không thể là người lý thuyết, chỉ là nhà tư tưởng, như con chim kia, lầy mỏ rút ruột mình để nuôi một đàn con.

Vũ Đức Phúc trong cuốn "Bàn về những cuộc đấu tranh tư tưởng trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại 1930-1954", Nhà xuất bản Khoa học xã hội -1971, đó có góc nhìn công bằng lịch sử khi nói về Thạch Lam:

Thạch Lam rõ rệt là người ít nhiều có khuynh hướng Nghệ thuật vị nhân sinh: “Đối với tôi, văn chương không phải là một cách đem đến cho người đó sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có để vừa tố cáo và đối mới cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn”(Lời nói đầu tập Gió đầu mùa, 1937). Quan điểm đó hoàn toàn trái với quan điểm của Thiều Sơn, Hoài Thanh và Lê Tràng Kiêu. Rõ ràng là Thạch Lam đã chú ý chống lại hai luận điểm chính của Thiều Sơn về chức năng của văn nghệ: quên cuộc đời, thoát ly vào cõi mộng... Nhất Linh, Hoàng Đạo không thuộc phái nghệ thuật vị nghệ thuật, như họ “vị nhân sinh” theo một kiểu riêng. Tiểu thuyết của hai người là "tiểu thuyết có luận đề". (trang 112 sách đã dẫn)

Quả như- Vũ Đức Phúc nhận xét, tư tưởng nghệ thuật vị nhân sinh đã được thể hiện rõ trong tiểu thuyết “Hai vẻ đẹp”(1936) của Nhất Linh. Nhân vật chính trong truyện là Doãn - một họa sĩ. Lúc đầu chàng nghĩ rằng mục đích nghệ thuật chỉ là vẻ đẹp, làm cho cuộc đời thơ mộng. Sau đó về một thôn quê, gần với cuộc đời lao động cày cuốc nắng mưa, chàng đã phát hiện ra một điều "Chính những cái khổ của người chung quanh sẽ đem lại cho chàng cái nhẽ để mà sống.”

Phong Lê, trong Tuyển tập truyện ngắn Thạch Lam - NXB Văn học- 2004 cũng nhận định:

“Nửa thế kỷ đã qua, mà đọc truyện Thạch Lam, cảm về câu văn Thạch Lam, tôi thấy cứ như là câu văn hôm nay; và tôi còn dám chắc chưa hẳn đã có nhiều người viết hiện nay, với số trang ít ỏi, lại nêu được ngần ấy vẻ đẹp chứa trong cốt truyện, tình cảm, tâm hồn, câu văn ấy của những Nhà mẹ Lê, Cô hàng xóm, Tối ba mươi, Hai chị em, Hai lần chết... tôi cho đó là những trang hay trong văn học 1930-1945, nó không kém chút nào những trang hay của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Tô Hoài.

Với tiêu đề Thạch Lam, trong Tuyển tập truyện ngắn Thạch Lam- viết tháng 10 năm 1957, nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét:

Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tìm tòi, có một cách điệu thanh thản, bình dị và sâu sắc... Thạch Lam có đem sinh sắc vào tiếng ta... Thạch Lam là một nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trư-ớc cuộc sống. Ngày nay đọc Thạch Lam, vẫn thấy đầy đủ cái dư vị và cái nhã thú của những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học...

Phần 5. Hội Ánh sáng - một hình thức nhân đạo, xã hội chủ nghĩa.

Tự lực văn đoàn có một ý tưởng tốt, mang tính nhân đạo. Đó là chủ trương xoá bỏ nhà ổ chuột, mang đến cho con người những ánh sáng văn minh

Sống trong một xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến, cuộc sống người dân quê tối tăm giữa bùn lầy, nước đọng cam chịu, còn một lý do nữa là do thất học và nghèo đói.

Cùng với việc châm biếm đả kích thói hư tật xấu, những cảnh bóc lột hà hiếp dân lành của bọn phong kiến thực dân, TLVD đã có phát kiến là thành lập Hội Ánh sáng. Đây không chỉ là lý thuyết mà là việc làm thực tế.

Trên số 38 ra ngày chủ nhật, 13 tháng 12 năm 1936 cách đây trên 70 năm, báo Ngày Nay đã tấu lên khúc nhạc dạo đầu về sự kiện này bằng bài khá dài choán từ trang một đến trang ba, với hàng tít khá ấn tượng như là một khẩu hiệu hành động : Để đi tới việc thành lập HỘI BÀI TRỪ NHỮNG HÀNG TỐI, tạm gọi là HỘI ÁNH SÁNG đem đến cho dân nghèo khắp nơi những căn nhà sáng sủa, sạch sẽ, đẹp đẽ thay vào những nhà hang chuột, tối tăm, bẩn thỉu không đáng để người ở.

Bài viết ký tên Tự Lực, có đoạn: "Câu chuyện nhà cửa ở nước ta, thật là câu chuyện buồn nếu không phải là câu chuyện... buồn. Ở các nước thái tây, câu chuyện nhà cửa là câu chuyện những phòng sáng sủa, cao ráo, câu chuyện của cái lò sưởi, những đêm đông lạnh lẽo, lách tách ngọn lửa hồng ấm áp reo. Còn ở bên ta, thì trời ơi, câu chuyện là câu chuyện tối tăm ảm thấp, lụp sụp lè tè. Cái nhà của dân ta là cái gì, nếu không phải là đồng bùn đem trộn với rơm rác... ai đi qua cũng phải ghê sợ, vì những bản thỉu rơ ráy bọ lấy căn nhà.

Cái thảm trạng đó có thể kéo dài mãi nếu ta không tìm cách trừ diệt đi... Dân đã nghèo, lại có cái quan niệm sai lầm về sự sống... Họ nghèo, ta phải giúp họ, họ không biết, ta phải soi sáng họ, phải thực hành và đem những cảnh đời mới đến đổi khác cái đời tối tăm, thảm hại của họ đi".

Từ đó trở đi, mỗi số báo Ngày Nay đều để riêng một trang đăng tải ý kiến của những ai có hăng tâm, bàn về vấn đề nhà ở, về lập Hội bài trừ những nhà hang tối, tạm gọi là Hội Ánh Sáng. Châm ngôn của hội là XÃ HỘI - NHÂN ĐẠO - CẢI CÁCH.

Tiếp theo số 39 có bài “Nhà rẻ tiền để dân nghèo và thợ thuyền ở”, ký tên Hội bài trừ những nhà hang tối với một vi nhét hình tròn mô tả một nắm đấm đè bẹp mái nhà tranh tre, dột nát, như thể xoá bỏ, tiêu diệt nó đi. Nửa trên của vòng tròn là một ngôi nhà cao ráo vững chắc trong ánh sáng bình minh...

Tờ báo còn cho in một số mô hình nhà ánh sáng được triển lãm và kêu gọi mọi người gửi những ảnh mẫu nhà hang tối, hoặc căn nhà đẹp, có nhiều cái lạ cái hay về kiến trúc tới toà soạn làm tài liệu đăng báo.

Hương ứng khúc dạo đầu, trên báo Ngày Nay từ số 40 trở đi liên tiếp đăng hàng loạt ý kiến của bạn đọc trong cả nước. Mở đầu là ông nghị Phạm Tá, nức nở khen là chủ trương của TLVĐ giải đúng chỗ ngứa, hả hê. Ông xin các nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ hãy về tận làng quê mà biểu diễn, thu tiền hoặc tặng sách cho dân làm quỹ. Ông Phạm Tá còn hăng hái yêu cầu làm nhà mẫu để ở công khai, để giá từng loại nhà để cho dân chúng biết.

Sau Phạm Tá, Nguyễn Hữu Thăng, Dân Thợ... là tác giả Thanh Thủy ở Cần Thơ, Hữu Phước (Thái Nguyên) góp ý rất nhiệt tình. Số báo 42 có đăng lời phát biểu của Đỗ Quyên (Hải Phòng). Ông Quyên đề nghị làm ngay mỗi phủ một làng theo kiến trúc mới, rồi tổ chức tham quan, tuyên truyền cho các nơi. Ai có công quyên được nhiều tiền thì khi chết được lập đài kỉ niệm, khắc tên vân vân. Rồi một lần sóng góp ý trên báo Ngày Nay mà các tác giả phân đông ở Hà Nội, với muôn hình muôn vẻ. Lại thấy những địa chỉ khác như: Vũ Văn Điềm (Phố Bình Gia), Nguyễn Ngọc Chung (Quy Nhơn), Hồ Văn Khuê (Huế), Hồ Mẫu Đơn ở Khánh Hoà, Nguyễn Hữu Liên (Nam Định), và bạn đọc ở Vĩnh Yên, Phúc Yên,... liên tiếp phát biểu tham gia ý kiến. Những ý kiến vô cùng phong phú, nhiều khía cạnh góc nhìn, khi thì góp ý về tổ chức, khi thì nói về công tác quản lý điều hành, cũng có khi là một sự chia sẻ, biểu dương người nêu ra ý tưởng. Các kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện, nói về ý tưởng và giá trị nghệ thuật kiến trúc thực hành. Hoàng Như Tiếp có bài Kiến trúc ánh sáng, ông nói rằng Hội ánh sáng đối với ta là một sự mới mẻ. Nhưng con đường mà chúng ta mới bắt đầu, còn nước ngoài đã đi xa. Đặc biệt Vũ Trọng Can trên số báo 49 thì nêu ra ý kiến ban trị sự Ánh sáng cần 12 người, có cả chức sắc địa phương chánh phó hội, kế toán, thủ quỹ, kiểm soát được ăn lương tháng quỹ hội mà chuyên tâm làm việc cho hội. Những ý kiến sâu sắc của hàng trăm bạn đọc viết trong cả nước, được đăng tải kéo dài đến tận số báo 70, giống như một bản giao hưởng có đủ tiết tấu, giai điệu... làm cho không khí hừng hực sức sống trong thời bấy giờ.

Đến số 71 báo đăng ý kiến hưởng ứng và ủng hộ Ánh Sáng của anh em thợ thuyền ở Vinh làm cho phong trào có thêm sức nặng. Ông AiLen, chủ hãng G.M.R cho đăng báo xin nhận anh em lao động trong xóm thợ thuyền vào làm việc của hãng ông. Ông

còn tổ chức bán hàng từ thiện một ngày, trích ra 10% số tiền thu được giúp dân bị lũ lụt tỉnh Bắc Ninh. Đoàn ca vũ May- Blossom cũng biểu diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội lấy tiền giúp Hội ánh sáng

TLVĐ có nhiều hoạt động để gây quỹ vì người nghèo, lôi cuốn người Việt ở nước ngoài như Công Pông Thom (Cao Miên) gửi tiền về cứu tế. TLVĐ quảng cáo, võ vũ người đi xem bóng đá thực đông, đi xem đấu võ kịch liệt tại Nhà hát lớn để lấy tiền giúp dân bị lụt và Hội ánh sáng.

Ví dụ cuộc đấu bóng đá ở Stade Mangin, thu được 208 đồng, chi các khoản 74 đồng còn lại 134 đồng . Thống sứ Yves Châtel quyên 5 đồng cũng được đưa lên báo. Rồi những bài ca về Hội ánh sáng ra đời, nhằm cổ súy, khích lệ. Trần Duy Hưng và Thế Lữ soạn lời ca bài hát được quần chúng hát vang thời bấy giờ.

Trích đoạn một bài hát theo điệu La Badge:

Nào! Đem ánh sáng soi tới

Vùng tối tăm cho người cùng loài

Nào! Đem Ánh Sáng soi tới

Đời tối tăm bao người

Anh em! thấy chằng trong đời

Còn bao nhiêu nỗi đớn đau

Dân ta biết bao nhiêu người

Làm than nheo nhóc bấy lâu

Trong xó vách nát lều tranh

Chen chúc sống dưới trời xanh....

Điệp khúc.

Đây là lời bài hát theo điệu “Ngũ điểm mai” do Thế Lữ soạn:

Bước vào mấy lớp nhà tranh

Thấy cao rộng thênh thênh lạ thường

Vì chung " ánh sáng " xuyên ngang

Gió đưa lại ánh dương nhẹ nhàng.

Hết thời chui rúc lấm than

Thấy chãng vẻ phong quang hiện về

Bài ca " ánh sáng " lan đi

Sáng soi cả thôn quê thị thành....

Phong trào Hội ánh sáng phát triển rất mạnh. Thu hút được giới thanh niên, phụ nữ tham gia, đặc biệt cuốn hút anh em hướng đạo - một lực lượng vừa đông đảo vừa nhiệt huyết tham gia, tạo thêm sức cuốn hút.

Cho đến số báo 75 ra ngày 5 tháng 9 năm 1937 ông Phạm Văn Bính, thư ký uỷ ban tạm thời Hội ánh sáng, cho đăng bài diễn văn tại buổi họp đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà Nội. Đây chính là mục đích và chương trình hội ánh sáng được công khai chính thức, với bốn việc sau:

1- Bài trừ những nhà tối tăm, có hại cho vệ sinh con người

2- Khuyến khích làm ngôi nhà đẹp sạch sẽ, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau. Bảo cách cho dân quê đắp đường đi, đào giếng nước, xẻ thùng rãnh hôi hám có lối thoát

3- Cổ động, truyền bá cho mọi người, nhất là đàn bà trông nom việc gia đình, cho các chủ nhà ăn ở ngăn nắp sạch sẽ, vệ sinh

4- Bằng nhiều cách để giúp đỡ các gia đình nghèo có nhà sáng sủa...

Ảnh hưởng ban đầu của Hội ánh sáng là đã điều đình với công sứ Haelwyn tỉnh Bắc Ninh vào chủ nhật ngày 3 tháng 10 mang hơn ba tấn gạo đến huyện Lang Tài giúp dân. Văn Bính đã có bài tường thuật cuộc phát chẩn ấy như sau: "Trong hai giờ đồng hồ, đoàn viên Ánh sáng chia làm bốn bọn, phát cho bốn làng. Cả thấy 2450 nạn dân, mỗi người được 1kg gạo. Khải Hưng giữ việc chụp ảnh. Mới 9 giờ rưỡi công việc đã xong xuôi. Công sứ Haelewyn, tổng đốc Nguyễn Bá Tiệp, tri huyện Nghiêm Xuân Khải thay mặt nạn dân cảm ơn Đoàn ánh sáng đã có công khó nhọc về tận nơi phát chẩn".

Bằng nhiều việc làm như trên, đến ngày 14 tháng 10 năm 1937 tại Nghị Định số 4851-A, Hội ánh sáng mới được Thống sứ Yves Châtel cho phép thành lập, đăng trên báo Ngày Nay số 82.

Bắt đầu từ đó, Đoàn ánh sáng thu tiền của hội viên.

Báo Ngày Nay, số 83 nói kỹ về việc này:

Mấy nghìn hội viên đã ký giấy vào đoàn xin đóng tiền ngay cho. Các bạn ở tỉnh xa mua mandat đề cho Đoàn ánh sáng, HaNoi. Bằng số tiền của mấy ngàn hội viên ấy, đoàn có tiền ngay để dựng một thôn ánh sáng. Thôn ánh sáng đầu tiên sẽ dựng lên toàn bằng tiền của Hội viên đầu tiên. Tiền của các bạn sẽ biến ngay thành nhà cửa ánh sáng... Sức mạnh của của đoàn ánh sáng là số đông. Các bạn vào thật đông. Mỗi người chỉ đóng có 1\$, 0\$20 một năm, không là bao. Nhưng nhiều người thì số tiền sẽ rất lớn, thôn ánh sáng sẽ rất nhiều. Hiện giờ biên tên tại số 55 Háng Bún, sau sẽ đặt nhiều nơi trong thành phố.

Điều lệ vào hội:

Tán trợ hội viên: Biểu đoàn một số tiền, ít nhất 100\$.

Tặng hảo hội viên: biểu đoàn một số tiền, ít nhất là 50\$.

Chủ trì hội viên: đóng mỗi năm 1\$, và ít nhất phải 21 tuổi.

Khuyến khích hội viên: đóng mỗi năm 0\$20(dành cho thợ thuyền, học sinh và dân quê)

Chủ trì hội viên và Khuyến khích hội viên, khi đã đóng cho đoàn 15 năm liên tiếp hay là đóng luôn một lúc 10 năm, sẽ được miễn lệ đóng tiền và được gọi là “vĩnh viễn hội viên”.

Phong trào ánh sáng đã đi xa hơn, Hoàng Đạo viết bài kêu gọi giới thợ thuyền để dành riêng một ngày chủ nhật đi làm lấy tiền giúp nạn dân. Và đó là ngày chủ nhật của nạn dân. Phong trào được giới thợ thuyền hưởng ứng. Khắp nơi gửi tiền quyên góp về địa chỉ của hội. Trên báo Ngày Nay thường xuyên in bài đưa tin: Ánh sáng sẽ tổ chức những tuần lễ liên tiếp Ánh sáng vĩ đại chưa từng thấy trong nước Nam những cuộc lớn vào những tối thứ bảy và suốt ngày đêm chủ nhật, những cảnh khác nhau: rừng núi, bể, đồng bằng, và bồng lai ở những nơi khác (dấu kín chưa thể nói ra được) để lấy tiền dựng một làng ánh sáng ở vùng bị lụt, một thôn ánh sáng gần Hà Nội.

Nhà cầm quyền cũng đã cho phép tổ chức Ngày ánh sáng vào ngày 12 tháng 12 năm 1937 ở Hà Nội. Toàn quyền Jules Brévié nhận lời làm danh dự hội trưởng và đỡ đầu Đoàn ánh sáng với bức thư có nội dung:

Hanoi le 14 Décembre 1937.

Cùng ông Hội trưởng Đoàn ánh sáng Hanoi

Ông đội trưởng.

Tôi lấy làm hân hạnh báo tin ông biết tôi rất vui lòng nhận chức đó. Tôi chúc đoàn Ánh Sáng chóng đạt được mục đích nhân đạo, xã hội của đoàn và ngày càng bành trướng thêm ra...

Kính chúc...

Jules Brévié

Thế là một số uỷ ban hành động Ánh Sáng được thành lập, ban đầu có ba ban :

Ban tổ chức, khánh tiết:

Trưởng ban: Bà Trịnh Thị Thục Oanh, đốc học các trường học nữ Hà Nội.

Thư ký: các ông Nguyễn Trọng Thạc, Hoàng Nhật Tiên.

Ủy viên: các bà : Trần Khánh Giu, Hoàng Cơ Thụy, Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Tiết, Tôn Thất Bình, Vũ Đình Đa, Phạm Hoàng Tín, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, và Hà Sĩ Cát.

Ban chuyên môn

Trưởng ban: Ông Bùi Tường Chiêu.

Thư ký: Ông Võ Đức Diên, Nguyễn Gia Trí.

Ủy viên: Các ông Nguyễn Xuân Tùng, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Đỗ Cung, Hoàng Như Tiếp, Lưu Văn Sin, Nguyễn Cát Tường, Võ An Ninh, Thẩm Hoàng Tín, Nguyễn Gia Đức, Lương Xuân Nhị , bà Cát Tường.

Ban tuyên truyền:

Trưởng ban: Ông Đoàn Phú Tứ.

Thư ký : Ông Hà Sĩ Cát, Vũ Đình Hoè.

Ủy viên : Các bà Trịnh Thục Oanh, Nguyễn Cát Tường. Các ông Vũ Nam, Vũ Đình Huỳnh, Vũ Đình Liên, Dương Minh Châu, Trần Hữu Phụng. Ngoài ra còn các cô Lê Thị Lý, Nguyễn Thị Hảo v.v..

Cùng danh sách trên, còn nhiều người giúp việc. Đoàn viết thư gửi tới hiệu trưởng các trường công, tư ở Hà Nội cho phép các nữ sinh giúp Ngày ánh sáng.

Có thể nói, họ đã chuẩn bị chu đáo cho buổi tổ chức Ngày ánh sáng tung bừng như ngày hội. Các thành viên của Đoàn chia nhau thành từng tốp đi đến các cửa hàng, các tổ chức vận động người dân tham gia vào Đoàn nhưng không phải đến đâu cũng thông đồng bèn giọt. Nhiều khi nghe giải thích, người dân đồng tình ngay, nhưng lại không có tiền nộp, có khi một bà mẹ quan huyện tiếp đoàn rất vui vẻ, nhưng thu tiền thì bà ta lại bảo về hỏi con trai. Có khi đến cửa hàng xin gặp chủ, nhưng họ không tiếp, chỉ cho người ở, hoặc người bán hàng ra chối khéo là chủ hàng đi vắng. Nhưng phần đông người Hà Nội tham gia hào hứng. Có nhiều người ghi tên, đóng tiền ngay cả năm... Một ngày Ánh sáng ở Hà Nội đã có thêm 2352 người, với tiền thu được 1221\$.

Anh em thợ thuyền ở khu hàng Đông Dương tại đấu xảo quốc tế Paris do bà Đào Văn Minh chuyển tới quỹ hội 812 frs. Một người ẩn danh đã nhờ sư cụ chùa Quán Sứ gửi 25\$ cho quỹ Ánh sáng. Số tiền này đáng lẽ làm chay cho cha mẹ, nhưng nay được giác ngộ, đã chuyển làm từ thiện cho quỹ người nghèo. Nhiều tổ chức cá nhân đã gửi tiền nhờ Đoàn Ánh sáng đong gạo phát cho nạn dân bị thiên tai lũ lụt. Lúc ấy có cả thư của nạn dân các làng Lương Xá, Bình Địa, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mong Đoàn mang gạo về giúp dân.

Là chủ sự của văn phái, trước phong trào rầm rộ, Nhất Linh đã cuộn vào ngọn gió cải cách. Ông không chỉ là người khởi xướng, cổ súy, mà còn hăng hái tham gia trực tiếp. Ngày 13 tháng giêng năm 1938 ông đã đọc diễn văn tại Nhà hát lớn Hải Phòng, với lòng nhiệt huyết. Sau khi nói ý nghĩa, mục tiêu và hành động của Đoàn Ánh Sáng, kết thúc ông nhấn mạnh: Ta không nên nói việc sắp làm là một việc thi ân cho các bạn nghèo. Chúng ta phải tự cho rằng hững hờ với họ là một sự không công bằng, là một tội lỗi nữa. Và ngay từ bây giờ đây, ta phải cố sức để chuộc cái lỗi đó với các bạn nghèo kém trong xã hội (đăng trên số 94- báo Ngày Nay năm 1938.)

Phong trào Ánh sáng đã có tác dụng thiết thực trong đời sống dân quê. Hoàng Đạo có bài ghi chép chân thực về một cuộc đi thăm Trại ánh sáng, đăng trên báo Ngày Nay số 49, năm 1937:

“Tôi cùng vài người bạn đến thăm Trại ánh sáng ở ngoại ô Hà Nội... Vui vẻ chúng tôi lần theo giậu gang thấp và xén đều đến một cái cổng lớn, kiểu giản dị, trên đề mấy chữ: TRẠI ÁNH SÁNG. Một lũ trẻ đương nô đùa thấy chúng tôi bỗng dừng lại và

ngạc nhiên nhìn. Mặt mũi sáng sủa, chúng ăn bận lại sạch sẽ tinh tươm, nên trông dễ yêu lắm. Đứa nào cũng hồng hào khỏe mạnh, lộ ra vẻ vui tươi, sung sướng.

Một bà cụ ôm đứa trẻ vào lòng nói với tôi: “Mời các ông vào chơi. Kia cháu cống hi các ông đi!” Chúng tôi nhìn dãy nhà lá sáng sủa của trại, thán khen vẻ đẹp đơn giản của những mái rạ phẳng phiu, của những bức tường không cao, của những mái hiên rộng... Bà cụ nói: Đòi tôi bây giờ đơn giản lắm. Thầy cháu và u cháu đi làm còn tôi ở nhà trông nom các cháu. Nhờ trời phật phù hộ, từ khi về ở trại này chúng nó được khỏe mạnh, cả tôi cũng ít sinh chứng nữa. Có lẽ vì đất ở đây lành”.

Là chủ suy của văn phái, trước phong trào rầm rộ, Nhất Linh đã cuộn vào ngọn gió cải cách. Ông không chỉ là người khởi xướng, cổ súy, mà còn hăng hái tham gia trực tiếp. Ngày 13 tháng giêng năm 1938 ông đã đọc diễn văn tại Nhà hát lớn Hải Phòng, với lòng nhiệt huyết. Sau khi nói ý nghĩa, mục tiêu và hành động của Đoàn Ánh Sáng, kết thúc ông nhấn mạnh: Ta không nên nói việc sắp làm là một việc thi ân cho các bạn nghèo. Chúng ta phải tự cho rằng hững hờ với họ là một sự không công bằng, là một tội lỗi nữa. Và ngay từ bây giờ đây, ta phải cố sức để chuộc cái lỗi đó với các bạn nghèo kém trong xã hội(đăng trên số 94- báo Ngày Nay năm 1938

Phong trào Ánh sáng đã có tác dụng thiết thực trong đời sống dân quê làm cho nhiều trí giả cũng thấy mình không thể đứng ngoài cuộc. Bà Vũ Ngọc Phan cất tiếng cổ súy bằng một bài thơ Khuyên người vào Hội ánh sáng đăng trên báo Ngày Nay số 106/ năm 1938, có những đoạn sau:

...Chôn thôn ổ bấy lâu tằm tối

Nghĩ dân quê lắm nỗi làm than

Miệng ăn đã khô muôn vàn

Lại còn chôn ở tòi tàn khá thương

...Nay được chôn ra vào thư thả

Buổi hoàng hôn vất vả trở về

Vợ con khỏe mạnh đề huề

Tuy nghèo lòng cũng hả hê muôn phần

...Kết quả ấy là công Ánh Sáng

Vậy hỡi ai là bạn đồng tâm

Rủ nhau vào Hội cho đông v.v.

(Nguồn: *Sachxua.net*)